

Tác Giả và Tác Phẩm

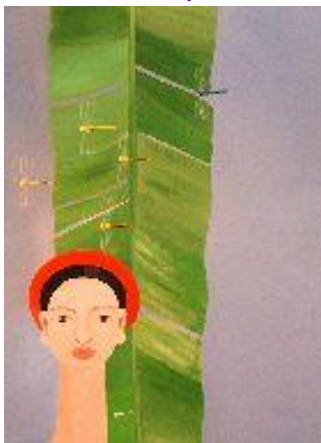
Nguyễn Kiên

Tiểu sử

Tên thật: Nguyễn Quảng Hường. Sinh năm 1935 tại Hà Đông, Hà Tây.
Hiện đang ở Hà Nội.

Tác phẩm

Ảnh đen trắng - Giếng xưa – Vực Thẳm



Mục Lục

Vực thẳm – 2
Ảnh đen trắng – 10
Chim khách kêu – 16
Thằng Còi bạn tôi – 22

Phụ đính:

Cầu đá xanh - Anh Keng - Cơ may của Nhím
Con của rừng - Khách không mời - Trái cam trong lòng tay

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vực thăm

Người tôi gặp đầu tiên trong chuyến về thăm làng sau ngày hòa bình lập lại là Hức. Tôi chào gã nhưng gã chẳng hé răng, chỉ giương đôi mắt trắng dã lên nhìn tôi, vẻ hung dữ. Mẹ tôi bảo: "Chấp nó làm gì, nó điên đấy!".

Những cơn điên của Hức thật đáng sợ. Gã đi dọc làng, chân tay múa may, nói lảm nhảm không ngớt. Thành thạo gã lại gào lên. Gã đập nát tất cả những gì gã nhặt được trên đường. Vô phúc đứa trẻ nào chạy theo, trêu chọc gã, gã tóm được là bị ăn đòn ngay. Có lần, gặp một cô hàng thuốc lào, gã tụt ngay quần ra, đứng chạng háng ở giữa đường và cứ thế cười lên sằng sặc... Sau khi đã kiệt sức, gã đi lại lừ đừ, thất thểu về cái quán hoang ở đầu xóm, nằm gục xuống, ngủ như chết. Cho đến khi cơn đói đốt cháy bụng gã lên, gã mới tỉnh dậy. Gã dụi mặt, nhìn gian quán trống trơn một lượt rồi lúi lúi ra đi. Gã lên phố huyện, vào hàng cơm, ngồi riêng một bàn, đàng hoàng và cứ giương đôi mắt trắng dã lên nhìn những người chạy bàn. Người ta phải cho gã ăn. Xong, gã đi phát phơ quanh phố. Có lần, ở bến ô-tô, gã gặp một ông hàng bánh dày gánh hai hòm kính để phơi ra những chồng bánh trắng muốt. Gã thèm quá, liền tới gần người đi xe rom cho công trường đê đang ngồi nghỉ bên lề đường và nói với ông cụ già nhất:

- Ông cho cháu xin vài trăm, cháu mua bánh về ông cháu ta cùng ăn cho vui nào!

Gã làm hai miếng, hết gọn đôi bánh. Và gã lại chia tay ra, nhả nhó cười:

- Chỗ ông cháu ta, đàn ông đàn ang với nhau, chẳng nhẽ ông để cháu đi xin bọn đàn bà, xấu hổ bỏ mẹ!

Nói tóm lại, khi nổi cơn điên gã như một tên say máu và khi cần kiếm ăn gã lại có đủ mảnh khóc của một tên lưu manh thạo đời. Tuy vậy, cũng có những lúc gã tỉnh táo và tỏ ra biết điều. Những lúc đó gặp ai trên đường gã cũng nép sát vào tường, chào hỏi cẩn thận rồi cúi gầm mặt xuống, nhìn né đi chỗ khác. Gã biết điếm mặt từng người trong làng xem có thể đến nhà ai, xin được cái gì. Nhà tôi thuộc số gia đình gã thường hay lui tới xin xỏ nhất, vì mẹ tôi vẫn thường giúp gã, đã hàng chục năm nay.

Gã vốn con nhà nghèo, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, phải đến ở với ông xã Thịnh là bác ruột. Ông xã Thịnh giàu có nhưng cả hai vợ chồng đều keo kiệt, thấy nuôi gã chẳng béo bỏ gì nên càng về sau đối với gã càng tồi tệ. Lúc nhỏ, chưa biết gì, gã đành cam chịu, bị chửi mắng nhiều quá thì trốn vào một xó, nằm khóc, thế thôi. Lớn lên, gã lì ra, gã cãi lại và khi đã trưởng thành, gã phản kháng ra mặt, gã bỏ nhà ra đi. Gã lên phố huyện đẩy xe bò thuê hoặc làm các việc linh tinh khác. Cũng có khi ông xã Thịnh cần người làm đi gọi gã về, cũng có khi vì đói bụng gã tự bò về, nhưng chỉ được một thời gian ngắn rồi đầu lại hoàn đầy. Gã như con ngựa bất kham và cứ hư hỏng dần. Về làng, gã để cái đầu bù xù, tóc mai dài và nhọn hoắt, áo bao giờ cũng phanh cúc ngực. hể chó nhà ai xỏ ra cắn là gã nhặt gạch ném văng mạnh vào sân nhà người ta và trợn mắt lên quát: - ồ, ồ... mẹc-xà-lù, cu-sông!

Gã đọc tiếng tây cứ thoảng đi. Ai diều cọt hoặc tỏ ra nghi ngờ là gã sinh sự rồi nhỏ toẹt và nói: - Suốt đời chỉ ru rú ở nhà rúc váy vợ, biết cái đếch gì!

Nhưng gã năng lên phố huyện còn vì một duyên cớ khác nữa.

Tôi có người chị họ tên là Nuột. Nuột sợ làm ruộng nên đem mẹ già lên phố huyện, đi bán quà bánh ở bến ô-tô. Nhờ gánh hàng, không phải dầm mưa, dãi nắng, Nuột phỏng phao hẳn lên, hai cánh tay để trần cứ trắng ngòn ngộn. Chiều đến, Hức thường diện bộ cánh thật bảnh, chải đầu bằng nước lã rồi lượn qua, lượn lại trước hàng Nuột. Gã mua đĩa lạc luộc hoặc dầm cái kẹo bột ngồi ăn và liếc mắt cười tình với chị. Ban đầu, chị nguýt gã và chỉ muốn xua đuổi gã đi. Nhưng càng thế gã càng ngồi dai, đôi mắt gã càng sáng long lanh, nhảm nhảm đủ các trò. Nuột không sao cưỡng lại được, chốc chốc lại phải ngược nhìn gã một cái thật nhanh, hai má đỏ ửng. Tuy vậy Nuột thừa biết Hức xác như ve, lại lông bông nên chỉ đối đãi với gã vừa đủ mức giữ gã làm khách hàng. Mấy bác ét ô-tô, phu kéo xe nhà, anh nhỏ ở hiệu thuốc bắc... chiều chiều cũng thường ra đây ve vãn Nuột. Nuột chẳng màng ai. Lúc nào chị cũng mơ tưởng đến cảnh sống của

anh chủ hàng cơm ở trước bến ô-tô: Chồng đứng chặt thịt chó côm cốp, vợ ngồi canh nồi nước xáo, cả hai cứ béo mẫm ra...

Một hôm, trời trở lạnh, thấy Nuột chít cái khăn vuông bạc phếch, ngồi co ro, Hức liền tán:

- Tớ có cái khăn vuông len đẹp lắm, hôm nào tớ đưa cho đằng ấy chít, chít cái khăn kia phí hoài cả đời người đi!

Nuột bĩu môi:

- Tôi thì thêm vào cửa nhà anh!

- À hà, thêm và... ào... à?

Hức cười ngật ngưỡng rồi bỏ đi. Hôm sau, gặp phiên chợ, bến ô-tô chật ních người. Hức trông thấy một bà lái buôn béo ị, đang chen vào chỗ lấy vé xe, mồ hôi ướt đầm tấm lưng to bè, chiếc khăn vuông len kẻ ô vuông tụt xuống, vương hờ ở trên vai. Hức xoáy luôn chiếc khăn vuông len nọ... Từ đấy, Hức sinh ra trộm cắp. Gã bị đội xếp bắt giải về làng, giao trả ông xã Thịnh. Và cũng từ đấy ông xã Thịnh có có để trút tất cả mọi tội vạ lên đầu gã. Ông ta xỉ vả gã thậm tệ, làm như từ xưa tới nay vợ chồng ông vẫn đối xử với gã tốt nhất trần đời và tổng gã xuống ở xó nhà ngang, cạnh chuồng trâu. Gã chẳng nói năng gì hết, nhưng thỉnh thoảng lại cuõm cửa nhà ông ta một mẻ các đồ dùng đáng tiền và chuồn đi. Dần dần, gã quấy nhiễu đến những nhà khác, những nhà thường tỏ ra đồng tình với ông xã Thịnh, miệt thị gã, ruồng rẫy gã.

Riêng đối với gia đình tôi, gã vẫn rất tử tế. Mẹ tôi vốn sẵn lòng thương người nên thường tỏ ra ái ngại cho cái tình cảnh khốn khổ của gã và lựa lời khuyên bảo gã điều này, điều khác. Vả lại gã còn muốn nhờ mẹ tôi làm mối cho đám chị Nuột tôi. Bấy giờ, thấy mẹ tôi nhận lời giúp gã tôi cứ ngấm ngấm cáu mẹ tôi, tội gì mà lại chuốc vạ vào mình, gã chẳng tốt đẹp gì mà chị Nuột tôi cũng vậy... ấy thế mà, thật không ngờ, về sau chính tôi lại là người vun vén cho họ.

Cuộc kháng chiến nổ ra được hơn một năm thì địch tràn đến chiếm đóng phố huyện, chỉ còn cách làng tôi tám cây số.

Mẹ chị Nuột tôi đã chết, chị trở về làng và đến ở nhờ nhà tôi. Ông xã Thịnh, cũng như nhiều gia đình giàu có khác trong làng đã tản cư đi xa, chỉ còn mình Hức ở lại trông nom nhà cửa và, theo lời ông ta nói, thay mặt gia đình ông đóng góp vào công việc hàng xã. Bấy giờ, phong trào làng tôi đang lên cao. Người ta bận rộn tui bụi suốt ngày về việc chặt tre rào làng, đào giao thông hào, đắp ụ, đục tường nhà mở lối đi bí mật... Đêm đến lại tập mã tấu ở sân đình cho tới khuya và ngủ tập trung đầy cả dãy táo mạt. Ngoài những việc ấy ra, hầu như tất cả mọi việc khác đều bị ngừng trệ. Thành Tây đã đóng ở phố huyện rồi, chỉ nay mai là nó sẽ tiến đến đây, nếu mình không giết nó thì nó sẽ giết mình. Hoàn cảnh ấy đã tạo nên một tâm trạng chung hết sức căng thẳng đồng thời cũng tạo nên nhu cầu phải hành động thực mạnh mẽ, giản dị và rõ ràng.

Các cô gái làng, bạn bè cũ của chị Nuột tôi đã lòi cuốn chị vào phong trào. Thỉnh thoảng chị lại mở cái hòm gỗ đồ cũ kỹ của chị ra, giở cho tôi xem những bộ quần áo đẹp nhất của chị, chiếc khăn vuông len kẻ ô vuông và các thứ vật vãnh khác toàn là của giai cho và chị thờ dài, về nhớ tiếc điều gì không bao giờ còn trở lại nữa. Nhưng rồi chị vẫn tặc lưỡi, nói với tôi:

- Thôi, chú cầm lấy mấy nghìn bạc này đi mà đóng thóc xay cho anh em du kích ăn.

Một đêm, vào khoảng khuya, tôi đi ra vườn, thỉnh lình bắt gặp Hức đang trèo tường vào nhà tôi. Tôi im lặng. Gã lén đến đến nếp nhà ngang, nơi chị Nuột tôi ở, cào tay vào cánh liếp, chốc chốc lại khẽ gọi, nghe rền rĩ và tha thiết. Nhưng chẳng ăn thua gì, gã bực bội nhổ toẹt rồi quay ra. Tôi gọi giật gã lại:

- Anh Hức!

Hức giật mình, đứng sững, lúng túng nhìn tôi và cười ngượng nghịu. Lúc ấy trông gã hiền lành và dễ thương quá.

Tôi bảo gã, đùa hơn là thật:

- Anh cứ vào du kích đi rồi tôi nói giúp cho!

ít hôm sau, gã xin vào du kích thật. Tôi đâm hoảng nhưng cũng đành phải nhận gã vào trung đội của tôi. Gã làm chúng tôi thật vất vả. Gã chẳng biết tí gì về quân sự nhưng lại hay lên mặt dạy khôn anh em. Nói gã, gã phát khùng, gây sự với người ta hoặc buông bịch ra đấy. Nhưng anh em

cũng dễ tha thứ vì gã có cái hăng hái riêng của gã. Đầu tiên, gã thật luôn con chó mực to tướng của nhà ông xã Thịnh cho trung đội chén một bữa no say. Trong làng, còn bao nhiêu chó vô chủ gã đều lần lượt cho ăn bả, lăn quay ra chết sạch. Bả chó gã làm thật tuyệt nhưng anh em tránh không nhắc đến việc này sợ chạm đến những chuyện xấu xa của gã. Gã lúi ở trong nhà ông xã Thịnh ra tất cả bộ đồ phòng cướp như dao mác, đinh ba, dao quắm đem cho trung đội hết. Tôi đề nghị xã đội biểu dương gã. Gã lại càng vênh váo với anh em, nhưng cũng chẳng sao vì cái chính là gã đã tỏ ra có ý thức và có trách nhiệm trong công tác. Cứ sau mỗi phiên gác đêm gã lại báo cáo tỉ mỉ với chúng tôi đêm đó có tiếng mõc-chiê địch cầu về làng nào, có ánh lửa cháy ở vùng nào. Những điều gã phỏng đoán đều đúng hoặc chỉ xê dịch chút ít.

Tôi bắt đầu nói hay cho gã trước mặt chị Nuột tôi. Ban đầu, Nuột nguyệt tôi:

- Đang đánh nhau đi đừng khắp nơi, chú toàn nói chuyện tầm phơ!

Sau, Nuột chỉ im lặng. Tôi biết ý, liền bảo Hức:

- Đêm nay anh em chúng tôi đi họp vắng cả, ở nhà chỉ có mẹ tôi với chị Nuột tôi, anh cứ đến mà nói chuyện.

Địch đã mở một chiến dịch càn quét mới. Máy bay của chúng liên tiếp đến khủng bố các làng kháng chiến trong vùng.

Giữa tiếng bom nổ rền, trong bầu không khí khét lẹt mùi lá gồi cháy, bên cạnh những thân người bị xé ra từng mảnh, thịt bay cả lên ngọn cây, cả Hức và chị Nuột đều nhìn thấy rõ cái chết hiện ra lừng lừng ngay trước mặt và để chống lại sự đe dọa khủng khiếp đó họ đã xích lại gần nhau. Vào những đêm yên tĩnh, lại không đến phiên gác, hai người thường rủ nhau ra ngồi trò chuyện ở những nơi vắng vẻ.

Gã nắm chặt lấy tay Nuột, nhìn Nuột đăm đúi, còn Nuột thì cúi đầu xuống, đôi mắt lim dim, miệng mỉm cười. Một lần gặp nhau không tìm hãm được mình nữa, Hức ôm choàng lấy Nuột, áp chặt chị vào gốc sung bên bờ ao nhưng chị vội vàng đẩy Hức ra, chạy thẳng một mạch về nhà. Nhưng vài hôm sau, trong buổi tập đào hố chông, Hức khế chặt vào cánh tay Nuột một cái, nháy mắt ra hiệu, Nuột lại lẳng lặng trốn các bạn bè ra chỗ hẹn với Hức.

Bấy giờ, trong số người hăng hái hoạt động có thím hai Đắm. Chồng thím là thợ mộc, quanh năm xách tràng đục đi ăn cơm thiên hạ. Thím đã có hai mặt con nhưng vẫn chê chồng. Đã thế chồng thím lại bị mắc nghẹn tận bên phủ Thường từ mấy tháng nay, giờ gần chưa thấy tăm hơi gì. Vốn người khỏe mạnh lại đa tình nên thím chẳng thể nào chịu mãi cái cảnh nằm sông. Thời gian rào làng, thấy Hức cứ lách vào giữa bụi tre, chọn những cây to mà chặt rồi lúi ra phăng phăng, vác gọn ba, bốn cây một chuyến, thím hai Đắm đâm ra mê gã. Thím đi tìm mua kỳ được thứ thuốc Lào ngon nhất rồi rình những lúc vắng vẻ, thím sấn lại gần Hức, dúm vào tay gã. Gã nghĩ bụng: "Của giờ cho, tội gì chẳng nhận!". Nhưng gã chỉ bông lơn với thím cho vui chuyện thôi.

Một đêm, Hức đi đặt lờ về, ngang qua nhà thím hai Đắm, thấy trong bếp có ánh lửa, lại nghe tiếng người gọi tên mình khe khe, gã liền rẽ vào. Thím hai Đắm thì thảo với gã:

- Mới mua được phong thuốc Lào Vĩnh Bảo ngon lắm. Hút thử mà xem.

Cái thứ thuốc Lào quái quỷ này ngon thật. Nó sắc nước, nặng mà lại êm. Hức đang lạnh, rít một hơi dài, thấy người choáng váng rồi ngã quay lơ. Lúc sau, tỉnh lại gã thấy mình nằm gối đầu lên đùi thím hai Đắm. Cái bếp lửa nấu cám lợn đã tắt ngấm từ bao giờ, chỉ còn ngọn đèn vện nhỏ như hạt đỗ, xanh lè, để sát vách. Thím hai Đắm ngồi cúi gập mình xuống, phả cả hơi thở nóng hổi vào mặt Hức, khế nói bằng một giọng run run:

- Hết say rồi à?

- Hết rồi.

- Hết rồi thì đi ngủ nhá?

- Không...

- Không thì bú tí vậy nhá?

Nói rồi thím hai Đắm vạch ngay yếm ra. Trong bóng tối mờ mờ, Hức trông thấy bầu vú trắng, to tròn và hơi chảy xệ xuống của thím hai Đắm và bàn tay thím nâng bầu vú ấy lên, về chờ đợi. Hức thấy lòng mình nóng cháy lên, cổ họng se lại, khắp người buồn buồn như có kiến bò. Gã định chộp lấy bầu vú nhưng liền ngay lúc ấy gã kim mình lại rồi đột ngột, gã vùng đứng dậy, hất mạnh

tay thím hai Đắm ra. Gã cầm đầu đi một mạch về nhà, vừa đi vừa nhổ toẹt toẹt, ngực áo phanh ra, mặc cho gió lạnh ùa vào.

Sau đêm ấy hai người không bao giờ giáp mặt nhau. Hức chẳng lấy thế làm tiếc rẻ. Gã còn đang say đắm Nuột. Từ nhỏ, gã vẫn thèm khát hơi ấm của gia đình, của những người thân và bây giờ chính Nuột đã mang lại cho gã. ở đội du kích, Nuột sống xa cách hẳn việc chợ búa với đủ các thói bon chen, mưu lợi. Nuột cũng ra đồng làm với chị em.

Chị làm không đến nỗi kém, nhưng chân tay chị trắng quá, bạn bè cứ xúm vào trêu ghẹo và dọa chị nếu có đi gác đêm phải cẩn thận không có Tây nó bắn chết toi. Chị vừa ngượng vừa sợ. Chị cố làm cho chân tay mình chóng bắt nắng. Chị lại giống như các cô gái khác trong làng.

Giấc mơ về anh chủ hàng cơm không còn ám ảnh chị nữa, những lời tán tỉnh của mấy gã đàn ông trắng hoa ngoài bến ô-tô cũng không còn làm xiêu lòng chị nữa và chị đã yêu Hức với tất cả những gì tốt đẹp của một cô gái làng nghèo khổ, cô cút, còn sót lại và đang sống dậy trong lòng chị. Đợt càn quét của địch vẫn kéo dài. Chúng tiến đến làng La, chỉ còn cách làng tôi một cánh đồng và đóng quân lại ở đình. Chúng tôi cần cấp tốc tổ chức điều tra tình hình địch để định kế hoạch tác chiến. Hức khẳng khăng một mực đòi đi. Gã đi vào khoảng gần nửa đêm, đến tờ mờ sáng thì về, bùn lấm suốt từ đầu trở xuống. Về tình hình địch canh phòng, quân số và vũ khí gã nắm không được rõ ràng cho lắm nhưng để bù vào đó gã mang về một bọc bánh mì và vỏ số thịt hộp. Thì ra, lọt qua trạm gác gã đã mò vào tận bếp của địch, lục lọi hồi lâu rồi mới chịu ra. Gã giảng giải huyền thuyên cho chúng tôi nghe về các thứ thịt hộp.

- Còn đây là xi đánh giày - gã vứt ra mấy thỏi gì đó màu nâu nâu và nói, về thành thạo - mẹ kiếp, xi đánh giày mà cũng bọc giấy bóng với giấy bạc.

Đồng chí cán bộ huyện đội có mặt ở đó nhìn gã, tòm tòm cười rồi nhặt lấy, bóc ra ăn ngon lành. Gã nhăn mặt chê bần. Đồng chí ấy bảo đó là xúc-cù-là. Chúng tôi cũng ăn. Rồi cuối cùng gã cũng ăn nốt. Nhưng gã vẫn khẳng khăng cãi rằng trên đời chẳng có thứ gì gọi là xúc-cù-là.

Sau chuyện này tôi theo đồng chí cán bộ về huyện rồi đi công tác thoát ly. Trong những năm dài sống xa quê hương tôi thường hay nghĩ đến Hức. Gã chưa phải là một đội viên du kích tốt nhưng ít ra thì gã cũng đã tránh xa được cái vực thẳm tội lỗi mà trước gã vẫn lảng vảng ở trên bờ.

Nhưng, ngày nay, tôi trở về làng gặp lại gã thì gã đã rơi xuống đáy vực từ bao giờ...

Mẹ tôi bảo:

- Thằng Hức nó biết anh về rồi đấy. Nó là thằng dại, mình là người khôn, nó đã hỏi mình, mình cũng nên giả nhời nó, kéo nó tội nghiệp!

Một buổi sáng, đi qua cửa quán, tôi thấy gã đang ngồi co ro sưởi nắng, hai bàn tay đen đui vuốt ve một cách triu mến con mèo cái già không biết của nhà ai nằm ở dưới chân, tôi liền rẽ vào. Tôi hỏi gã:

- Anh có nhận ra tôi không?

Gã không trả lời, chỉ ngẩng lên nhìn bằng đôi mắt tinh khôn và nở nụ cười gượng gạo nhưng ngay thật. Tôi đem cho gã một bó rơm khô để rải ổ. Gã cảm ơn tôi và nói:

- Tôi phơi thêm một nắng cho thật nở đã rồi mới rải.

Tôi cùng gã rũ rơm ra góc sân. Con mèo cái già ngồi thu hình dưới nắng, ngay phía trước, đôi mắt lim dim, thỉnh thoảng lại khẽ kêu "gừ... gừ". Gã thường sẽ phần ăn gã xin được cho con mèo và con mèo trở nên thân thiết đối với gã. Nhìn con mèo, tôi nghĩ đến cảnh cô độc của gã, bỗng thấy ái ngại. Xã Thịnh, trong thời gian địch chiếm đã ra làm lý trưởng tề và bây giờ hẳn ta cùng các con giai đã đi Nam cả, chỉ còn bà vợ và đứa con gái nhỏ ở lại. Bà này đã từ gã, chỉ thỉnh thoảng nhắc đến gã bằng vài câu thương hờ. Tôi hỏi thử:

- Sao anh không về ở nhà xã Thịnh có phải hơn không?

Gã chẳng nói sao, chỉ nhổ toẹt một cái, mặt sa sầm.

Tôi nói:

- Đời người ta thay đổi kể cũng nhanh. Hồi tôi đi anh vẫn còn trẻ măng. Tôi vẫn còn nhớ rõ món một cái đêm anh trèo tường vào vườn nhà tôi...

Nghe nhắc đến chuyện trèo tường gã quay lại nhìn tôi một thoáng rồi vội quay đi, vẻ giận dữ. Một cơn gió nổi, ném một chiếc lá vàng xuống trước mặt chúng tôi. Con mèo liền chồm tới, vờn chiếc

lá đang xoay tròn. Cùng lúc ấy, đột nhiên Hức ném cái gậy gậy rơm về phía con mèo và hét lên:
- Mẹ cha mày!

Tôi vội nhặt lấy cái gậy. Gã liền sấn tới, định giăng lại. Mặt gã đỏ bừng, đôi mắt sáng lên vẻ man rợ, trán nhú lại và một bên mép cứ giật lên.

Tôi định ninh chẳng còn dịp nào để trò chuyện với gã nữa, không ngờ sau đó chính gã lại tìm đến tôi. Một đêm trời lạnh, cả nhà tôi ngồi quây quần quanh bếp lửa rang ngô ăn. Chợt tôi trông thấy gã đứng mé ngoài cửa bếp tự lúc nào và đang nhìn vào, vẻ mặt hiền lành, đôi mắt chăm chú đầy vẻ thèm khát.

Tôi liền chạy ra, kéo gã vào trong bếp. Gã ngoan ngoãn nghe tôi nhưng nhất định không chịu ngồi chung với chúng tôi, chỉ chìa tay nhận vốc ngô rồi ngồi lùi lại phía sau. Ăn xong, gã nằm quay lơ ra ngủ, đầu vùi trong đồng rạ. Khi cả nhà tôi đã lên nhà trên, tôi khẽ lay gã dậy, bảo gã về kê khuya.

Gã ngằn ngừ một lúc rồi nói:

- Anh cho tôi ở đây có được không? ở đây có lửa ấm...

Rồi gã cứ ngồi nhìn trần trần vào đồng than hồng trong bếp. lát sau, gã khẽ nói:

- Hôm nọ tôi chửi anh thế, anh có giận tôi không?

- Chẳng việc gì mà giận.

Gã cúi mặt, tỏ ra ân hận. Tôi liền gọi:

- Anh có nhớ ở cái nền bếp này trước nó thế nào không?

- Có cái nhà ngang ba gian.

- Ừ, cái nhà ngang chị Nuột tôi vẫn ở đấy.

Gã im lặng.

- Anh có biết chị Nuột tôi bây giờ ở đâu không?

Gã thờ dãi đánh thượt một cái và lắc đầu:

- Không.

- Anh không nói dối tôi được đâu. Anh hãy kể cho tôi nghe tại sao anh và chị Nuột tôi...

Đột nhiên gã đứng phắt dậy, chửi một câu gọn lỏn: "Con mẹ nó!", rồi không hiểu ngấm nghĩ thế nào gã lại ngồi xuống và gã bắt đầu kể cho tôi nghe những điều gã còn nhớ được...

Chuyện gã kể không đáng tin cậy một chút nào nhưng dù sao nó cũng rất có ích cho việc tìm hiểu một con người phức tạp như gã. Tôi sẽ nói rõ điều này ở đoạn sau. Bây giờ, trước hết tôi hãy kể lại câu chuyện thực về gã mà bà con trong làng đã cho tôi biết.

Sau khi tôi đi được ít lâu, làng tôi bị địch chiếm. Đội du kích bị thiệt hại nặng, tan rã ra từng mảng, những phần tử trung kiên phải rút vào bí mật, còn thì mạnh ai nấy chạy. Hức theo một số người trốn sang bên kia sông Đáy. Hơn nửa năm sau, nghe nói làng đã lập tề, gã trở về. Gã không còn được gặp Nuột. Nuột chạy lên phố huyện. Nuột gặp một chị bạn buôn cũ, nay mở cửa hàng giải khát và ở nhờ nhà chị ta. Cửa hàng mới mở nhưng lính ngục kéo đến suốt ngày nên lời lãi cũng khá. Nghĩ phận mình thân cô thế cô, đã mấy lần Nuột định trở về làng, dựa dẫm vào bà con. Nhưng cái không khí buôn bán ồn ào, những món lời, những lời tán tỉnh giăng hoa của khách hàng trong lúc say sưa... cứ giữ Nuột lại. Chân tay Nuột lại dần dần trắng trẻo ra. Chị bạn Nuột có đứa em trai tên là Bạo, đi lính bảo hoàng, đóng ở chốt La thường vẫn về chơi và làm thân với Nuột. Bạo đẹp giai, ăn nói có duyên, lại có tiền. Chị em Bạo giúp Nuột xin môn bài, cho vay vốn và Nuột cũng đã trở thành cô bán hàng giải khát có một gánh hàng nho nhỏ, hai cái bàn và bốn chiếc ghế dài kê ngay dưới gốc bàng, xê cửa hàng của chị Bạo. Cuộc sống cũ đã trở lại và những mộng ước cũ cũng đã trở lại với Nuột. Chị vấn tóc trần, mặc áo phin nỡn nhuộm gụ, hai bên xê tà để hé ra mầu áo lót trắng bong. Tai chị lủng lẳng đôi khuyên vàng của Bạo cho. Chị đã quên Hức...

Một hôm Hức vào hàng Nuột. Hai người cùng đứng sững nhìn nhau và cùng im lặng. Hức lấy một chai bia, tự mở nút, ngửa cổ tu ực một hơi hết sạch. Gã chờ xem Nuột có nói gì không.

Nhưng Nuột chẳng nói gì. Gã giận quá, đặt phịch cái vỏ chai xuống quầy hàng, chia mấy tờ giấy bạc ra trước mặt Nuột, nói rít qua kẽ răng:

- Tiền!

Nuột tái mặt đi, bàn tay nắm chặt mép quày hàng cứ run lên làm cho thìa, cốc chạm vào nhau kêu lách cách và chị lắc đầu, khẽ nói, nghe không ra hơi nữa:

- Không!

Hức giận điên người. Một bọn lính đã kéo đến hàng Nuột. Chúng có súng, lại đông... Hức đành lùi thủi về làng.

Ban đầu Hức nghĩ: "Chậc, báu gì cái quân tham vàng bỏ ngải ấy. Hừ, kệ mẹ nó, nó muốn đi theo thằng nào thì đi!".

Nhưng Hức càng muốn quên đi bao nhiêu thì hình ảnh Nuột càng hiện ra rõ ràng bấy nhiêu trong trí nhớ của gã. Gã vừa yêu, vừa căm giận Nuột. Rồi gã đâm ra căm giận tất cả bọn đàn bà. Giả thử bây giờ có một người nào đó như thím Đám chẳng hạn đến với gã, gã chẳng ngần ngại gì mà không dằn ngựa thị ra cho thỏa cơn thèm khát rồi gã sẽ bóp cổ cho thị chết thè lưỡi ra.

Nhưng gã chờ đợi chỉ uổng công. Một số anh em du kích hoạt động bí mật vẫn gần gũi Hức.

Nhưng Hức tỏ ra hờ hững. Gã muốn phải làm loạn phố huyện lên và gã biết những người du kích chẳng thể nào chiều ý gã. Vào du kích, gã sẽ phải làm những việc khác...

Thế là Hức biến khỏi làng. Gã xin vào lính. Gã không vào lính bảo hoàng mà vào lính pa-ra- suýt (Lính nhảy dù) đóng tại một bốt lớn trên đê sông Đáy. Gã định bụng chỉ đi lính khi nào trả thù xong tên Bạo thì thôi.

Ngày phiên chế đến đơn vị, đội Hiền, cấp trên chỉ huy trực tiếp của Hức hỏi Hức:

- Sao chú mày lại xin đăng lính?

- Giận đời thì đăng!

Đội Hiền phá lên cười, vẻ thích thú.

Sau khi biết chuyện của Hức, đội Hiền cho gã một con dao găm và khích gã:

- Con dao này mà đâm trúng ngực thế nào cũng lọt tới tim. Chúc cho chú mày được toại nguyện.

Những phiên chợ La người ta thường thấy Hức mặc bộ quần áo loang lổ, đội mũ lá vãi, vai đeo súng, diện giầy đinh cùng với mấy tên lính pa-ra-suýt đầu trâu mặt ngựa khác đi nghênh ngang. Hức uống rượu say túy lúy. Gã uống rượu để giải sầu và để nung nấu thêm mối thù trong dạ. Một phiên chợ, Hức trông thấy Bạo cùng lũ bạn của nó ngồi trong hàng thịt chó. Hức liền lừ lừ đi tới, rút dao găm ra và nói, giọng rít qua kẽ răng:

- Bạo! Sao mày dám cướp vợ tao?

Hức giơ dao lên. Nhưng chính trong khoảnh khắc quyết định đó Hức bỗng thấy lạnh buốt ở sau lưng, bao nhiêu ý nghĩ táo tợn thoát tan biến, gã đâm ra run tay, đường dao hạ xuống đến nửa chừng thì hơi chệch đi và cắm phập xuống mặt bàn. Bạo tái mặt, rồi trấn tĩnh được ngay, hấn liền chồm tới cướp lấy con dao. Hai người giằng co nhau cho đến khi nghe tiếng lưỡi dao gẫy đánh khác, cái sức mạnh hung bạo trong người Hức vừa dịu xuống lại trở dậy. Hức với ngay cái vỏ chai rượu để trên bàn đập mạnh vào mặt Bạo. Bạo thét lên một tiếng ngắn, ngã sấp mặt xuống bàn và trong giây phút đó Hức thấy có một cái gì đỏ lòe hiện ra...

Bọn lính pa-ra-suýt vốn là đàn anh trong tất cả các loại lính nguy nên Hức chỉ bị phạt giam ba hôm cho có chuyện.

Hết hạn giam, vừa về tới đơn vị, đội Hiền đã vỗ vai gã, nhếch mép cười và nói:

- Anh buồn cho chú mày quá, chú mày làm uổng cả công rèn dao của anh!

Hức nhìn đội Hiền, vẻ buồn rầu, không nói gì cả.

- Chú mày sợ à!

Hức cúi mặt xuống. Lát sau gã bỗng ngẩng phắt đầu lên, dãn giọng nói:

- Không, tôi không sợ! Rồi tôi sẽ giết chết thằng Bạo cho anh xem!

Chắc chắn là lúc này gặp Bạo, Hức chẳng ngần ngại gì mà không đâm chết nó.

Nhưng Bạo biết mình kém về đã xin đổi về làm lính hầu cho tên quận trưởng, không bao giờ ló mặt ra khỏi phố huyện.

Mối thù chưa trả được và những lời kích động của đội Hiền làm cho lòng gã luôn luôn nhức nhối không yên. Tay gã đã vấy máu Bạo. Máu ai cũng chỉ đỏ đến thế mà thôi. Dù có dúng cả cánh tay vào máu đi nữa gã cũng chẳng còn ghê sợ.

Tuy vậy, sau mỗi trận càn, càng bắn giết, đốt phá bao nhiêu gã lại càng thấy mỏi mệt, rời rã bấy nhiêu. Một nỗi buồn nặng nề, vô duyên cớ, cứ dâng lên tràn ngập trong lòng gã. Gã nghĩ vẫn vợ. Gã nhớ tới Nuột, nhớ cả thím hai Đắm. Nhưng cả hai người ấy đều đã tuột khỏi tay gã. Gã tự giận mình trước đây sao ngờ nghếch quá. Gã đâm ra thèm khát, không sao kìm hãm lại được. Và gã đi tìm đàn bà... Ngày lại ngày cứ thế trôi qua và gã đã trở thành một người khác hẳn.

Mùa thu năm 1953, địch mở trận càn quét lớn vào khu du kích vùng quê tôi. Hầu như tất cả các đơn vị Âu Phi và ngụy binh đóng trên phòng tuyến đê Đáy đều bị huy động vào cuộc càn quét này. Chúng dàn quân, giăng kín bốn mặt, cùng tiến sâu vào khu du kích, nhằm cắt vó cán bộ ta ở làng Chanh. Chiều hôm thứ ba của cuộc càn quét, đơn vị Hức dừng lại ở một làng chỉ còn cách làng Chanh một cánh đồng. Sự chống cự quyết liệt của du kích và cảnh hoang vắng của cả cái vùng rộng lớn này khiến cho Hức mệt mỏi rã rời. Gã muốn bắn giết, đốt phá, hãm hiếp cho chân tay đỡ buồn bực và lòng khỏi thấp thỏm lo âu. Các đơn vị đã chuẩn bị xong chỗ đóng quân, Hức lách mặt đồng đội, một mình đi tha thẩn về phía cuối làng, nơi đó những đơn vị tới sau đang dồn ứ cả lại. Gã đi tới gần một cái cổng xóm đổ, thỉnh linh gặp Bạo từ trong ngõ đi ra. Gã đứng sững ngay lại. Gã nhìn thấy một vết sẹo dài, bóng loáng trên trán Bạo, ăn lần xuống tận lông mày. Đúng là vết sẹo do Hức đập chai rượu vào mặt Bạo. Trong chốc lát, Hức cảm thấy sung sướng, hả hê nhưng liền sau đó cơn giận cũ lại bốc lên mạnh mẽ hơn.

Bạo lúng túng đánh tiếng trước:

- Chào anh!

Hức không trả lời, chỉ nhìn trân trân vào mặt Bạo. Gã nghĩ: "Phúc cho mày nếu gặp tao giữa lúc tiến quân thì tao đã cho mày một phát vào giữa sọ rồi!"

- Giờ tôi không làm lính hầu ở bốt quận nữa. Tôi đi tìm anh đã hàng tháng nay...

- Mày tìm tao? Mày tìm tao để làm gì?

Hức nói qua hai hàm răng nghiến lại và gã tiến lên sát mặt Bạo, Bạo thoáng vẻ bối rối nhưng hấn trấn tĩnh lại được ngay, hấn nuốt nước bọt và nói một cách khó khăn:

- Nuột bị người ta cướp mất rồi... Ông một Cát-xi ở quận cướp mất Nuột rồi!

- Cát-xi à? Cát-xi nào? - Hức nói chậm rãi, rồi đột nhiên gã túm lấy ngực áo Bạo và to giọng lên:

- Sao mày không giữ được vợ mày? Sao mày không giết ông lớn nhà mày đi?

- Khốn khổ thân tôi. Anh xem, tôi chỉ là một thằng lính hầu...

- Mày là thằng hèn!

Hức xô Bạo ngã dúi vào thành cổng. Bạo vẫn không chống đỡ gì. Với một chủ định sắp sẵn từ trước, Bạo liền dùng một cái giọng hết sức buồn rầu kể lại tỉ mỉ cho Hức nghe ông một Cát-xi đã cướp Nuột đi và giày vò Nuột như thế nào.

Hức giận điên lên, ngắt lời Bạo:

- Ông một nhà mày hiện có ở đây không?

Bạo gật đầu.

- Mày chỉ cho tao, tao sẽ giết nó.

- Một mình anh không làm gì nổi đâu.

- Tao sẽ giết nó rồi sẽ giết mày luôn.

Bạo biết rằng bây giờ là lúc có thể nói ra những mưu toan của mình với Hức và hấn tin Hức sẽ không phản lại. Hấn nắm chặt lấy tay Hức, giọng cầu khẩn:

- Anh Hức ơi, sao anh lại định giết cả tôi? Trước đây tôi là kẻ thù của anh nhưng bây giờ tôi có còn như trước nữa đâu.

Ruột gan tôi đang rối như tơ vò. Tôi xin anh, anh hãy quên những chuyện cũ đi, anh giúp tôi giết chết thằng Cát-xi cho hả giận này...

Hức nhếch mép cười chua chát:

- Mày không làm mũi lòng được tao đâu!

- Tôi đâu dám nghĩ như vậy.

- Thế thì mày dám nghĩ tới cái gì? Mày đừng có lải nhải. Mày có mưu chước gì thì cứ nói thẳng ra đi!

Hôm sau, trận càn lại tiếp diễn. Đến quá trưa, các đơn vị thuộc ba mũi tiến công - mũi thứ ba đã bị bộ đội địa phương bẻ gãy - đã trông thấy nhau trên cánh đồng làng Chanh. Với quân số đông như kiến vỡ tổ, chúng giăng thành hàng ngang, tên nọ cách tên kia chỉ một cánh tay, tràn qua những ruộng cỏ lạc rậm như rừng và thu nhỏ dần vòng vây lại. Cũng như thế tất cả các sĩ quan, viên quan một Cát-xi đi phía sau đơn vị của mình, đốc thúc quân lính tiến lên bằng mũi súng và những tiếng quát tháo. Đơn vị của Hức cũng đi gần đó. Khi gần tiến sát đến lũy tre làng, Bạo bỗng nổ một phát súng vào bụi rậm và kêu lên:

- Việt Minh!

Thế là các đơn vị quanh đó nháo cả lên. Hức nổ súng thét: "A-la-xô!" rồi bò tạt ngang, thúc vào đít đơn vị của Cát-xi.

Giống như một phản ứng dây chuyền, nhiều tiếng hô và tiếng súng nổ vang lên theo. Giữa không khí hỗn loạn hỗn quan ấy, Hức nhanh nhẹn giơ súng lên, nhắm vào đầu Cát-xi đang cúi lom khom sau một bờ ao và bóp cò. Bộ tóc màu vàng hoe rất đẹp của Cát-xi đột nhiên nảy bật lên, bay tung lên, rồi rơi xuống, nằm bất động bên bờ cỏ. Hức chớp mắt, thông thả chùi bàn tay nhơm nhớp mồ hôi vào ống quần. Nhưng gã chưa kịp mỉm cười thì một viên đạn đã bay vèo qua đầu gã, tiếp theo là tiếng kêu của một tên lính nào đó:

- Thằng kia làm phản. Bắt lấy nó!

Không kịp suy nghĩ gì, Hức nhảy vọt ngay về phía trước, tụt xuống lòng một con mương, cứ thế chạy. Đạn đuổi theo gã, kêu chiu chiu ở trên đầu. Rồi đột nhiên có một vật gì nặng nề đổ xuống lòng mương, ngay sau lưng gã làm nước bắn tóe lên. Hức quay lại nhận ra Bạo. Bạo đã chết. Hức lại cắm đầu chạy. Khi đã sắp lọt được vào lũy tre làng Chanh gã bỗng thấy đau nhói ở bắp chân và gã bị ngã chúi sấp ngay xuống. Gã thoáng nghĩ: "Mẹ kiếp, thế là hết!".

Nhưng Hức không chết, gã chỉ bị què. Gã bị giải ngay về ban tham mưu binh đoàn. ở đây có nhà giam và phòng tra tấn.

Mặc dầu trong người Hức không có truyền đơn hoặc một tang vật gì khả nghi, gã vẫn bị buộc tội mưu phản để chạy theo Việt Minh. Gã sợ quá. Gã cố chối quanh. Chẳng ai tin gã. Gã phải chịu một hình phạt khủng khiếp: bọn phòng nhì cắm ngậy đinh ghim vào mười đầu ngón tay gã, mỗi đầu đinh ghim cắm một cái lông tơ gà rồi chúng quạt phe phẩy. Mười đầu ghim khê động đập, ngoáy vào xương thịt gã làm cho gã đau buốt lên đến tận đỉnh đầu. Gã ngất đi, rồi gã khê kêu lên:

- Tôi xin nói... tha cho tôi...

Sau khi tỉnh lại, gã với lấy cốc nước lạnh buốt, uống hết sạch và bắt đầu kể lại đầu đuôi câu chuyện một cách ngay thật. Phòng nhì tư giấ về bắt của gã, yêu cầu xác minh những gì gã đã khai. Viên chỉ huy bắt chẳng đại gì vì một tên lính quen người bản xứ mà lại đi chuốc vạ vào thân nên chỉ trả lời bằng những nhận xét chung chung rằng quả là gã có những chuyện rắc rối về tình duyên ,v.v. còn chuyện vì sao gã bắn Cát-xi và bỏ chạy thì đó là việc của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền điều tra và kết luận.

Tòa án binh chưa thể kết án Hức. Bọn chúng cũng chẳng cần tiến hành điều tra thêm làm gì cho mệt xác thế là Hức cứ nằm bẹp mãi trong nhà giam. Những vết đạn bắn, kim đâm và đòn tra sưng tấy cả lên, rỉ mủ ra, thành dòi thành bọ ra... làm tình làm tội gã. Gã ốm liệt. Giữa những cơn đau đớn quần quại, gã bỗng nghĩ: "ừ, sao mình lại không chạy ra hàng Việt - Minh nhỉ?" Trước đây mình đã vào du kích, đã đi tập mã tấu, đi rào làng... Bọn họ buộc tội mình như vậy khéo mà thực cũng nên!". Ý nghĩ ấy làm gã bàng hoàng. Gã choàng dậy. Gã gào lên. Gã muốn phá phách, tung hô tất cả lên. Nhưng trong phòng giam trống trơn. Gã chạy cuồng trong phòng giam, đập cửa, đập đầu vào tường, nghiêng rãng lại mà bẻ những chấn song sắt và nhổ phì phì mỗi khi thấy bóng người đi qua. Gã đã phát điên...

Cái đêm ngồi ở bếp nhà tôi. Hức kể lại cho tôi nghe những điều rời rạc có liên quan đến Nuột và gã nguyện rửa Nuột bằng đủ các lời độc địa. Suốt cuộc đời bi thảm và tội lỗi dài dằng dặc của gã

chỉ có một thời gian ngắn ngủi là trong sáng và tươi đẹp, ấy là thời gian gã sống gắn bó với anh em chúng tôi trong đội du kích. Có lẽ mối tình vừa ngọt ngào, vừa chua chát đối với Nuột thường gọi cho gã nhớ lại cái kỷ niệm xa xôi và không bao giờ còn trở lại ấy nên gã căm ghét Nuột đến thế. Gã không nhìn thấy phần trách nhiệm nặng nề gã phải chịu sau khi gã tự ý rời bỏ chúng tôi, bước sang phía bên kia, bước đi ấy của gã là mò mẫm nhưng lại là quyết định... Trong đầu gã có một khoảng trống rỗng to lớn quá, đã từ lâu chỉ có bóng tối tràn ngập chứ không được ánh sáng rọi vào...

Tôi bảo mẹ tôi:

- Thằng Hức thế là hỏng rồi!

Mẹ tôi, với tấm lòng nhân hậu mà cả làng đều biết tiếng, nói với tôi:

- Thì thế... Nhưng nó là người làng, đánh kẻ chạy đi ai nỡ đánh kẻ chạy lại...

Mẹ tôi bàn với một số bà con trong làng sửa sang lại gian quán, rải lại ổ, lấy bao tải rách đụp lại làm chăn cho gã. Tôi cũng nghe lời mẹ tôi, cho gã cái áo trấn thủ đã sờn rách tất cả các ô quã trám của tôi. Những ngày mưa rét bắt đầu kéo đến. Hức nằm cuộn tròn trong ổ, ngủ li bì. Con mèo cái già thỉnh thoảng lại đến với gã. Gã ôm chặt nó vào ngực, mặc cho nó kêu gừ gừ, thỉnh thoảng lại ve vẩy khe khẽ cái đuôi như muốn cù vào cổ, vào nách gã...

Bỗng một đêm kia, con mèo đến kỳ động đực. Nó đi quanh trên nóc quán, gào lên từng thoi dài những tiếng "meeo... meeo..." kéo dài, cuồng si, rạo rục. Tiếng mèo gào đực, khác nào tiếng gọi vừa xa lạ vừa thân thiết của một cuộc đời bình thường thức tỉnh Hức nhưng đồng thời nó cũng giống như một sợi dây thừng màu xám trói chặt lấy gã, dìm gã xuống đáy một cái vực thẳm tối om và giá buốt. Từ đáy vực, gã ngẩng đầu lên, nhìn thấy một ngọn lửa cháy bập bùng tỏa hơi ấm ra chung quanh...

Gã vùng dậy, gã ném con mèo, làm xô từng mảng ngói lớn. Nhưng chỉ được một lúc sau, lại thấy tiếng con mèo gào đực không biết từ phía nào vắng tới nghe rền rĩ trong làn gió bắc thổi ù ù. Gã giật đứt các phên cửa và ôm cái ổ rơm quẳng cả ra sân rồi châm lửa đốt. Ngọn lửa này không giống như ngọn lửa gã vừa trông thấy trong tưởng tượng. Gã sợ, gã cầm đầu chạy ra khỏi làng và đi lang thang trên con đường hàng tổng, chính con đường đã dẫn gã về làng trước ngày hòa bình lập lại ít lâu...

Bấy giờ trời đã sáng. Mặt trời hiện lên sau màn sương mù phía bên kia cánh đồng. Một toán đàn bà đi chợ huyện nhô ra ở một chỗ ngoặt. Đột nhiên Hức từ sau khúc bờ cao nhảy bổ lên đường, hét to một tiếng nghe man rợ. Gã đứng nhìn các bà bỏ chạy, cười sằng sặc và lục tung quang gánh của họ lên. Gã không biết rằng một toán đàn ông từ phía sau chạy tới đã vây chặt lấy gã. Một bàn tay to lớn gân guốc túm chặt lấy ngực áo gã, lắc mạnh và đẩy gã ra xa. Gã khụy xuống rồi không hiểu sao gã khỏe hẳn lên, gã ôm đầu chạy một mạch về làng, nằm gục xuống trước cửa quán trống trơn.

Mẹ tôi đứng nhìn gã một lúc, quăng cho gã mấy cái bao tải rách cuối cùng của nhà tôi rồi ra về và nói với tôi:

- Tội ai nấy chịu, biết làm thế nào!

Cái sự thực ấy càng tàn nhẫn bao nhiêu lại càng đơn giản bấy nhiêu.

Ảnh đen trắng

Ngôi nhà cũ, giữa phố cũ, hẹp và dài như cái ống, suốt tầng trệt bị hai tầng gác trên che phủ, càng vào sâu càng ẩm thấp, tối tăm. Phòng ông Tụ ở đáy cái ống dài thượt đó, đúng hơn là cái đáy hang, may còn có khuôn cửa sổ nhìn ra mảnh sân con trỏ một ô vuông nhỏ xíu thông lên trời. Góc sân có một vòi nước dùng chung cho cả số nhà. Bất kỳ lúc nào có nước là người trong các phòng túa ra, tiếng xô chậu va đập âm ỉ, cả mặt sân ướt dượt, mép sân trơn nhầy nhựa vì những đám rêu xanh. Chỉ những lúc vòi nước cạn khô Tụ mới có thể ra sân khua khoáng tay chân, vận mình, hít thở và ngửa mặt lên nhìn cái ô trời thăm thẳm tí trên cao Nhưng phút thư giãn cũng

không được lâu. Bà hàng xóm có khuôn cửa sổ nhòm ra sân, phía đối diện với phòng Tụ, là một mẹ sờn sờn, cực kỳ lẩm điệu, hiểu sự. Cứ bỗng dưng bà ta âm ỉ toàn chuyện không đâu, cái giọng khàn đục của bà ta gầm gào tru tréo lên. Đến lúc hụt hơi thì bà ta dừng lại thở, rồi lại tiếp tục màn độc diễn. Tụ đành phải trốn ra phố.

Khu phố cũ đã trút bỏ vẻ nhếch nhác, quạnh hiu, trở thành khu buôn bán sầm uất. Con phố nhà ông Tụ lại là trục của mấy phố ngang, các cửa hiệu đua nhau gương kính sáng choang, hàng hóa bày la liệt. Lòng đường rối mù xe cộ. Trên vỉa hè, các quầy vé số và đủ loại hàng rong bày bán quần quanh. Tụ đi bộ dọc theo hè phố, không mua bán gì, chỉ nhìn ngắm cảnh chen chúc tất bật, cố giữ sự tĩnh lặng trong lòng và thì giờ cứ ngược chiều với Tụ. Gã ăn mặc đúng cách, dáng điệu trịnh trọng, cứ chềnh ra khuôn mặt phẳng lì, nhợt nhạt, chịu không thể đoán được tuổi, không biết là trẻ hay già và đôi mắt gã, cái nhìn của gã có cái gì lạ lẫm, cái đó chắc chắn có tên, chỉ có điều Tụ chưa gọi ra được.

Gã không chịu lẩn trong dòng người đông đúc, thỉnh thoảng lại dừng bước, về như để cho thiên hạ nhìn ngắm mình. Nhưng thiên hạ đều bận rộn, chẳng có ai nhìn ngắm gã. Gã nổi bất bình, bỗng dưng trợn mắt quát mấy bà hàng rong. "Đây là chỗ để cho các người ngồi giải thẻ ra bày hàng hả? Còn gì là trật tự văn minh hử? Đẹp! Đẹp ngay!". Mấy bà già vờ xê dịch cái mẹt hành; mấy bà trẻ tảng lờ coi như không nghe thấy, cũng có cô bé con cuống quýt quấy gánh hàng ù tề chạy. Nhưng cũng chỉ là chạy vờ thôi. Đến công an, cảnh sát quản lý thị trường còn chẳng ăn ai nữa là gã. Tuy nhiên gã cũng chỉ quát cho oai thế thôi và gã vừa đi vừa tự thưởng thức cái uy của mình đầy vẻ trịnh trọng.

Gã đàn ông thường đi qua trước mặt Tụ ở một chỗ nhất định. Chỗ có cây cột điện, lưng chừng cây chen tấm biển quảng cáo: "Nạp ga bật lửa" có mũi tên chỉ vào trong; tấm biển đã tróc sơn còn phía trong bây giờ đã là quầy bán kính bút. Gã nghênh nghênh cái bản mặt phẳng lì nhìn tấm biển. Về sau, gã vẫn cứ nghênh nghênh mặt như thế nhưng đột nhiên gã giơ cánh tay lên, phát một cử chỉ không rõ rệt hướng về phía Tụ. Tụ vẫn thản nhiên đi, nào biết gã là ai, cái cử chỉ mơ hồ của gã có nghĩa gì? Lần sau nữa, khi đến gần cây cột điện có treo tấm biển "Nạp ga bật lửa" gã bước chậm lại và tiến thẳng đến trước mặt Tụ:

- Chào ông già!

- Vâng, chào anh!

- Ông già rồi rồi nhỉ, chiều nào cũng bắt phở. Nhưng đi một mình thế, nhạt phèo Tôi sẽ cùng đi với ông già...

Gã đàn ông song hành với Tụ, không cần biết thái độ Tụ ra sao và hơn thế gã còn ra vẻ như hạ cố để trò chuyện với Tụ. "Này ông già, ông già hết thời rồi, chắc chắn ông không biết được những chuyện này đâu, để tôi nói cho mà nghe..". Gã nói rì rầm về những thay đổi nhân sự, ai xuống ai lên, sắp xảy ra trong bộ máy thành phố và cái đường hướng sẽ xoay chuyển ra sao, tùy thuộc vào nhân vật nào.. Đột nhiên gã nhoi lên Tụ một bước chân, ghìm Tụ lại, chờ đám đông người đi phố tới gần liền tuyên bố đồng dục:

- Hãy tin tôi đi, tôi quen biết các ông lớn ở trong thành phố này. Chón thâm nghiêm nào tôi cũng vào lọt. Các ông lớn đều coi tôi như người nhà, có vị lúc hứng lên còn cời mở nỗi lòng với tôi. Nhưng nói chung các vị ấy đều bận. Cũng chẳng sao. Đã có phu nhân của các vị ấy. Nói chuyện với các vị phu nhân, nhiều khi được việc lắm. Lại còn các thư ký hay là trợ lý gì gì đó, đường đi lối lại của mình được thông suốt chính là nhờ họ. Mình phải kết thân với họ... Nói tóm tắt khi mình được tiếng có quen biết các ông lớn thì các ông nhỏ tự nhiên phải nể sợ mình. Hàng ngày mình đi đâu, đụng chạm cũng có người nể sợ mình, đã sướng chưa! - Gã đàn ông nghênh mặt lên, cườì mơ hồ rồi bỗng quay sang Tụ - Này ông già, ông hiểu tôi muốn nói gì chứ?

Tụ im lặng.

Ông thật không hiểu hay là vờ không hiểu. Gã nắm tay áo Tụ, khẽ lắc lắc - Thôi tôi cứ nói huých

toẹt thế này Ông có mong muốn điều gì không? Giả dụ, cái bà hàng xóm lảm điều của ông, bà ta cứ quang quác suốt ngày làm ông phải trốn ra phố. Nếu ông muốn, tôi sẽ có cách giúp ông buộc bà ta phải im mồm hoặc bà ta phải biến đi.

Tụ thủng thảng:

- Ồ, sao lại thế? Không thể đối xử với nhau như thế được!

- Vậy thì tùy ông, tôi sẽ không tranh cãi với ông - gã lấc đầu, vẻ ngán ngẩm - Nhưng dù sao tôi cũng thích được làm quen với ông. Ta hãy cứ đi tiếp, câu chuyện của tôi còn dài.. Ông thấy đấy, tôi chẳng là cái gì cả nhưng thiên hạ vẫn cứ phải coi tôi là một cái gì. Tuyệt cú mèo, phải không ông già? Có một thằng cha tổng giám đốc, tôi ngẫu nhiên gặp hắn vài lần ở nhà một ông lớn. Thằng cha đang bê bối chuyện gì đó, mặt mũi bơ phờ. Hắn cần có người ủng hộ hắn, vợ được tôi hắn liền túm chặt. Tôi chỉ đóng vai âm ừ thôi chứ thực ra tôi chẳng là gì cho hắn. Mà dù tôi có muốn làm cũng không làm được. Nhưng nhờ có kênh thông tin riêng, tôi biết hắn sẽ thoát nạn, liền báo trước cho hắn. Lẽ tự nhiên khi mặt mũi hắn đã hớn hở trở lại, hắn phải nhớ đến tôi, coi tôi như cánh hũy. Cái tổng công ty của thằng cha ấy khá lớn, xuất nhập khẩu đủ cả, lại có liên doanh với nước ngoài, tiền của của Nhà nước rót vào nhiều như nước... Nhưng thôi, ta hãy đi quá lên đầu phố, tôi sẽ chỉ cho ông xem cái này..

ở khúc ngoặt đầu phố thông ra một đường phố lớn hơn, có một ngôi nhà cao ngất ngưởng, mặt tiền hướng ra phố lớn, gương kính lấp loáng, đèn đuốc sáng choang. Gã đàn ông dừng lại, quay mặt về phía Tụ, nói như giảng giải:

- Cái này gọi là "Khách sạn Hoàng Gia", tuyệt cú mèo Hà hà... Nó được đứng tên cậu con trai lớn của ông tổng giám đốc bạn tôi, có nghĩa là cái Hoàng Gia tuy thuộc về ông ta nhưng ông ta không dính dáng... Này ông già, hắn là ông có biết ở chỗ này, trong khu phố của ông có cái khách sạn Hoàng Gia nhưng tôi cam đoan ông không biết bên trong nó thế nào. Vậy hôm nay tôi mời ông, nào.. nào.. ông hãy đi theo tôi. Tôi sẽ dẫn ông vào quầy bar, ở đây có vô số loại rượu Tây hảo hạng, ta có thể uống mà không phải trả tiền, lại còn được các cô phục vụ săn sóc chu đáo. Nào.. nào.. ta đi chứ, để ông già được thấy nhãn tiền cái vai trò đặc biệt của tôi ở những nơi ông không thể ngờ tới. Tôi nói về mình với ông già hơi nhiều nhưng quyết không phải là kẻ ba hoa!

Tụ gỡ tay mình ra khỏi tay gã đàn ông và nói dứt khoát:

- Cám ơn. Anh bạn hãy tin tôi không nghĩ anh bạn là kẻ ba hoa, thế là được rồi!

Lúc này đường phố đã lên đèn. Tụ quay trở lại đường phố cũ, bước nhanh qua những vệt sáng từ các cửa hàng hắt ra.

Nhưng gã đàn ông không buông tha Tụ. Mỗi buổi chiều Tụ đi dạo phố vẫn gặp gã ở đúng chỗ có cây cột điện treo tấm biển "Nạp ga bật lửa" và gã lẳng nhẳng bám theo Tụ, rõ ràng là có chủ định. Rồi một hôm gã bỗng nói:

- Ông là Tụ, tức Hội Tụ. Đây là cái bút danh ông vẫn ký dưới các bài báo viết về nghệ thuật nhiếp ảnh. Hà hà... tôi thừa biết!

Tụ miễn cưỡng công nhận:

- Vâng, đúng thế. Tôi vốn là một viên chức cạo giấy, viết báo tay ngang, chỉ tùy hứng thôi

- Tôi có đọc những bài báo của ông. Hay lắm. Tuyệt cú mèo. Nhiều người thích và cả tôi cũng thích... Sao ông không viết đều đều, cứ để bạn đọc phải dài cổ ra trông ngóng mới đưa ra một bài ngắn càng đọc càng thêm? - Gã hỏi một cách hờ hững và vẫn mãi theo ý nghĩ của riêng gã - Nhưng thôi, ông đã nói là ông chỉ viết tùy hứng, đây là quyền của ông... Chắc hẳn để có được những bài bình phẩm về ảnh nghệ thuật đáo để đến thế ông phải chơi với cánh nghệ sĩ nhiếp ảnh, thân thiết với họ lắm nhỉ?

- Tôi có quen biết họ nhưng thân thiết thì chỉ có vài ba người thôi

- Ồ, nghệ thuật không cần số nhiều, phải thế không ông già? - Gã ngo nguậy mấy ngón tay, giọng ngắc ngứ - Tôi biết ông am hiểu nghệ thuật lắm lắm. Xin thú thực, tôi có một việc muốn nhờ ông... Này ông già, người ta bảo già thường trở lại như trẻ nhỏ, tức là sống hồn nhiên, không vụ lợi, thích giúp đỡ người khác. Ông là thế đấy Tôi biết. Tôi biết mà...

Gã níu cánh tay Tụ, chờ cho một đám đông đi qua, rồi một đám nữa, một đám nữa.. (sao chiều nay lắm kẻ đi dạo phố và mua sắm thế nhỉ?) và gã vẫn tiếp tục rì rầm những lời không đầu Tụ sốt ruột ngắt lời gã:

- Thôi đi, anh bạn cần gì cứ nói thẳng ra đi!

- Vâng, tôi nói ngay đây Việc tôi cần hoàn toàn đúng với khả năng của ông. Bởi vậy tôi chỉ chọn ông để nhờ vả. Tôi cần chụp một bức ảnh chân dung nhưng không phải là ảnh thông thường do những tay phó nháy sản xuất nhan nhản ra. Nó phải là chân dung nghệ thuật, do một nghệ sĩ thực tài bấm máy Trong vài ba người cầm máy ảnh bạn thân của ông, chắc chắn đều có tài, ông hãy lựa ra người có tài nhất, thích hợp nhất, ông có lời trước với ông ta, cái ông nghệ sĩ nhiếp ảnh ấy, làm sao để ông ta cảm hứng lên, nhận chụp cho tôi một bức ảnh chân dung. Tôi nhắc lại, một bức chân dung nghệ thuật, ông già hiểu ý tôi chứ?

Gã đàn ông nhờ vả như ép buộc. Tụ muốn thoát ra khỏi gã thì chỉ có cách nhận lời giúp gã.

Vả lại việc này cũng không khó. Tụ có một ông bạn thân là tay tổ về ảnh chân dung. Ông ta sùng bái ảnh đen trắng đến mức quên đi cái tên cúng cơm của mình, dùng luôn cái biệt hiệu bạn bè đặt đùa về sau thành thật, là ông Đen Trắng.

Ông Đen Trắng để tóc dài, hơi bụi một chút trên khuôn mặt già trước tuổi của ông chỉ có đôi mắt lộ vẻ trẻ trung, nghịch ngợm. Ông Đen Trắng háp háy mắt cười:

- A, cái gã vẫn rình chộp ông bạn ở chỗ cây cột điện có treo tấm biển "Nạp ga bật lửa" ấy hả? Ông bạn cứ chịu khó đi với gã, chịu chuyện của gã thêm vài ba buổi nữa. Chiều thứ bảy tới, ông bạn dẫn gã đến chỗ ta vẫn hẹn gặp nhau ấy, tôi chờ...

Trong con hẻm cuối phố nhà Tụ có quán café, gọi theo tên của ông chủ là café Lý. Quán mở ở gian đầu hẻm, một ngôi nhà cổ, trông ra mảnh vườn hẹp có bụi trúc vàng chỉ xanh. Bầu không khí trong quán và cung cách giữ nguyên vẻ đơn sơ, mộc mạc, như là chứng tích của một thời. Cả ông chủ quán cũng vậy, già rồi, cũ kỹ rồi, nhưng nụ cười tùm bâng quơ của ông lại tiết lộ ông còn tinh tường lắm.

Ông café Lý kiếm sống nhờ đám nghệ sĩ, quen thân đám nghệ sĩ. Bởi vậy cái ông nghệ sĩ tóc dài, hơi bụi mới hẹn Tụ dẫn gã đàn ông đến đây.

Họ ngồi quanh chiếc bàn kê ở một góc khuất. Cà phê được bưng rạ Tụ quay qua quay lại giữa hai người:

- Đây là anh bạn trẻ có việc muốn nhờ ông... còn đây là ông Đen Trắng!

Gã đàn ông há hốc mồm:

- Cái gì?

- Đen Trắng, tên tôi.. - ông tóc dài háp háy đôi mắt nghịch ngợm - Tôi là môn đệ từ xa của cụ Võ An Ninh. Cái ông già gần trăm tuổi ấy, dành cả cuộc đời cho nghệ thuật nhiếp ảnh và chỉ chơi ảnh đen trắng. Cụ ấy bảo ảnh màu đẹp quá mức còn ảnh đen trắng khiến người ta suy nghĩ và sáng tạo.. Tôi giao hẹn trước, nếu anh bạn nhờ tôi chụp chân dung cho anh bạn, tôi chỉ chụp đen trắng.

- Tôi thích ảnh màu hơn. Nhưng thôi, nghe nói ông là một nghệ sĩ tài danh, ông cứ thử cho tôi

một bức ảnh đen trắng xem sao.. - Gã đàn ông bỗng đổi giọng - Chỉ có điều tôi lưu ý ông, đây là bức ảnh quan trọng, để dùng vào những việc... à, những việc nói ra thì dài dòng mà ông cũng không hiểu được, tóm tắt lại là những việc cũng rất quan trọng. Ông nhận giúp tôi thì phải hết lòng!

- Tất nhiên! - Ông Đen Trắng quay sang Tụ - có ông bạn tôi đây là người hiểu tôi, đảm bảo cho lời nói của tôi.

- Được... thế còn công xá?

- Ồ, tôi không phải là phó nháy đi chụp ảnh thuê. Chuyện ấy ta bàn sau. Để anh xem ảnh tôi chụp, xem anh có thích không đã!

Lúc này quán café bắt đầu đông khách. Bọn họ phần lớn là nghệ sĩ và cả những vị không-nghệ-sĩ, chính những vị này ham ngồi dai và mê tranh luận về nghệ thuật om sòm nhất. Bàn ghế trong quán bị xô dịch, tiếng ly tách va chạm lạnh canh, khói thuốc lá tuôn mù mịt.

Ông Đen Trắng bị những người quen mới tới lôi kéo, bỏ mặc Tụ ngồi lại với gã đàn ông. Mái tóc dài của ông nhấp nhô lúc chỗ này, lúc chỗ kia. Có một lúc ông biến đâu, có lẽ biến vào gian trong, nơi ông chủ quán café Lý dành riêng cho những vị khách thân như bạn. Rồi ông Đen Trắng lại hiện ra:

- Này anh bạn, anh có còn điều gì cần nói với tôi nữa không? Nếu không thì anh bạn có thể về. Tôi bận lắm, nhiều việc lắm...

Gã đàn ông bật đứng dậy:

- Còn một việc... Ông chưa hẹn tôi ngày giờ nào, tôi đến gặp ông ở đâu để ông bấm máy chụp cho tôi bức ảnh?

- à, à... bấm máy hả? Tôi bấm máy rồi! Chụp rồi!

- Chụp lúc nào, hả?

Ông Đen Trắng cố tình nhại lại giọng của gã đàn ông

- Đây là việc của tôi, nói ra thì dài dòng lắm mà anh bạn cũng không hiểu được.

- Khi nào có ảnh tôi sẽ nhắn qua ông Tụ... Nào ông Tụ, cánh già chúng ta đi thôi! Tạm biệt anh bạn! A quên, bữa uống hôm nay tôi đã thanh toán rồi! Tạm biệt!

Ông Đen Trắng khẽ gơ bàn tay lên, ra hiệu chào và ông kéo theo Tụ, hai người cùng quay ngoắt đi, ra khỏi quán café.

Ngay chiều hôm sau Tụ nhận được lời nhắn dẫn gã đàn ông đến quán café Lý nhận ảnh. Họ vẫn ngồi ở chỗ cũ, bên chiếc bàn kê ở góc khuất phía trong vườn. Ông café Lý bưng ra hai tách cà-phê đen, giấy lát sau mới đem ra chiếc phong bì lớn. Gã đàn ông vội ngay lấy chiếc phong bì, về hồi hộp, căng thẳng. Gã rút tấm ảnh ra, đưa ra xa rồi thu lại gần, nhìn soi mói. Khuôn mặt gã vốn phẳng lì, nhợt nhạt nay lên cơn co giật càng nhợt nhạt hơn.

- Này ông chủ quán, ông có nhầm không đây?

- Không, ông Đen Trắng khi nhờ tôi có dặn tôi kỹ lắm, làm sao tôi nhầm được!

Gã nhăn nhó:

- Đây không phải là tôi!

Rồi gã bỗng hét tướng lên, tấm ảnh trong tay gã run bần bật:

- Không phải tôi! Các người hãy nhìn, hãy so sánh, đây là tôi hay không phải tôi nào?

Bầu không khí trong quán trở nên im phắc, có mấy người khác ngồi ở góc xa, họ ngơ ngác nhìn gã không hiểu gã vừa nói gì. Gã liền tóm lấy Tụ, chia tấm ảnh ra trước mặt Tụ:

- Đây ông già, ông Tụ tức là Hội Tụ, nhà bình luận vẫn có bài đăng báo, ông nói đi: Bức ảnh này, cái mặt người trong ảnh này có phải là mặt tôi không? Mà hãy khoan, ông hãy cầm xem, xem cho kỹ, nghĩ cho kỹ rồi hãy nói!

Tụ cầm tấm ảnh. ảnh đen trắng, những mảng trắng và mảng đen tương phản, tạo thành cái nền trên đó nổi chìm khuôn mặt của gã đàn ông ngồi trước Tụ. Vẫn khuôn mặt bằng phẳng và nhợt nhạt mà Tụ đã quen nhưng nhờ sự lẫn lộn trắng đen, nhiều chỗ bị mờ chùng của nền ảnh toát ra một ấn tượng rõ mình, duy nhất, lập tức quy tụ những cảm giác rời rạc của Tụ về gã đàn ông. Quái lạ, cái ông nghệ sĩ tóc dài hơi bụi, ông Đen Trắng ấy, ông ta chỉ cần một khoảng khắc nhanh như cái chớp mắt để bấm máy. Cái chớp mắt ấy xảy đến như thế nào, vào lúc nào nhỉ? Tụ đặt bức ảnh xuống mặt bàn, khẽ đẩy về phía gã:

- Một bức ảnh tuyệt vời. Đúng là anh đấy!

- Là tôi

- Chính xác, là anh!

Gã cầm bức ảnh lên, ném xuống mặt bàn, bàn tay xòe ra, chặn lên bức ảnh, khuôn mặt gã co giật và gã nổi cơn điên:

- A các người, một lũ ngu dốt và bịp bợm! Cái thằng cha Đen Trắng ấy bịp bợm, hấn chưa hề bấm máy chụp tôi hoặc hấn chụp hồng, hấn đưa bức ảnh khác ra định lừa tôi. Còn ông già, ông Tụ tức Hội Tụ, nhà bình luận dõm, ông chẳng có tư cách gì và cũng chẳng hiểu gì hết. Những bài báo của ông ngu dốt, không đáng giá một xu. Ông không có quyền nhận xét rằng bức ảnh này đúng là ảnh tôi. Ông hãy im đi Im đi. Hiểu chưa!

Ông chủ quán và mấy người khách lại gần, khẽ hỏi Tụ:

- Có chuyện gì mà âm ỉ lên thế?

- Chuyện gì hả? Chuyện mấy thằng ngu dốt, bịp bợm, chúng nó định hại tôi..

Gã cựa quậy, dậm chân, tay đấm xuống mặt bàn - A, các người cười gì hả? Các người cũng cùng một duộc với bọn ngu. Tôi không thèm đếm xỉa.. Rồi những ai sáng láng trong thiên hạ họ sẽ hiểu tôi. Cái mặt tôi đây này - gã chỉ tay lên mặt mình và khoanh một vòng bao quát toàn khuôn mặt - rạng rỡ, thông minh, tự lự. Rành rành là thế. Còn bức ảnh này quyết không phải là ảnh tôi!

Gã cầm bức ảnh đập đập vào không khí rồi xé ra thành từng mảnh vụn. Cả chiếc phong bì đựng ảnh gã cũng xé vụn. Những mảnh vụn đen trắng rơi lả tả quanh chân gã. Gã loạng choạng đứng lên, cơn hờn giận vô lối làm gã mất bình tĩnh, gã quên Tụ, gã quên ông café Lý và những người khách trong quán, gã đi nhầm vào phía trong, đụng phải bức tường, lại ầm ức quay ra, một lúc sau mới tìm thấy và tuôn ra ngoài đường.

Tụ ngồi lại trong quán. Về hẳn học, cay cú của gã đàn ông trước bức ảnh chân dung đúng là chân dung gã, đến tột cùng lố bịch khiến Tụ buồn cười ừ thì gã đã chửi bới vung lên chỉ vì Tụ đã nói thật cái điều gã muốn Tụ nói dối. Thôi mặc gã... Đột nhiên gã đàn ông quay trở lại quán café. Lúc này trong quán chỉ còn lại Tụ. Ông chủ quán pha ấm trà đặc, đem ra bàn ngồi uống với Tụ, như thói quen lâu nay của ông đối với khách quen thân ông vẫn thường làm thế.

Gã đi thẳng đến chỗ hai người, tự kéo ghế ngồi, cố giấu đi vẻ trịch thượng, tức tối, mặt gã lỳ ra, khinh khỉnh:

- Đây ông chủ quán, cái tay phó nháy gửi ảnh cho tôi qua ông ấy, hiện giờ hấn ở đâu

Ông chủ quán cười:

- Xin lỗi, tôi không quen biết ai là phó nháy!
- Thì ông muốn gọi hắn là gì cũng được. Hắn... chắc là ông hiểu ý tôi, hiện hắn đang ở đâu. Tôi cần gặp hắn!
- A, ông Đen Trắng, một nghệ sĩ thứ thiệt đấy anh bạn ạ. Ông ta hành tung bất định, ông ta xuất hiện và biến đi, vào lúc nào và ở đâu chỉ mình ông ta biết thôi. Nhưng anh bạn cần gặp ông ta để làm gì?

Gã đàn ông dẫn giọng qua hai hàm răng va vào nhau lập cập:

- Tắm phim. Tôi cần thu hồi lại tấm phim ảnh của tôi.. đúng ra là bức ảnh bị coi là ảnh tôi. Nếu như hắn còn giữ tấm phim, biết đâu hắn chẳng in phóng ra một bức ảnh nữa, đem đi dự triển lãm rồi một ai đó, hoặc chính ông Tự tức Hội Tự đây, lại ngứa nghề viết một bài bình luận lăng nhăng đăng báo. Như thế phiền lắm. Tôi phải nắm được tấm phim, chính tay tôi hủy nó đi!

Tự nhấp nhúm định nói câu gì nhưng ông chủ quán nháy mắt, vờ vai gã đàn ông:

- Anh bạn ơi, không cần phải lo xa thế. Trong chiếc phong bì lúc nãy tôi trao cho anh bạn có ảnh và cả tấm phim. Anh bạn hãy chịu khó tìm trong đồng vụn đen trắng ở ngay dưới chân anh bạn. Chúng vẫn còn nguyên cả đấy!

Gã đàn ông cúi nhìn xuống đất, bàn chân gặt gặt một cách miễn cưỡng những mảnh vụn đen trắng chính tay gã đã xé ra. Gã nhón lên một mảnh đen, mỏng manh và nhỏ xíu nhưng lại có vẻ nặng nề trong tay gã, cứ như là gã phải hạ cố làm cái việc không xứng với gã.

- Nó đây rồi! Nó đúng là cái tôi đang cần thu hồi, cần thiêu hủy đi! - Gã buông rơi mảnh vụn cầm trong tay và dùng cả hai bàn chân xóa dập đồng vụn đen trắng cho nát nhừ, lẫn lộn vào trong đất:
- Thế là xong. Xong hẳn. Không còn gì dây dưa dính dáng đến các người! - Gã dừng lại rồi bỗng lớn tiếng tuyên bố - Tôi tài trí và hữu ích hơn ai hết. Các người nhầm, các người không đáng mặt được chơi với tôi. Tôi đi đây!

Trong quán café, ông chủ quán ngồi im lặng. Tự cũng ngồi im, nghĩ về gã đàn ông bỗng dưng cứ bám lấy mình, bắt mình phải làm theo ý gã mà không được liền quay ra hạch sách, quấy nhiễu cả thiên hạ. Bộ mặt gã phẳng lý và nhọn nhạt, ở ngoài đời cũng như trong bức ảnh do ông Đen Trắng chụp, cái này phản chiếu lên cái kia một vẻ gì đó vừa khó nắm bắt vừa rõ ràng, duy nhất... Về gì nhỉ?

Bỗng ông chủ quán nói:

- Cái gã đến ám chúng ta và vừa đi khỏi ấy, gã có bộ mặt cô hồn...
- Ông nói gì kia
- Tôi nói: gã cô hồn! ông chủ quán nhắc lại - Thời buổi nhiễu nhương, ở những chỗ nhòe nhòe sáng tối thường lảng vảng những gã cô hồn... Nhưng thôi, vào giờ này mỗi chiều ông thường đi dạo phố, phải không nhỉ? Ông chờ tôi đóng cửa hàng, tôi sẽ cùng đi dạo với ông!

Tự và ông café Lý đôi bạn già đi ra phố lẫn vào đám đông tấp nập, lẫn vào quang cảnh náo nhiệt của phố phường.

Chim khách kêu

Buổi sáng có con chim khách đến kêu trước cửa nhà. Nó nghênh đầu, phô ra khoang ngực trắng, ngoáy cái đuôi dài, tiếng kêu giòn tan: "Khách! Khách! Nhà có khách!" Rồi lao vút đi giữa các lùm cây. Tở nghĩ, con chim kêu nhầm nhà. Nhà anh chẳng bao giờ có khách. Tở sống một mình, giữa

vùng chân núi hoang vu, trước mặt là cánh đồng mênh mông nước trắng. Quanh đây cũng có xóm làng, ở rải rác trong núi hoặc ngoài rìa đồng nhưng cái trại nhỏ của Tô dường như tách biệt hẳn với cộng đồng dân cư ấy. Đôi khi Tô phải vào làng hoặc người làng ghé qua trại của anh, chỉ vì có công việc gì đấy không thể dừng, nói với nhau dăm bảy câu là xong, thậm chí chỉ cần đứng nói qua rặng rào. Tô không có khách và cũng không có thói quen chờ đợi khách. Mặc cho con chim khách kêu trước cửa nhà, cái thế giới đơn độc, kín bưng của anh vẫn cứ bình lặng thế. Buổi chiều con chim khách lại đến, chẳng rõ là con chim ban sáng hay một con chim khác, nó vẫn nghênh đầu, phô ra khoang ngực trắng, ngoáy cái đuôi dài, kêu: "Khách! Khách!" Tô vẫn đứng đưng, sự đưng đưng vốn là thói quen của anh. Con chim chọt lao vút qua lùm cây và mất hút. Lúc này trời đã xế chiều, bóng núi phía sau nhà đổ dài, sẫm dần lại còn mặt nước đồng phía trước nhà thì dềnh lên, nhòa nhòa màu trắng đục. Tô ngồi ở đầu hiên, thư giãn một mình, sau cả ngày làm lưng nặng nhọc. Bầu không khí vắng lặng khiến anh dễ chịu và trong tâm tưởng của anh chỉ bằng lảng hình ảnh ông lão Nhòe, người cha cả đời vất vả, nuôi dạy anh theo cái cách lạ lùng nhưng mãi rồi Tô cũng quen. Sự cô độc của Tô hiện thời chẳng qua là tiếp nối cái đời cô độc của ông lão. Một năm xa lắm, lão mang Tô tới đây rồi mọc rễ ra ở nơi heo hút này. Tô còn nhỏ tuổi, chỉ biết léch thếch theo cha. Lớn thêm vài tuổi, bắt đầu thắc mắc về cái gốc gác và lai lịch của mình, mẹ mình là ai, vì sao chỉ có hai bố con phiêu bạt? Nhưng lão Nhòe kín bưng, hễ Tô mở miệng hỏi là lão trợn mắt lên, gạt phắt: "Mày biết cũng chẳng để làm gì. Thôi, im đi!" Tô đến tuổi trưởng thành, lão Nhòe không thể chỉ cộc lốc một câu là xong, lão hứa: "Mày hãy cứ chờ, trước khi tao chết tao sẽ nói cho mà nghe!" có thể lão định thế thật, cũng có thể không chẳng biết thế nào, bởi lão chết quá ư đột ngột. Lão vốn xương đồng da sắt, đến già vẫn khoẻ như vâm, bỗng bị một trận cảm gió, cảm khẩu ngay tức khắc. Có một phút hồi tỉnh, lão mở mắt nhìn Tô, cái nhìn ấy là tất cả, chỉ biết thế thôi rồi lão hơi dướn mình, khẽ nấc một cái và đi luôn. Cái thế giới lão Nhòe để lại cho Tô là một thế giới tự cô lập, khép kín, có một góc sâu mờ mịt Tô không sao nhìn thấu được. Vào lúc chạng vạng tối có một chú bé chui ra từ bụi cây đầu ngõ, chú bé nhìn quanh rồi bước nhanh vào trong sân nhà Tô.

- Cháu chào chú!

Tô hát hàm:

- Mày là con cái nhà ai? Cần gì?

- Cháu không phải người vùng này. Cháu ở dưới thuyền neo đậu bên kia đồng, mà chiếc thuyền ấy cũng không phải là nhà cháu. Cháu... cháu khát quá, khát cháy họng, chú làm phúc cho cháu xin ngụm nước!

Chú bé vừa uống nước vừa nhìn Tô, cái nhìn thăm dò, cầu khẩn và chú nói lần la:

- Ở đây khuất, chú nhỉ. Từ dưới đồng nhìn lên chẳng thấy nhà cửa gì cả. Cháu thật may mắn.

Cháu xin chú cho cháu ngủ nhờ đêm nay, cháu chỉ ngủ ở dưới bếp kia thôi!

- Nhưng mày phải nói mày là ai, mày đi lang thang hay buộc lòng phải trốn chạy ai thì tao mới cho mày ngủ nhờ được chứ.

- Vâng, cháu trốn chạy, cháu lang thang nhưng quyết không phải là đứa hư hỏng. Với lại cháu bé thế này, nếu cháu giờ trò láo lếu, chú chỉ di nhẹ ngón chân là cháu chết bẹp như con ngoé. Cháu van chú, chú cho cháu ngủ nhờ đêm nay đi!

Thằng bé cố giấu kín bưng điều cần giấu và nó nhất định chỉ xin ngủ nhờ ở dưới bếp. Nó thu xếp chỗ nằm rồi lăn ra ngủ rất nhanh. Vậy là đêm nay nhà Tô có một người khách không mời. Sự hiện diện của cái sinh linh xa lạ, nhỏ nhoi ấy như là sự khuấy động bất thường vào cái thế giới đã đông cứng lại của Tô. Thuở lão Nhòe dắt Tô đến đây, Tô cũng bé như thằng bé này, có khi còn bé hơn. Cả vùng chân núi hoang rậm chỉ có hai bố con. Lão Nhòe phá hoang, cuốc đất màu phủ lên trên sỏi đá, trồng sắn, trồng khoai. Tô vào trong núi kiếm củi đem ra chợ bán. Chợ xa lắm, ở bên đường hàng tỉnh chỗ con đường gặp dòng sông. Trẻ con các làng quanh chân núi thường đi kiếm củi, đem ra bày ngay bên vệ đường, bán cho dân phố và khách đi ô-tô từ trên ngược về

xuôi. Lão Nhòe không bao giờ đi chợ, thậm chí chuyện chợ búa do Tỏ đem về lão cũng chỉ nghe dừng dừng. Bần cùng lắm lão mới vào làng, dù lão thông tỏ đường đi lối lại mọi làng xóm trong vùng. Giải đồng chiêm chân núi ngăn cách lão với thế giới bên ngoài, lão thu mình lại trong góc vực, khinh khỉnh và giận dữ một cái gì đó mà chỉ mình lão biết. Nhưng lão Nhòe cũng là người cha mạnh mẽ và đầy lòng kiêu hãnh. Lão yêu thương Tỏ theo cái cách của lão, nghiêm khắc và dữ tợn đến ghê người. Lão bảo Tỏ: "Tao cho mày đi củi là để học cách kiếm sống. Liệu hồn, chớ có tí tởn theo lũ trẻ cùng đi củi với mày. Duyên ai phận nấy, nghe chưa!" Tỏ trở thành một đứa trẻ làm lũi, ngờ ngác, cục cằn. Đôi khi cái bản tính phóng khoáng hồn nhiên trong nó nổi dậy, nó rong đi chơi với lũ bạn, trèo cây, lội nước và mơ màng trong giấc mơ con trẻ. Lão Nhòe quát: "Tao cấm mày!, Mày chơi bời lêu lổng, nghĩ ngợi lung tung thì chỉ hư hỏng thôi con ơi! Hãy ở nhà làm lụng cùng với tao, nghe lời dạy bảo của tao, để chúng tao cho thiên hạ biết mày là thằng Tỏ con trai lão Nhòe khởi nghiệp trên mảnh đất này. Thôi không đi củi rồi phơi mặt ra bên lề đường để bán củi nữa! Cũng không cấp sách đến trường ở mãi tít trong làng để học hành gì nữa! Hãy học cha mày đây". Tỏ vào khuôn phép của lão Nhòe từ bao giờ chính anh cũng không biết. Hai cha con làm quần quật đổ mồ hôi sôi nước mắt, xây dựng dần lên cái cơ ngơi biệt lập hiện thời. Và cùng với nó. Tỏ cũng quen với sự xa cách, trở nên lạnh lùng và kiêu hãnh ngay với mình và chỉ với mình thôi.

Trước khi đi ngủ, Tỏ cầm đèn đi soi một lượt quanh nhà rồi anh vào bếp, đặt cây đèn lên cái bệ gạch ngay phía trước mặt thằng bé. Thằng bé nằm co quắp, mặt xoay nghiêng, ánh đèn làm mi mắt nó thoáng động dậy nhưng nó vẫn ngủ say mê mệt. ừ, ừ... thằng bé này, cái sinh linh xa lạ này từ thế giới bên ngoài, rơi lạc đến đây, nó năn nỉ xin ngủ nhờ nhưng nhất định không hé lộ điều bí mật nó mang theo. Tỏ có chút động lòng trắc ẩn, một chút thôi còn trong sâu xa anh không quan tâm đến thằng bé, hình ảnh của nó chỉ chờn vờn bên ngoài chứ không thể thâm nhập vào được cái thế giới riêng của anh. Tỏ ngủ ở nhà trên cánh cửa cài then, ngọn đèn đặt trên bàn vện nhỏ, xanh lè hạt đỗ. Nửa đêm thức giấc, Tỏ có cầm đèn xuống bếp soi qua thằng bé một lần nữa. Thằng bé vẫn ngủ say, một dòng nước dãi chảy ra bên khoé miệng. Tỏ nghĩ thuở nhỏ, lúc theo ông bố gan lì, với một bầu tâm sự âm thầm, sôi sục đến đây, mình có giống thằng bé này không nhỉ? Chắc là có. Mà cũng không. Nó đang giấu cái tâm sự của riêng nó, điều bí ẩn của riêng nó và mặc dù nó yếu đuối, trẻ thơ nhưng nó giống ông bố gai góc của mình. Tỏ định lay thằng bé dậy, hỏi han căn vặn, buộc nó phải nói rõ nguồn cơn. Nhưng ý định chỉ thoáng qua, chính anh cũng đang dở giấc, mắt cứ riu lại. Tỏ lên nhà trên ngủ tiếp và trong giấc ngủ anh mơ thấy thằng bé biến đi, rõ ràng là nó biến đi, chỉ có điều anh không biết nó biến đi như thế nào. Sáng sớm hôm sau Tỏ trở dậy, thấy nền bếp trống trơn, mọi thứ đồ đạc lật vật để trong gian bếp còn nguyên xi, không suy suyển một tí gì.

Ở ngoài đồng có chiếc thuyền đậu ở chỗ cửa ngòi, gần con bờ bao vòng vèo về phía chân núi. Gã chủ thuyền nhảy lên bờ, nhìn ngó quanh quần rồi leo dốc lên nhà Tỏ. Tỏ đang hí hục đánh gốc cây ở góc vườn. Gã chủ thuyền đi tới, đôi mắt hấp háy nhìn soi mói:

- Chào người anh em! ở đây vắng vẻ nhỉ...

Tỏ dừng tay rìu, đứng lặng im. Gã chủ thuyền đành phải nói:

- Tôi ở dưới thuyền lên đây tìm một đứa bé. Nó cao chừng này - gã đưa tay ra khoảng ngang bụng gã - gầy, đen nhưng nhanh nhẹn. Người anh em có trông thấy nó, biết nó trốn ở chỗ nào quanh đây không?

Tỏ hơi nhú mày, vẻ khó chịu và anh vẫn lặng im.

- Thế nào người anh em, tôi đã có lời, người anh em nghe rõ chứ?

- Rõ. Nhưng đây là việc của ông, không dính dáng gì đến tôi. Tôi không biết đứa bé nào, không biết gì cả. Đừng có quấy rầy tôi!

Gã chủ thuyền đi về phía chân núi, loang quanh một lúc rồi lại quay ra. Lần này giáp mặt Tỏ, gã đột nhiên trở nên dữ dằn:

- Này, người anh em là con trai ông lão Nhòe, đúng không? Tôi biết ông lão, hỏi ông lão còn sống, ông lão ghê gớm nhưng vẫn nể tôi lắm... Lẽ nào người anh em lại phớt lờ tôi, không giúp tôi!

- Thôi đi, đừng dài dòng - Tỏ cắt ngang - Ông muốn tôi giúp ông cái gì mới được chứ?

- Giúp tôi tìm đứa bé. Tôi phải tìm được nó. Tôi tốt với nó nhưng nó lại phản tôi. Mà cái thân phận nó là gì? Là của gán nợ, mẹ nó gán cho tôi. Tôi có quyền tìm bắt nó, lôi cổ nó về thuyền, dạy cho nó một bài học phải không nào?

Tỏ gắt:

- Tôi nhắc lại là tôi không biết. Đây là chuyện của ông, không liên quan gì đến tôi!

- Vâng, đây là chuyện của tôi. Nhưng tôi xin hỏi anh, chung quanh đây đồng nước mênh mông, thằng bé không trốn theo lối này thì còn lối nào? Đêm hôm qua tôi đã sục sạo khắp các gò đồng nổi trên đồng nước rồi. Không có nó. Chắc chắn là thằng bé đã mò đến nhà anh, anh chỉ đường cho nó vào trong núi. Tôi có lời tử tế với anh, anh giúp tôi bắt nó hay anh giúp nó trốn khỏi tôi nào?

Gã chủ thuyền vờ nhún nhường nhưng vẫn lộ vẻ thách thức, gã nói hai chữ "từ tế" một cách giạt cục, có nghĩa là gã dám chơi trò không từ tế rồi. Trước khi rời khỏi nhà Tỏ, gã dừng lại trước ngõ, hắng giọng quát một câu vu vơ: "Tao mà bắt được thằng bé tao cho một trận như đòn. Mà bắt kè kè nào che giấu, chứa chấp nó cũng phải như đòn với tao!" Tỏ chỉ cười nhạt, anh quay vào đánh nốt cái gốc cây đang đánh dở ở góc vườn. Tâm trạng Tỏ bỗng nhiên đổi khác. Lúc đầu gã chủ thuyền hỏi anh về thằng bé, anh nói "không biết" vì quả thực anh không biết, nó đã biến đi trong đêm không một lời thưa gửi và anh chỉ đơn giản muốn chấm dứt nhanh câu chuyện chẳng dính dáng gì đến mình. Nhưng gã chủ thuyền lại quay trở lại, lên mặt phách lối, dám viện ra cả ông bố đã khuất của anh, hàm hè hăm dọa và lên giọng thách thức anh. Gã nhảm. Gã chẳng hiểu gì về ông lão Nhòe và con trai ông lão, hai cha con đầu đội trời chân đạp đất giữa chốn hoang vu này. Một năm thời tiết nghịch, trời đất tối xảm, mưa đổ xuống ào ào suốt ngày đêm. Sườn núi phía sau nhà đã thành sườn núi trọc từ lâu, trẻ con đã thôi đi củi, nay biến thành cả thác nước, nước xô âm âm, xuống tới chân núi dâng thành con lũ quét. Ngôi nhà của hai cha con Tỏ bị chìm trong mưa, gió đánh tả tơi, xiêu vẹo, chung quanh nhà ngổn ngang đất đá do con lũ cuốn về, dồn tụ lại. Lão Nhòe bảo Tỏ: "Con ơi, trời ra oai là để thử lòng người, con không được nhụt chí. Bố con ta phải biến cái tai họa này thành điều có lợi cho ta!" Sau trận mưa lũ kéo dài, trời nắng như đổ lửa, mặt đất bị rang khô, gió cuốn bụi bay mù. Hai cha con Tỏ hì hục dọn đất đá. Có những tảng đá lớn bằng con bò con trâu thì đành chịu, nó nằm đâu bỏ mặc đó. Những tảng đá nhỏ hơn thì bẩy lên, vắn đi, nghiêng vác ra ngoài rìa khoảnh đất vườn. Rồi hai cha con thay nhau giữ choòng, quai búa đập. Lão Nhòe thở hi hóp, nhể nhại mồ hôi, lão chùi tay vào ống quần, nói tưng tưng: "Thật là giờ vẫn đá xuống đây cho mình để mình đập. Cái thể đất vườn nhà mình dốc nghiêng, đất trơ cằn, phải có đủ đá học xếp thành tường vây, rồi đổ đất màu lên san cho phẳng thì vườn cây mới tốt được!" Một đời lão Nhòe, đến thách thức của trời lão còn không chùn bước, lão để lại cho Tỏ mảnh vườn xanh tươi giữa một vùng đất chết và cái ý chí cứng rắn đến lạnh lùng. Gã chủ thuyền xa lạ kia là cái thá gì mà dám nhờn nhờn trước mặt Tỏ, lên giọng thách thức anh? Tỏ nổi tự ái, đầu anh bốc nóng phừng phừng và anh quyết định đã thế thì anh phải đi tìm thằng bé, chắc chắn nó còn chui lủi quanh đây, đưa nó về nhà, che chở cho nó. Xem ra gã chủ thuyền cũng chỉ thuộc loại mềm nắn rắn buông, Tỏ coi thường!

Việc tìm thằng bé đối với Tỏ không khó. Anh thông thuộc địa hình và mọi góc ngách vùng chân núi, chỉ cần căn cứ vào một vài biểu hiện khác lạ nhỏ nhặt là có thể phán đoán ra hướng lẩn trốn của thằng bé. Loanh quanh một lúc Tỏ đã đứng trước cửa cái hốc đá nông chòen, được che phủ bởi đám cây bụi và dây leo.

- Này cháu bé, ra đi. Cháu trốn được ai khác chứ không trốn nổi chú đâu. Ra đi, chú đưa cháu về nhà.

Thằng bé lồm cồm chui ra khỏi hốc đá, mặt xám ngoét, vẻ sợ sệt.

- Chú biết cháu lẩn trốn ai rồi. Kẻ ấy vẫn neo thuyền rình rập cháu ở chỗ cửa ngòi dưới đồng kia. Nhưng cháu đừng sợ. Nào, nào... đi theo chú!

Tổ giấu thằng bé vào cái chái buồng kho, cửa ngoài có khóa, lại thông vào trong nhà qua một cửa ngách. Anh không chỉ hỏi thằng bé vì sao lại lặng lẽ biến khỏi nhà anh vào lúc trời chưa rạng và cả câu chuyện mà nó giấu anh dẫn nó tới chỗ phải lẩn trốn gã chủ thuyền. Điều quan trọng đối với Tổ không phải là bản thân thằng bé, nó vẫn hoàn toàn xa lạ đối với anh, anh giấu nó thân nhiên chỉ là để chứng tỏ anh dám đương đầu, chấp nhận sự thách thức của gã chủ thuyền hợm hĩnh vô lối. Tổ đem cơm nước vào tận nơi cho thằng bé, qua cái cửa ngách phía trong nhà và nhắc đi nhắc lại, giọng quả quyết: "Cháu đừng sợ, dù gã chủ thuyền có mò vào tận đây, đã có chú che cho cháu. Đừng sợ!".

Gã chủ thuyền vẫn neo thuyền chỗ cửa ngòi. Gã đi sục sạo vắn vợ và lảng vảng quanh nhà Tổ. Thỉnh thoảng Tổ lại bất ngờ gặp mặt gã khi anh đi xuống bến nước, anh nhếch môi cười và buồn ra một câu lơ lửng:

- Ông chủ thuyền vẫn còn ở đây kia à?

Như một câu thăm hỏi vu vơ, không cần đợi trả lời.

Rồi gã chủ thuyền cũng phải chịu thất bại, nhổ thuyền đi nơi khác. Tổ lôi thằng bé ra khỏi cái chái buồng kho, phủ bụi và mạng nhện trên đầu tóc cho nó, giọng anh reo lên đắc thắng:

- Bây giờ thì yên ổn rồi, kẻ truy bắt cháu biến rồi, cháu không còn phải lo sợ gì nữa.

- Cháu cảm ơn chú. Ổn này cháu sẽ nhớ đời... Nhưng cháu phải đi. Chú cho cháu đi nhé.

Tổ không giữ thằng bé, anh chỉ hỏi nó có cần gì không, thằng bé nói "không ạ" rồi nó cúi đầu, chấp hai tay vái Tổ thay cho lời chào từ biệt. Giây phút ấy lòng Tổ đột nhiên xao động, anh xoa đầu thằng bé và cứ tự nhiên bàn tay tuột xuống đặt trên vai nó:

- Khoan đã, cháu hãy ngồi xuống đây cho chú hỏi. Cháu có phải của gán nợ, mẹ cháu nợ nần gì đó gã chủ thuyền, phải đem cháu gán cho hắn không?

Thằng bé ngồi im, khuôn mặt nó tối xạm, co giật, miệng mấp má nhưng không nói nên lời:

- Cháu hãy bình tĩnh. Chuyện của cháu, cháu muốn kể hay không muốn kể cũng không sao!

- Cháu muốn chứ, muốn kể ngay từ cái hôm chú đi tìm cháu rồi giấu cháu vào cái buồng kho.

Nhưng chú không hỏi đến thành ra cháu ngại. Gã chủ thuyền hắn bịp chú đấy. Sự thực khác hẳn... Mẹ cháu chẳng nợ nần gì gã chủ thuyền, chính cháu đòi đi theo gã, mẹ cháu can ngăn mãi không được đành phải cho cháu đi. Hóa ra cháu bị quân độc ác, nham hiểm ấy nó dùng lời lẽ ngon ngọt nó lừa. Cháu bị lừa. Cháu có lỗi với mẹ cháu, cháu nhớ thương mẹ cháu quá chú ơi! Câu chuyện của thằng bé lộn xộn, luôn luôn xen vào những ý nghĩ tha thiết đến quặn quại về mẹ nó. Hai mẹ con sống lủi thủi, mẹ nó bện chổi đót và đan lát những thứ lặt vặt bằng tre nứa, cặm cùi suốt ngày may lằm mới đủ tiền đong gạo. Còn nó chạy rong quanh chợ, thỉnh thoảng đảo xuống bến thuyền, ai sai gì làm nấy. Ngày phiên chợ có một chiếc thuyền cập bến, chở theo những món hàng của thành phố xa xôi như quần áo may sẵn, đồ nữ trang bằng nhựa màu lòe loẹt, son phấn rôm, băng nhạc và tranh ảnh. Gã chủ thuyền thường thuê thằng bé khuân hàng lên bờ mỗi khi có người đến cất buôn. Công sá chẳng đáng là bao nhưng thằng bé thích vì được đụng chạm và tha hồ nhìn ngắm những món hàng lạ lùng, hấp dẫn, kêu gọi lên một cuộc sống khác với cuộc sống ảm đạm của nó. Gã chủ thuyền nhìn ngắm thằng bé kỹ lưỡng rồi nói với nó dịu dàng: "Con là đứa trẻ thông minh, lanh lợi, cứ chui rúc ở cái nơi heo hút này thì tàn đời. Con có muốn đi theo ta không? Ta có bạn ở khắp nơi, làm đủ nghề. Con muốn học nghề buôn sông nước như ta, ta dạy. Thích học nghề khác thì tùy, ta sẽ gửi gắm các bạn ta".

Thằng bé về nói với mẹ nó rằng nó sẽ đi theo gã chủ thuyền. Mẹ nó can ngăn, dỗ dành nó không được thì òa khóc: "Con ơi, con lỡ bỏ mẹ ở nhà một mình thui thủi, mẹ thương nhớ con, lo lắng cho con đến héo ruột gan mà chết mất!". Thằng bé cũng khóc, nó thương mẹ nhưng nó muốn thay đổi cuộc sống, được đi xa, học lấy một nghề rồi trở về làm ăn nuôi mẹ. Thằng bé ra đi. Được một thời gian, cứ đến phiên chợ gã chủ thuyền lại quay thuyền về bến để thằng bé về thăm nhà, đưa tiền cho mẹ nó. Mẹ nó cầm tiền, càng lo lắng. Còn nó đang tuổi đại khờ, gã chủ thuyền đổi hướng, cho thuyền đi quanh quần vùng đồng chiêm chân núi, nó vẫn tin theo gã. Bẵng đi lâu lắm

không được về nhà, nó chỉ âm thầm nhớ mẹ thôi. Nhưng cũng vì thế, vì có hình bóng mẹ lặn vào trong tâm tưởng, thằng bé phát hiện ra nó bị gã chủ thuyền lừa...

Thằng bé nhìn Tỏ, kêu lên hốt hoảng:

- Cháu không nghe lời mẹ cháu nên cháu bị lừa. Đáng đời cháu. Cháu phải về với mẹ cháu ngay bây giờ để mẹ cháu khỏi phải rơi nước mắt vì cháu!

Tỏ trấn an thằng bé và nói rằng anh muốn nó nán ngồi lại với anh lâu hơn chút nữa, giục nó hãy cứ kể tiếp đi.

- Thì cháu đã kể rồi, cháu bị lừa! - Thằng bé hấp tấp nói, như muốn thoát nhanh ra khỏi nỗi kinh hoàng nó vừa phải trải qua - Gã chủ thuyền ấy là quân buôn nguời, nó lừa cháu để đem bán cháu đi. May mà có mẹ cháu hiện ra trong giấc ngủ, mách bảo cháu, lay tỉnh cháu...

Trước mắt thằng bé hiển hiện cảnh con thuyền neo đậu trong đêm tối, gã chủ thuyền ngồi uống rượu với một kẻ lạ mặt ở phía mũi thuyền. Hai tên đàn ông trò chuyện, thỉnh thoảng lại khạc nhổ và văng tục. Thằng bé nằm nép trong khoang, nó mơ thấy mẹ trong giấc ngủ và vừa tỉnh dậy.

Tên lạ mặt nói: "Tôi không ưng món hàng của chú. Nó bé quá, không làm được việc nặng, nuôi tốn cơm!" Gã chủ thuyền nói: "Thôi đi, lớn bé đều đã có giá. Ông anh đưa nó lên tút hút rừng xanh núi đỏ, giao cho đũa lớn kèm cặp, bé cũng phải làm, làm mãi phải quen!" Thằng bé chưa nghĩ ra là hai tên đàn ông đang bàn về nó. Bỗng tên lạ mặt hỏi: "Nó ngủ rồi à?" Gã chủ thuyền dí ngọn đèn dầu vào trong khoang rồi lại đặt đèn xuống cạnh mâm rượu: "Ừ, nó ngủ rồi. Mà nó chưa ngủ cũng chẳng sao. Anh em mình cứ say túy lúy đi. Sáng sớm mai tôi sẽ giao hàng..." Thằng bé tỉnh thức hẳn, tim nó đập thình thịch nhưng hai mắt vẫn nhắm nghiền, người cứng ra. Dường như nó nghe văng vẳng tiếng mẹ nó nói, lẫn trong tiếng gió đồng: "Con ơi, con đã thành món hàng để người ta mua bán trao tay..." Thằng bé vờ trở mình, lăn dần về phía cuối thuyền. Đến khi hai tên đàn ông say mèm, nói năng lẫn lộn thì nó tọt xuống ngoài nước, lội vào bờ rồi cắm đầu chạy thục mạng. Đêm tối thui, nước đồng dềnh lên trắng mờ lênh láng, chỉ vùng chân núi in trên nền trời một mảng thẫm đen. Thằng bé lặn mò quanh quẩn gần suốt đêm, hướng về phía chân núi. Đến tờ mờ sáng, nó rúc vào bụi rậm ở sườn con dốc lên nhà Tỏ giờ sống giờ chết, may mà ngày hôm đó gã chủ thuyền còn mãi lưng tìm nó ở dưới đồng nước, chưa kịp mò lên đây.

- Nhờ có mẹ cháu mách bảo, cháu mới tìm đến được nhà chú. Phúc đức cho cháu quá, chú ơi! Điều thằng bé nói về như vô lý nhưng chính vì nó vô lý nên Tỏ bị hấp dẫn. Có cái gì lạ lẫm rung lên mơ hồ trong lòng Tỏ. Thằng bé trở nên gần gũi đối với anh, nó nhập vào cái thế giới khép kín của anh, đem theo thứ tình cảm thiết tha về người mẹ.

- Cháu phải về với mẹ cháu ngay bây giờ - thằng bé đột ngột đứng lên và nó lại chắp hai tay vái Tỏ - Cháu biết ơn chú, chú cho cháu đi...

- Cháu đừng nói đến chuyện ơn huệ, to tát quá - Tỏ nắm chặt tay thằng bé - ừ, cháu đi. Nhưng cháu không thể băng đồng, đi theo đường sông nước, nhớ lại rơi vào tay gã chủ thuyền. - Tỏ bật nói ra cái quyết định vừa đến thức thời, gần như không phải suy nghĩ gì cả - Chú sẽ đi với cháu. Chú biết lối tắt theo đường núi, đến cái phố chợ có nhà cháu. Đi đường ấy cùng với chú, vừa an toàn vừa nhanh hơn... Nào, chú cháu ta lên đường!

Con đường núi chính là con đường Tỏ thường nhỏ nhắn đi kiếm củi, đem ra bán ở phố chợ. Nhiều quãng bị cỏ dại che phủ cả lối mòn nhưng anh vẫn nhớ như in. Thằng bé leo đèo đi theo Tỏ, mồ hôi nhễ nhại, thở hụt hơi. Tỏ sợ thằng bé mệt, muốn dừng lại cho nó nghỉ nhưng nó nắm cánh tay áo Tỏ khẽ giật giật và nói líu riu: "Cháu sắp được gặp mẹ cháu rồi cứ đi đi, đi nhanh nữa chú ơi!". Đến quãng đường quanh và bằng phẳng thằng bé còn chạy vọt lên phía trước rồi quay lại nhòen cười. Nó không biết rằng Tỏ đã ghim bước chậm lại cho vừa sức đi của nó. Thằng bé mỗi lúc một thêm náo nức, nó nhắc đi nhắc lại: "Cháu sắp được gặp mẹ cháu rồi. Mẹ cháu ngồi bện chổi đót, lúc nào cũng cầm cúi nhưng mà lạ lắm chú ơi, hễ cháu đi đâu về, mẹ cháu không cần ngẩng nhìn cũng biết ngay!". Những mẩu chuyện vụn vặt của thằng bé về người mẹ lam lũ, tràn đầy tình thương yêu nhọc nhằn đối với nó cùng với cái giọng kể trẻ thơ của nó dội vào lòng Tỏ, lay động vùng sâu xa mù mịt, bị vùi lấp của anh. Thuở anh còn nhỏ, theo ông bố cứng rắn đến ương gàn đến lập nghiệp ở đây, anh từng thắc mắc về cái góc gác của mình và tưởng tượng mơ hồ về một người mẹ. Lão Nhòe bố anh đã mang theo điều bí ẩn ấy xuống mồ, để lại trong anh

một khoảng trống. Cái bóng của lão Nhòe trùm lên khoảng trống đó, khiến nó bị chìm khuất đi. Nhưng lúc này khoảng trống ấy hiện ra khiến anh cảm thấy chông chênh...

- Ô, con đường đá kia rồi. Đi hết khúc quanh ở phía trước kia, xuống chân dốc là đến lối rẽ vào phố chợ rồi! - Thằng bé nhảy căng và reo to lên - Mẹ ơi, con sắp gặp mẹ rồi!

Tiếng reo náo nức của thằng bé va đập vào khoảng trống trong lòng Tô. Mới khoảng mười giờ sáng, mặt trời chênh chếch đỉnh đầu, Tô không ngờ thằng bé theo anh vượt chặng đường xa và gặp ghèngh nhanh đến thế. Vào đến phố chợ, thằng bé vượt lên trước, bây giờ đến lượt nó dẫn Tô đi. Thằng bé thoăn thoắt rẽ phải, rẽ trái, lại rẽ trái, đi sâu vào ngõ hẹp rồi dừng lại trước một ngôi nhà nhỏ:

- Nhà cháu đây. Mẹ cháu đang ngồi bện chổi đót ở góc sân kia kìa!

Tô đẩy nhẹ vào lưng thằng bé:

- Cháu vào đi! Vào đi!

Thằng bé hơi chùn lại:

- Sao lại thế ạ?

- Chẳng sao cả. Chú muốn đứng lại đây giây lát. Cháu vào với mẹ cháu đi! Vào đi!

Mãi sau này Tô vẫn nhớ đến cảnh tượng hai mẹ con chú bé gặp nhau. Chú bé lấp bắp nói câu gì đó và òa lên khóc nức nở. Người mẹ ngồi ngay đờ rồi giật mình bừng tỉnh, bà lau nước mắt cho đứa con, áp cả hai lòng bàn tay vào khuôn mặt nó, kéo nó gần lại phía mình: "Đừng khóc! Đừng khóc! Nào, nào... ngẩng mặt lên cho mẹ nhìn con lâu lâu một chút nào!" Hình ảnh người mẹ của chú bé xa lạ thoát trở nên gần gũi, thay thế vào cái khoảng trống mơ hồ trong tâm hồn anh khiến anh không còn bị chông chênh và cân bằng trở lại... Tô thay đổi một cách tự nhiên, như cuộc sống lớn lao, bình dị lôi cuốn anh vào. Bây giờ anh hay vào làng gặp người này người khác và người làng cũng thường ra khu trại nhỏ của anh, có khi vì công việc, cũng có khi chỉ chuyện gẫu cho vui. Tô nhớ con chim khách, nó mãi bay đi phương nào nhỉ?

Chính nó đã từng bay đến kêu ngay trước cửa nhà anh!

Thằng Còi bạn tôi

Thuở tôi còn là một chú nhóc, tôi có một người bạn, cả bọn trẻ làng tôi đều gọi là thằng Còi. Còi gầy nhom, lẻo khẻo, chân đi tập tễnh, hai cánh tay lòng không. Nó có vẻ như hơi ngớ ngẩn nhưng đôi mắt của nó mở to, sáng lấp lánh đến lạ lùng. Khi bọn trẻ chúng tôi chơi những trò náo động, thằng Còi thường bị xô đẩy, ngã lăn quay. Nó chỉ nhăn nhó tí chút chứ không hề giận chúng tôi. Trái lại, nhiều lúc nó đã đem lại cho chúng tôi những niềm vui bất ngờ. Ấy là những lúc thằng Còi hé mở ra cái thế giới riêng mà nó tưởng tượng ra, với tất cả lòng say mê và tin chắc. Có đàn kiến bò tíu tít dọc theo chân tường.

Thằng Còi nói: "Những con kiến bò ngược chiều, hễ gặp nhau là chúng đụng đầu nhau một cái, ấy là chúng chào nhau". Điều ấy thì chú nhóc nào cũng biết. Nhưng thằng Còi còn nói: "Tao nghe thấy chúng nó nói chuyện với nhau...". Cả lũ chúng tôi hét lên: "Ê, ê, bịa! Mà chỉ bịa!". Thằng Còi hết sức nghiêm trang, nó cúi xuống, nghiêng tai lắng nghe rồi thì thầm, y hệt như con kiến đang thì thầm: "ở trong kẽ hòn đá kê chân cột có hạt ngô vàng. Chúng mày cứ chờ xem, bọn kiến đang rử nhau, thế nào chốc nữa chúng nó cũng khiêng hạt ngô vàng đi qua đây!". Quả nhiên chỉ một lát sau, cả một lũ kiến xúm xít, con kéo, con đẩy một hạt ngô to đùng, dọc theo chân tường về tổ. Mà đúng hạt ngô vàng chứ không phải ngô trắng hoặc một hạt gì khác.

Trên nóc hồi nhà, một con chim sẻ đột ngột bay sà xuống cành bưởi, nó xù lông, kêu "chách! chách!" liên hồi. Từ cành bưởi, con chim sẻ bay sang cành chanh rồi từ cành chanh nó sà xuống đám cỏ góc vườn, bộ lông càng xù lên gần như dựng ngược, tiếng kêu "chách! chách!" càng mau

và đánh gắt hơn. Thằng Còi nói: "Khổ thân con sẽ mẹ. Nó bị mất con. Nó đi tìm con. Nó kêu cuống quýt, ới con ới, con lạc chỗ nào?". Cả lũ chúng tôi còn đang ngỡ ngác, nửa tin nửa ngờ thì Còi bỗng hươ tay, hét toáng lên: "Tao với chúng mày đi tìm con sẽ con cho con sẽ mẹ đi. Đi ngay. Nào...". Bị lôi cuốn bởi sự sốt sắng của Còi, cả lũ chúng tôi túa đi khắp các góc ngách, xó xỉnh trong vườn, quanh bể nước, ra tới tận cầu ao. Chẳng thấy có con sẽ con nào. Mà con sẽ lớn thì biến đâu mất. Chúng tôi quây lấy thằng Còi, vừa giằng kéo nó vừa cười cợt "Ê, ê... làm gì có sẽ mẹ với sẽ con. Mày chỉ tào lao láo toét, Còi ới!" Thằng Còi có vẻ hơi lúng túng, nó nhón nhác ngó quanh, khuôn mặt đang nhăn nhó chợt tươi tỉnh lên. Nó tiến lên một bước, dáng dàng hoàng như là không thèm chấp sự ngốc nghếch của chúng tôi: "Con sẽ mẹ đã tìm thấy con sẽ con. Con nó bị rơi xuống lòng cái máng nước bắc dưới giọt gianh kia kia. Sẽ mẹ đang kêu, ới giời ôi, con tôi hư lắm! Hư lắm! Nó chỉ kêu nho nhỏ thôi, vừa đủ để tỏ rõ là nó đang vắng yêu con nó thôi. Rồi nó sẽ mớm mồi cho con nó. Chúng mày hãy cứ giương mắt lên mà chờ...". Chúng tôi không phải chờ. ở trên cao, sát giọt gianh mái nhà, trong lòng cái máng nước, nghe có tiếng "chách! chách!" quen thuộc và đầu con sẽ con nhô lên, mở há rộng. Đúng là con sẽ con vì mép mỏ còn tươi một vệt vàng. Cả lũ chúng tôi đều nín thính, đành chịu thua thằng Còi.

Một hôm có một gã lạ hoắc, không biết từ đâu tới câu cá ở ao đình làng tôi. Gã lạ hoắc ngồi dưới lùm tre thưa, quăng bờ ao um tùm cỏ rậm, mặt nước ao loáng thoáng cánh bèo. Gã nhúm một ít thính rang, vung xuống mặt nước. Gã mắc mồi câu vào lưới câu rồi buông cần. Chỉ giây lát sau, mẩu phao bằng gỗ bắc trắng xóp đã nháy nháy liên hồi rồi một đầu phao chúi hẳn xuống mặt nước. Gã lạ hoắc giật cần, được con cá rô, gã gỡ con rô ra khỏi lưới câu, bỏ vào giỏ. Lũ nhóc chúng tôi đang chơi lăng vẳng gần đấy, liền xúm lại xem.

Cái giỏ thưa, hom giỏ cũng thưa, lại gãy mấy cái nan, nhìn rõ con rô vừa mắc câu, bị quăng vào trong giỏ. Nó là con rô cụ, lưng nổi màu xanh đen, vây dài, đuôi xòe lớn. Nó cong người, nhảy thách lên, miệng nó cứ há ra, ngáp ngáp. Cứ y như là con rô cụ muốn kêu lên điều gì đó. Chúng tôi bảo thằng Còi, mày tài giỏi thì hãy nghe xem con rô cụ kêu gì? Thằng Còi nhòm vào trong giỏ, bàn tay nó khum lại, che lên vành tai, nét mặt căng thẳng. Một lúc sau, Còi ngẩng lên, nói ngập ngừng: "Tao đoán là nó bị lưới câu móc rách mép, nó đau, nó muốn kêu lên với các bạn nó ở dưới ao là chớ có tham ăn, chớ có ham cái mồi câu đừng đưa trước mũi kéo mà toi đời!". Vừa lúc đó gã lạ hoắc lại giật cần câu và gỡ ra khỏi lưới câu một con rô, bỏ vào trong giỏ. Con rô này béo múp, bụng vàng ươm. Nó cũng cong người, nhảy thách lên, miệng há ra ngáp ngáp... Cả lũ chúng tôi cười vào mũi thằng Còi: "Lần này thì mày trật lác rồi, Còi ới. Con rô ở trong giỏ biết kêu lên với bạn nó như thế sao bạn nó ở dưới ao vẫn còn bị mắc câu nào?". Thằng Còi đàn mặt ra, nó không tranh cãi, chỉ nói lững lơ: "Thì tao đã bảo là tao nhìn cái miệng cá ngáp ngáp, tao đoán thế chứ tao có nghe thấy gì đâu. Loại cá sống dưới nước, chúng nó chỉ nói chuyện được với nhau ở dưới nước chứ đã bị bỏ giỏ, nằm ở trên cạn thì chỉ còn ngáp ngáp thôi!". Chúng tôi vẫn cố cười vào mũi thằng Còi, mặc dầu nó láu lỉnh khiến chúng tôi không sao bẻ được nó.

Gần nửa thế kỷ đã trôi qua, với bao nhiêu biến đổi. Nhớ lại thằng Còi bạn tôi thuở thiếu thời, hóa ra là nó có lý.

Phụ đính:

Câu đá xanh

Cậu Tàn, em họ mẹ tôi, bị mù sau một trận đau mắt nặng, từ ngày còn nhỏ. Nhà cậu ở kề nhà bà ngoại tôi. Mỗi lần sang nhà cậu, tôi cố đi rón rén nhưng tai cậu thính lắm, cậu nghe được bước chân không hề phát ra tiếng động của tôi và cậu à lên ngay: "à, cháu cậu. Lại đây với cậu. Lại

đây!". Cậu Tần thường ngồi ở đầu hiên nhà, đan lát, chẻ đóm hút thuốc Lào, vót tăm hoặc một việc gì đại loại như thế, mò mẫm mà khéo léo. Cậu gảy đàn bầu, tiếng đàn của cậu mộc mạc, buồn não nùng. Cũng có lúc cậu ngồi im lặng, tấm lưng còng, cái cổ gầy nổi gân xanh, đôi tròng mắt lơ lơ chỉ một màu trắng đục cứ chớp giật lên, như là cậu đang chăm chú nhìn cái gì đó. Cậu Tần đã lớn tuổi nhưng vẫn thơ ngây như trẻ con. Những hình ảnh ít ỏi cậu thu lượm được khi còn là chú bé sáng mắt, ngày càng lấp lánh trong cái vùng đen tối mệnh mông bủa vây đời cậu. Cậu rì rầm kể lại với tôi những trò nghịch ngợm, lội ao, trèo cây hoặc bắt rắn, hun chuột ở ngoài đồng. Rồi cậu bỗng náo nức:

- Cậu muốn ra cái cầu đá xanh ở đồng Ngà. Cháu đưa cậu ra nhé.

Đoạn đường từ nhà ra tới cổng làng, cậu Tần đã quen, cậu vừa đi vừa gõ gõ hoặc lia lia cái đầu gậy về phía trước là có thể nhận biết những chỗ lồi lõm, những khúc quanh. Ra tới đường đồng, thành đường lạ nhưng cậu không cho tôi dắt cậu, chỉ được đi bên cậu, cái đầu gậy của cậu không ngừng gõ gõ, lia lia và cậu quả quyết:

- Cháu chỉ cần đưa cậu đi dăm ba bận là cậu nhớ đường, cậu có thể đi một mình. Rồi cháu xem!

Đồng Ngà ở xa làng, có con ngòi chảy ngoằn ngoèo, nhịp cầu đá xanh không biết được bắc từ thuở nào, các phiến đá đều mòn nhẵn. Đầu cầu nổi một gò đất, sườn gò có gian quán nhỏ, mái ngói lên rêu, không có tường vây, gió lùa thông thoáng. Cậu Tần buông cái gậy, nằm dài ra trên nền quán, nói thẳng thốt như trong mơ:

- Đồng Ngà nhiều cua lắm. Ngày trước, cứ giặc trưa cậu ra đây lội bì bõm bắt cua, nắng há miệng nhưng vào cái quán này, nằm dài một lúc là tỉnh.

Rồi cậu lần ra cầu, sờ soạng từng phiến đá, bàn tay lần theo những vết nứt hoặc những chỗ sứt mẻ.

- Cái cầu này vẫn y nguyên, chẳng có gì suy xuyễn. Cả vùng, chỉ có mỗi làng mình có cái cầu đá xanh. Mà lại ở giữa đồng. Hay thật...

Tôi rời quê ngoại, trở về nhà, quê nội. Dù không có tôi, cậu Tần cứ một mình dò dẫm ra tận cầu đá xanh đồng Ngà. Một lần, cậu nhặt được con chó con, không biết từ đâu lạc đến, nằm rên ư ư trong bụi cây ven quán Ngà. Con chó ốm o, đầy mụn ghẻ, hai mắt đùn rử xanh. Mặc cho cả nhà phàn nàn, ca cẩm, cậu Tần tắm rửa cho con chó, cho nó ăn, vỗ về nó. Con chó lành bệnh, béo ra, sủa nhanh nhách, nó luôn quán quýt bên cậu Tần. Tôi lại có dịp về chơi quê ngoại. Lúc ấy, con Vện của cậu Tần đã lớn, chỉ sau mấy ngày nó thấy cậu Tần yêu quý tôi, hễ tôi sang nhà cậu là nó chạy ra, vẫy đuôi rối rít. Cậu Tần ngồi gảy đàn bầu, con Vện dù đang chơi nhởi đâu đâu cũng chạy vội về, ngồi chầu hầu trước cây đàn. Vện ngồi im phăng phắc, chỉ hai vành tai dựng đứng của nó thỉnh thoảng hơi rung rung. Con Vện biết nghe đàn, vẻ như nó thấm thía tiếng đàn buồn não nùng của người chủ mù. Nó còn biết canh cây đàn bầu, cậu Tần thường móc vào cái mấu tre, treo lên vách. Hễ ai vô ý đụng vào cây đàn là Vện xông tới, sủa ầm lên.

Rồi tôi đi xa. Đi kháng chiến. Ở rừng Việt Bắc kháng chiến, tôi vẫn nhớ về làng quê, nhớ cậu Tần của tôi. Không ngờ, ngày trở về cậu Tần không còn nữa. Một trận giặc càn, dân làng chạy nháo nhác. Cậu Tần mù, không thể chạy đi đâu. Cậu ở nhà, nấp sau cái cốt thóc. Còn con Vện, cậu xua nó ra vườn. Lính Tây và lính bảo hoàng lừng sục khắp làng, chúng xông vào nhà cậu Tần, ngó nghiêng, không thấy có gì khả nghi, chúng định bỏ sang nhà khác. Một tên lính nhìn thấy cây đàn bầu treo trên vách, táy máy gảy vào dây đàn, nẩy một tiếng "phùng!". Con Vện rúc kín ở góc vườn lập tức xông ra, nó cứ quẩn vào chân bọn lính, sủa ăng ăng. Do thế mà bọn lính tiếp tục

xăm xoi, chúng tìm thấy cậu Tần nấp sau cái cút thóc. Chúng lôi cậu ra sân đình. Rồi chúng lừa một số dân làng, trong đó có cậu Tần, lên bốt Mổ. Số dân làng bị giam lại qua đêm ở bốt Mổ. Còn cậu Tần, bọn giặc đã chắc chắn là người mù thật, đến xế chiều thì chúng thả cho về. Khổ thân cậu, mù lòa, thoát khỏi đòn giặc nhưng biết đường nào mà đi? May còn con Vện. Con Vện chui lủi ngoài đồng, vẫn theo dõi chủ nó, trong đoàn người lam lũ bị sa vào tay giặc. Con Vện quần quanh bên ngoài bốt Mổ. Nó chạy lại bên cậu Tần, cọ người vào chân cậu, đuổi nó vẫy rối rít. Cậu Tần dò dẫm đi theo con Vện, con Vện thỉnh thoảng lại dừng chân, quay đầu, khế rên lên ư ử, như để báo hiệu và khuyến khích cậu. Cố lên, cố lên, thầy trò ta sắp về đến cầu đá xanh đồng Ngà rồi!

Cậu Tần về đến cầu đá xanh thì phía bên kia đồng, bọn lính đi càn xa bấy giờ mới trở về. Nắng chiều chên chích suốt cánh đồng vàng hoe, cánh đồng chết. Bọn lính thấy giữa đồng có bóng người di động chậm chạp. Chẳng cần biết người đó là ai, chúng chỉ trở rồi giơ súng ngắm và nổ cả một băng đạn dài.

Cậu Tần nằm vắt ngang bờ ruộng, máu chảy ra chan hòa. Con Vện chạy quanh cậu, tru lên thảm thiết... Con Vện nhất định không chịu về nhà. Bà con đi làm đồng thỉnh thoảng lại thấy con Vện xuất hiện bên mộ cậu Tần, nó đi quanh nắm đất, mũi cúi xuống hít hít. Nó gầy rạc, lông xác xơ. Rồi con Vện biến đâu mất. Có thể nó thành con chó hoang, cũng có thể nó đã chết vùi ở nơi nào...

Anh Keng

Năm Keng mười tám tuổi, ông Keng bắt đầu tính chuyện hỏi vợ cho anh. Liền trong hai năm, đánh tiếng ba đám, đều không được. Các cô gái không thích Keng, còn đối với ông Keng thì các cô sợ.

Quả thực ông Keng cũng có chỗ khác người. Đầu tóc ông bao giờ cũng để dài, tóc chờm xuống gần kín cổ áo. Còn đầu tóc anh em Keng thì trọc, cắt bằng kéo, nham nhở như lông sâu róm. Thời kháng chiến, lính Tây hay về làng sục sạo, ông bảo: làm thế để đánh lừa thằng Tây. Nhưng bây giờ thằng Tây đã cuốn xéo rồi, việc gì còn phải đánh lừa ai? Chính là vì ông kiệt. Mái gà nhà ông để, ông không bán trứng ở làng, sợ chỗ thân tình phải để rẻ. Bà Keng mang lên tận chợ huyện bán. Mười chín quả trứng, mỗi quả tám xu, vị chi một đồng năm hào hai xu, người mua bớt hai xu, còn một đồng rưỡi.

- Đồ khôn nhà đại chợ, đã lên đến trên ấy, không bán được chín xu thì thôi chứ, của thêm vào chẳng có lại có của bào ra!

Bà vợ cãi:

- Dào, hai đồng xu thì làm gì, cũng coi như là tôi uống bát nước chè tươi...

Ông Keng quắc ngay mắt lên:

- Lại còn quạc cái mồm ra nữa à? Uống bát nước nó khác, nó bỏ béo vào thân mình. Đàng này đi ném ra chỗ giời ơi đất hỡi, để rồi người ta ợn đời mình đấy. Nay hai xu, mai hai xu...

Bà vợ im bặt. Trong nhà này người ta đã sống quen như thế, vợ con chỉ được quyền nghe, còn ông có quyền nói. Và người ta tin như thế là phải. Thì cứ xem, nó rành rành ra đấy: không nhờ ông mưu tính, xếp đặt, thu ha hà vén thử hỏi lấy đâu ra nhà gỗ, sân gạch, bể nước như thế này? Đối với các con, ông Keng lại càng khắc nghiệt. Đây là cách biểu lộ lòng thương yêu con cái của ông: ông muốn anh em Keng sau này phải kể tục được ông, vun đắp cho cao to thêm mãi phần gia tài do ông để lại chứ không thể ăn tàn phá hại đi. Keng còn phải vác ngược bừa, sợ rằng bừa chạm đất, đã suốt ngày chài chài ngoài đồng. Hết việc đồng đến việc nhà, bố Keng ốp Keng làm đến xâm tói mắt. Lâu dần thành quen, hễ không cất nhắc chân tay là không chịu được. Ngoài cái

hứng thú trong công việc làm ăn ra, anh chẳng còn hứng thú nào khác. Anh cũng chẳng cần phải lo lắng gì: ngay cả tương lai của anh, bố anh cũng đã xếp đặt sẵn cho cả rồi... Anh sống, vừa cần cỗi như một cụ già, vừa ngây thơ như một trẻ nhỏ.

Vào hợp tác xã, Keng đứng đầu bảng lao động hạng A. Việc gì khó khăn, nặng nhọc hợp tác cũng gọi đến anh. Rồi phong trào chung lời anh vào cuộc họp hành, học tập, tranh cãi...

- Nay họp. Mai họp. Để rồi xem có được thêm công điểm họp nào không? - Bố Keng cần nhằn.

- Người ta họp kiểm điểm ông đội trưởng xui vợ tưới nước vào phân mà lại không đi à! - Keng trả lời bố, cộc lốc.

- Đào, để không có mày, người ta không kiểm điểm được! - Ông Keng không ưa cái thói cãi lại, nghiến răng chì chiết. - Tao còn lạ gì chúng mày, chỉ giỏi đàn đúm, đàn đúm... Liệu mà giữ lấy thân đấy, con ạ, không ai nắm tay được đến tối, gói tay được đến sáng đâu!

Càng ngày Keng càng hay cưỡng lại bố. Anh không bằng lòng cái việc bố anh cứ đi hỏi hết đám này đến đám khác cho anh. Đúng là anh phải lấy vợ rồi, nhưng vợ anh là "đứa nào" ở làng này nhỉ? Chính điều bí ẩn đó hấp dẫn anh, đem lại cho anh nỗi lo lắng và niềm say mê riêng, bố anh không thể nào hiểu thấu được.

ở đầu xóm nhà Keng có cô Ngọc, đang tuổi dậy thì. Ngọc béo khỏe, lại khéo giữ nước da cứ hồng ửng lên và gặp ai cũng mồm mỉm cười, chẳng hiểu có ý gì. Ngọc hay diện quần lanh đen, áo sơ mi cổ cánh nhọn màu lòng tôm chật căng, trông phây phây. Keng biết bố anh không ưa gì cái vẻ màu mè của Ngọc nhưng chính vẻ màu mè ấy lại làm anh choáng ngợp. Anh vốn là người ít giao thiệp, thiếu từng trải, tình cảm bị đè nén, lòng dù khát khao nhưng chưa hề dám say mê một cái gì theo ý thích riêng, nay tình yêu bỗng cháy bùng lên... Một đêm, đi họp đội sản xuất về, Keng gặp Ngọc ở đầu xóm. May quá, chỉ có hai người. Keng bước vội lên, vấp một cái đau điếng, nhưng cũng chẳng hề gì. Anh liều háng giọng, rồi khẽ gọi, giọng như người ngạt mũi:

- Ngọc ơi!

Ngọc dừng lại, ngỡ ngác...

- Đẳng ấy... đi chơi với tớ cái đi!

- Bây giờ í?

- Khô... ông - Keng cuống lên, vì thực bụng Keng chưa dám nghĩ đến việc rủ Ngọc đi chơi ngay bây giờ.

- Mai nhà?

- Ờ, mai... - Keng lắp bắp nhắc lại, như cái máy.

Ngày hôm sau, trời chưa kịp tối câu chuyện đã vỡ bụng. Mấy cô gái trong xóm cứ trông thấy Keng là nhăm nháy nhau rồi vờ nói tương lên:

- Này, đẳng ấy đi chơi... ời với tớ cái đi!

Keng nói chuyện thực, Ngọc lại đùa. Vì sao thế nhỉ? Keng ngẫm nghĩ mãi, cuối cùng anh thấy có lẽ Ngọc đờm dáng, còn anh cục mịch nên cô nàng không thích đi chơi với anh.

Vậy Keng phải may một bộ cánh. Việc này không thể cho bố biết được. Anh năn nỉ với mẹ, bà mẹ xiêu lòng, dúm cho anh mượn lăm đồng, anh may một cái quần ka-ki và một chiếc áo sơ mi vải phin xanh Nam Định. Đã may rồi thì phải mặc. Và bố anh làm ầm ĩ ngay lên:

- à, thằng này giỏi. Tao nuôi mày của chất cao hơn người, thử hỏi mày đã làm được cái gì báo đáp tao chưa mà tấp tễnh học đòi rồi phá của đấy hử?

Ông Keng nói ra nói vào suốt buổi chiều. Đến tối, ông vẫn còn nói. Keng không cãi, chỉ lúi lũi trốn sang nhà bạn ngủ nhờ. Ông Keng lại càng điên máu. Bộ quần áo, dù sao Keng cũng đã may rồi, của vẫn còn đấy, thôi cũng cho là được đi. Nhưng con mà dám vượt quyền bố là không thể được. Vợ nuôi con, vượt quyền chồng cũng không thể được. Bao nhiêu lời chì chiết, ông đổ cả lên đầu vợ.

Ông Keng nằm phản nhà ngoài. Bà vợ nằm trong buồng với thằng Chỉnh, cái Trinh. Bà vợ nghe mệt quá đã ngủ từ lúc nào nhưng ông vẫn cứ dẫn dụ, quát nạt và lôi cả những chuyện từ hồi hai

người mới lấy nhau ra mà kể lể. Hôm sau, bà cụ Ty bên hàng xóm gặp ai cũng líu lại, lắc đầu lè lưởi kêu rằng đang đêm bà cụ choàng tỉnh dậy, thấy nhà ông Keng có tiếng người, đèn lại sáng, tưởng là trời sắp rạng, vội vàng quang gánh lên chợ huyện. Đến nơi, chợ chẳng có ma nào, bà cụ ngồi gục dưới gốc đa, đánh một giấc dài...

Mỗi khi Keng diện bộ quần áo mới, Ngọ lại vờ đứng sững, nheo mắt nhìn anh và khen: "Bảnh quá nhỉ!". Keng để ý thấy cứ ngày chủ nhật lại có mấy thanh niên ở công trường về chơi nhà Ngọ. Họ diện quần tây, đi dép da, đeo đồng hồ. Keng cũng đã có một đôi dép lốp, mua từ lâu nhưng chẳng mấy khi đi nên còn mới nguyên. Anh chỉ kém cái đồng hồ đeo tay.

Vậy Keng lại phải mua một cái đồng hồ đeo tay. Lần này anh không xin mẹ nữa. Anh đi gánh gạch thuê, mặc bố máng chửi, nhất định không đem tiền về nhà. Dành dụm ít lâu, rồi cũng mua được một cái đồng hồ cũ, mặt đã ố vàng, hai cái kim tróc cả mạ lân tinh. Có đồng hồ thì phải thạo xem giờ. Đã có lần Ngọ hỏi giờ, anh trả lời nhầm, may mà cô ta không có đồng hồ nên không biết. Bấy giờ Keng mới thấy văn hóa mình kém quá. Bố anh có cho anh đi học mấy đâu: "Học lăm rồi nghiền chữ ra mà ăn à!" Ngọ đã học hết lớp bốn. Còn anh, trong chiến dịch bỏ túc văn hóa năm ngoái mới chớm học lớp ba được dăm buổi. Phen này nhất định anh phải đi học...

Việc Keng đi học làm cho lớp bỏ túc văn hóa vui vẻ hẳn lên. Số thanh niên tinh quái trong lớp từ lâu đã biết chuyện Keng và Ngọ liền xúm vào trêu anh. Keng không biết chối. Anh chỉ văng tục và đỏ mặt lên. Mọi người lại càng trêu anh tợn. Anh chạy chỗ mãi, nhưng chẳng chạy đâu cho thoát. Cuối cùng, chị cả Lạt nói:

- Anh Keng xuống ngồi đây với tôi nào!

- Keng ngồi chưa nóng chỗ, một thanh niên đã lại kêu lên.

Anh Keng ngồi với chị cả Lạt, trông đẹp đôi không kìa!

Chị cả Lạt chẳng phải tay vừa. Chị lấy chồng từ năm mười tám tuổi. Năm mười chín, chị đẻ đứa con giai, sau đó chồng mắc bệnh, ốm liền trong hai năm rồi chết. Chị làm quần quật, phụng dưỡng cha mẹ chồng, hầu hạ chồng, bú mớm cho con. Có những ngày ngán ngủi, cơn bệnh lui đi, người khỏe khoắn ra, chồng chị yêu thương chị như người phát cuồng. Nhưng rồi chồng chị lại đổ ụp ngay xuống, rất nhanh chóng và ngày càng đuối dần đi. Còn chị thì cứ hờ hờ ra. Vô số trai làng, cả mấy ông trung niên đã có con gái lớn sắp đến tuổi gả chồng đua nhau quấy rầy chị: "Thấy cái hoa thơm, tội gì chẳng ghé mũi người qua một tý!". Chồng chị nằm đó, bất lực, cứ ghen lồng lên. Thành thử, chị chịu khổ gấp đôi.

Sau khi con lớn, chị thường hay về nhà mẹ đẻ ở, cả làng đều đình ninh chỉ ngày một ngày hai là chị đi lấy chồng khác. Nhưng đã ngót bốn năm qua, chị vẫn chẳng lấy ai, mặc dầu những chàng trai lượn quanh chị còn đông hơn trước gấp bội. Ấy là vì chị sợ. Cái hạnh phúc của chị, nó ngán ngủi quá và tàn nhẫn quá. Và do đó khát vọng về hạnh phúc của chị trở nên to lớn quá. Chị muốn người chồng sau của chị phải là người có thể bù đắp lại cho chị tất cả những gì chị đã phải chịu thiệt thòi. Chị tiến đến gần người này, rồi người khác, ngắm nghĩ về họ và lại lùi ra xa... Người ta bắt đầu bàn tán. Có người vì không được yêu xoay ra hằn học, có người vì ghét, cũng có người chỉ là rối mồm nói cho vui chuyện. Đại để, toàn những điều ong tiếng ve, chẳng hay ho gì. Ban đầu, chị hết sức buồn bực, đau khổ, nhìn ai cũng như thù địch. Sau rồi cũng quen đi, gác ngoài lỗ tai tất, có đôi lúc còn lấy thế làm vui vẻ và để đối lại những lời trêu chọc chị chỉ cười trần.

Khi mấy anh chàng tinh quái trong lớp học gán ghép chị với anh Keng, chị cho là chuyện hết sức nhầm. Chị quay phắt về phía bọn họ, lớn tiếng nói, nửa đùa nửa tức giận:

- Bận gì đến các chú đấy? Các chú không được như người ta, các chú ghen à?

Bọn thanh niên cười ầm lên, lại càng buộc chặt hai người vào. Keng không thể chịu đựng được, phát khùng với mọi người và bảo chị cả Lạt:

- Còn nhà chị ấy, vừa vừa cái mồm chứ. Nhà chị là người đứng đắn...

Chị cả Lạt tái mặt đi vì bất ngờ. Nào đã mấy ai, trong những lúc đùa cợt lại bảo chị là người đứng đắn. Nhưng Keng nói thật hay nói mỉa mai? Chẳng lẽ Keng cũng biết mỉa mai?

Từ đấy, cứ ngắm ngòm một mình, càng ngày chị càng chú ý đến Keng.

Một hôm, hợp tác xã hợp, cử Keng đánh một chiếc xe bò lên huyện chở phốt phát, cùng với hai người nữa. Chị cả Lạt nghĩ: "Hay mình thử đi một chuyến xem anh ta cảm càng như thế nào!" Liền rủ bà Thủy ngồi cạnh giờ tay xin đi.

Từ làng lên huyện xa tám cây số. Đi đã được quá nửa đường. Keng vẫn không chịu nghỉ, cứ lúi lũi, chẳng hề mở miệng. Bà Thủy đẩy xe phía sau, cùng với Lạt, cũng chẳng nói năng gì, chỉ ra công nhai trầu và nhổ toẹt. Vừa nắng vừa mệt, Lạt đâm ra buồn. Tự nhiên chị lại nhớ không khí lớp bỏ túc văn hóa, với những lời đùa cợt, gán ghép vô tư, đôi khi hơi sỗ sàng của bọn thanh niên. Nghĩ cho cùng, thế mà hóa ra vui. Lạt thêm có một cái gì cũng vui vui, tương tự như thế...

- Bác Thủy ơi, bác có chuyện gì vui vui kể đi nào!

- Tôi thì làm gì có chuyện vui - Bà Thủy đáp bằng một giọng uể oải - Già rồi! Bảo anh Keng ấy, anh ấy đang trai...

- Khỉ cái bà này. Cứ phải đang trai mới vui!

Lạt phát mạnh vào lưng bà Thủy, tiện đà đẩy cái xe bò lên một cái mạnh. Chiếc xe chồm tới, ván xe rung bần bật, dúi Keng về phía trước làm anh nhớ bước, suýt ngã chúi. Keng chỉ khẽ gắt: "Dừng mớ vừa vừa chứ!". Anh không bắt chuyện. Cũng không dám quay lại, sợ hai người đàn bà trông thấy mặt mình đang đỏ bừng lên.

- Thôi, không ai nói chuyện gì thì tôi ngủ vậy đây!

Lạt ghìm xe, nhảy lên, nằm nép vào một phía để tránh ánh nắng, chân co lại, chiếc nón lá che kín mặt và ngực. Hai càng xe trong tay Keng trĩu ngay xuống. Anh nghĩ bụng: "Cái nhà chị này thế mà nặng". Nhưng chính lúc đó, không hiểu sao anh lại thấy cái xe nhẹ tênh, kéo cứ đi bằng băng.

Lạt không ngủ. Ngủ làm sao được. Chị nhòm dậu, nhảy xuống đất:

- Bác Thủy ơi, hay là bác kể chuyện buồn cũng được. Chuyện nào buồn nhất ấy!

- Chuyện buồn thì có đấy. Dưng mà cả xóm biết cả rồi, việc gì phải kể!

- Chuyện gì thế bác? - Lạt chột dạ, vội hỏi lại.

- à, chuyện ông đội Lung!

- Thôi đi, đừng nói đến ông Lung nữa, ngứa cả ruột! - Đột nhiên Keng quay lại, gạt đi bằng một giọng hằn học.

Lạt vui hẳn lên. Chị cười lạc cả giọng và buộc chặt ngay Keng vào câu chuyện:

- A, anh Keng giỏi, anh nói xấu sau lưng người ta nhá!

- Thì nó sờ sờ ra đấy, bánh đúc bày sàng việc gì còn phải nói xấu!

Lạt làm ra bộ ngớ ngẩn, cứ gặng dần, buộc Keng phải nói ra những nhận xét của anh về ông đội trưởng đội sản xuất Lung. Rồi đột nhiên Lạt trở nên tinh quái, bắt bẻ những nhận xét của Keng. Keng nổi nóng cãi lại Lạt, mỗi lúc một hăng, tưởng chừng như chính Lạt là người đứng ra bao che cho những chuyện tư túi của ông Lung. Giọng Keng dấm dẩn, thô bạo, nhưng anh không nói vu vơ. Chẳng hạn như chuyện ông Lung dành ruộng mướt bùn cho vợ cấy, ruộng ít cỏ cho vợ đi vợ lá dành thừa nào, ở đồng nào; chuyện ông Lung bày cho vợ gánh phốt phát bằng thúng ướn rồi đem thúng về giặt, lấy nước tưới rau là vào hôm nào, đang kỳ chăm bón cánh nào... Lạt kêu lên:

- Giời đất ơi, cái nhà anh này y như thổ công! Nói đến con kiến trong lỗ cũng phải bò ra. Sao ở hội nghị anh cứ ngồi im như thóc, hứ?

- Tôi chẳng nói là gì! - Keng cãi lại một cách yếu ớt.

- Anh á? Có nói, toàn nhìn trộm bố, rồi nói vuốt đười người ta! Phèn này, bác Thủy ạ, bà con ta phải bầu anh Keng lên làm đội trưởng mới được, để cho anh ấy...

Thấy Lạt vui, bà Thủy cũng hòa theo. Và Keng lại rơi ngay vào tình trạng lúng túng như sa lưới: anh không quen đùa. Nhưng dù sao cái ý kiến đột ngột của Lạt vừa rồi cũng làm Keng nghĩ ngợi. Quả là anh biết cặn kẽ mọi chuyện làm ăn trong hợp tác xã hơn Lạt nhưng anh không chăm hợp hành, không hăng hái nói năng, không chú trọng đến công việc chung được như Lạt. Anh luôn luôn bị giằng co và một nỗi sợ hãi ngấm ngấm cứ bám riết lấy anh. Anh sợ bố. Vì sao sợ, anh không rõ, nhưng đúng là anh sợ. Cũng như mọi người trong gia đình anh, anh sợ...

Lượt về, còn cách làng khoảng ba cây số, trời bỗng đổ mưa rào. Nước sa trắng xóa cánh đồng.

Nhìn về phía trước, chỉ một quãng ngắn, con đường đã mất hút sau những hàng mưa xiên chéo. Chiếc xe bò bị trượt một bánh xuống cái hố tấp nước. Xe chở khá nặng vì ngoài số phốt phát còn mấy chục chiếc lười cày cải tiến. Càng kéo, càng đẩy, xe càng lún và nghiêng đi, hai càng xe đòi bật lên làm cho hai bắp tay Keng bị giật mạnh, nhúc suốt lên tận vai. Keng bám thật chắc mười ngón chân xuống bùn, lưng cong, gập hai vai nhô hẳn lên và anh nói, giọng rít qua kẽ răng:

- Bắt bánh lên!

Hai người đàn bà sợ cuống. Một ngọn gió lạnh xô tới, xé rách mảnh nilông phủ trên xe và giật cái nón Keng đội ném xuống ruộng, kéo thành một đường vòng cung dài. Lạt vội vàng đuổi theo, cướp lại cái nón, đội lên đầu cho Keng. Keng không chú ý đến cái nón. Anh ngẩng lên, môi mím chặt, đôi mắt mở trừng trừng, giận dữ, quả quyết, sáng rực trên khuôn mặt chan hòa nước mưa lạnh giá. Anh nói như quát:

- Bắt bánh nhanh lên! Đổ mẹ nó xe bây giờ!

"Anh ấy không bằng lòng, anh ấy gắt..." Lạt nghĩ vậy với một nỗi lo âu vừa mơ hồ vừa rõ rệt. Chị vội nhảy xuống chỗ đầy bùn lũng, cùng với bà Thủy cúi gập người xuống, chúi đầu vào cái bánh xe trơn nhầy nhựa. Nhưng chị vẫn để mắt nhìn Keng. Chị thấy anh vươn dài cổ ra, người nhoai về phía trước, chân đạp mạnh, ngón chân miết xuống bùn thành những rãnh sâu đầy nước, toàn thân căng thẳng như một cánh cung sắp bật. Và chiếc xe bắn vọt lên, nhảy chồm về phía trước. Sau chuyến đi xe phốt phát, chị cả Lạt luôn luôn bị đôi mắt của Keng - đôi mắt giận dữ của anh lúc anh mắng chị, giữa cơn mưa - ám ảnh. Chị bàng hoàng nhận ra rằng đôi mắt đó chứa đựng một sức mạnh gì hết sức bí ẩn, chưa ai biết và chính chị cũng chưa biết rõ, chị chỉ mới cảm thấy nó thôi. Chị bắt đầu tin rằng, cái nhà anh Keng làm lì, vụng dại thực ra không phải như mọi người vẫn tưởng... Chị đâm ra ngờ ngẩn, cứ nhớ mãi trận mưa, chỉ mong sao có dịp lại được đi như thế, anh Keng lại giận dữ với chị như thế và buổi học nào chị cũng chăm chú nhìn khuôn mặt vương vức, gồ ghề, nhìn cái áo bạc phếch, cái lưng to rộng hơi gù xuống của Keng.

- Keng, có ai đang nhìn cậu kia! - Một thanh niên láu lỉnh bỗng kêu lên.

- Đây, tôi báo cho nhà chú biết, nhà chú chỉ đáng tuổi em tôi thôi - Chị cả Lạt công khai thú nhận và lớn tiếng át đi - Chú đừng có lõm!

Lạt vẫn nhìn Keng, nhưng Keng không nhìn lại. Lạt biết Keng đã bị cô Ngọ hờ hớ thu mất hồn anh rồi. Nỗi ghen tức ngấm ngấm nhói lên trong lòng chị. Chị cựa quậy người trên ghế, chাম mục một cách giận dữ rồi lại vô cơ vẫy hết mực ở ngòi bút đi.

Keng học các môn bình thường, riêng môn tính rất giỏi. Anh toàn tính nhầm. Tính đồ anh cũng nhầm.

- Anh Keng này, anh làm tính giỏi thế, anh giúp tôi một tý với - Một đêm, sau khi tan học, chị cả Lạt trùng trình đợi Keng ở chỗ vắng, giữ anh lại và nói.

- Ngươi thì giúp thế nào được chị!

- Anh sợ à? - Đột nhiên Lạt ngẩng lên hỏi Keng.

- Không! Không đời nào! - Keng vội vàng chối.

- Thế thì anh đến đi. Anh bảo tôi cách nhầm, còn tôi sẽ bảo lại anh cách làm nhời giải. Như thế là tương trợ... Tối mai anh đến nhà tôi nhà. Không phải nhà tôi đâu, nhà mẹ đẻ tôi ấy!

Anh ruột Lạt đi làm xa, ở nhà chỉ có bà mẹ Lạt, người chị dâu và ba đứa cháu nhỏ, thực thuận tiện cho Keng đi lại.

Nếu Keng không đến thì đúng là anh sợ bố anh rồi. Anh đã nói rằng anh không sợ. Anh là con giai. Anh đã lớn. Và công việc làm ăn chung hàng ngày đã kéo anh vượt ra ngoài bốn bức tường gia đình... Ban đầu, cứ đến lúc người nhà đi ngủ là Keng về. Càng về sau Lạt càng giữ anh ở lại khuya hơn. Trong không khí vắng lặng và thân thuộc của nhà mình, đúng là nhà mình chứ không phải ở nơi nào khác, chị cảm thấy có cái gì đó rất cũ kỹ và cũng rất mới mẻ tiến đến gần chị, nhập vào chị, lôi cuốn chị đi, chị muốn tìm mình lại nhưng vẫn cứ bị nó lôi cuốn và không biết nó sẽ lôi cuốn chị đi tới đâu. Đầu óc chị dần dần trở nên mờ mịt. Chị làm tính sai tuốt ráo cả.

- Ở cái nhà chị này, tơ tưởng chuyện gì mà ngồi đờ ra thế?

- Không! - Chị cả Lạt giật mình, mặt đỏ lên. Nhưng đột nhiên chị trấn tĩnh lại và chị nói không che giấu - Tôi chẳng tơ tưởng chuyện gì. Tôi đang nghĩ đến anh đấy!

- Nghĩ đến tôi làm sao?
- Nghĩ đến anh với cô Ngọ. Anh đừng có hoài công đeo đuổi. Cô ta... không... hợp... với anh đâu!

Giọng Lạt run run và yếu ớt dần. Chị không dám tin vào điều chị vừa nói. Biết đâu, bỗng một lúc nào đó Ngọ chẳng bưng bình tỉnh và nhận ra Keng như chị từng nhận ra. Chị không thể cứ để mặc cho sự đời trôi chảy... Nhưng Keng đã đứng dậy, cuộn vở lại.

- Không. Anh đừng về. Anh... - Chị cả Lạt vội vàng nói, người chị lạnh đi vì hoảng sợ và chị nhìn thẳng vào Keng bằng đôi mắt dữ tợn như mắt thú rừng.

Keng choáng váng như bị xô vào cơn lốc mãnh liệt, bốn phía đều mù mịt và cứ xoay tít đi. Chính trong lúc đó, một ý nghĩ loé lên trong đầu anh: "Sao Ngọ nó không nắm cánh tay mình, nó không nhìn mình như thế nhỉ?" và lập tức cơn lốc chấm dứt, để lại một mình anh đứng sững trên mặt đất trống trơn, lòng nguội ngất... Keng khẽ nhấc lại, giọng dứt khoát:

- Thôi, khuya rồi, tôi về đây!

Chị cả Lạt lật đật chạy theo Keng ra tận cổng mới dừng lại. Người chị như lên cơn sốt, phải vịn vào cái cọc rào, chỉ muốn gục xuống. Nhưng đầu óc chị rất tỉnh táo và một ý nghĩ hết sức khủng khiếp cứ bám chặt lấy chị: "Giờ ơi, mình yêu anh ấy rồi ư? Trong làng biết bao nhiêu người, sao mình lại chẳng yêu ai, mình lại đi yêu anh ấy?"

Cơ may của Nhím

Bà lão mù ngồi trước đống lửa nhập nhòa trong đêm.

Ngon lửa tỏa hơi nóng và nhờ hơi nóng bà lão biết lúc nào ngọn lửa sắp tàn, liền quờ quạng tìm thanh củi vụn cho thêm vào. Bà lão nói một mình, giọng nói rì rầm, chìm khuất nhưng cũng có lúc nổi lên, chậm rãi và rành rọt, như nói với một ai đó vô hình đang lắng nghe. Ta già rồi, chín mươi bảy tuổi rồi, ta quên ngày sinh tháng đẻ, còn tuổi thì ta nhớ chứ, cái tuổi già lụ khụ rồi. Nhưng so với ông Bành Tổ sống lâu trên tám trăm tuổi thì ta mới chỉ là đứa con nít. Thấm tháp gì! Dù là thế, ta cũng trải qua gần trọn một đời người, có biết tí tẹo về cuộc sống. Một tí tẹo thôi, thậm chí trong đó có cả nhầm lẫn, chịu không phân biệt được. Ta có cái linh cảm... Ở, này Nhím, cháu gái của ta, cháu vẫn nghe ta nói đấy chứ? Cháu rời Lũng Sỏi (vùng đất này khô cằn, khắc nghiệt, chỉ trơ ra toàn sỏi thôi!) vượt qua con dốc sườn núi đá gọi là dốc Bông Bong (vì sườn đá chỉ rặt cây bụi phủ đầy dây bông bong), sang vùng đất bên kia chân đèo, ở bên đó cháu sống thế nào? Ta vẫn nhìn theo cháu, tưởng tượng về cháu, sẵn sàng nghe cháu nói với ta. Mà cháu không nói gì cũng được, thậm chí không nhớ đến ta cũng chẳng sao. Mỗi người phải tự gánh vác lấy cuộc đời riêng, ta đâu có thể nhân danh cái đoạn chót của đời người để can thiệp vào sự diễn tiến tự nhiên, với vô số ngẫu nhiên của đời người khác được... Buổi chiều Nhím rời Lũng Sỏi, cô bé ra đi như thế nào nhỉ? Thoạt tiên bà lão nghe thấy tiếng vó ngựa lóc cóc lan truyền trong lòng đất, bà lão mù nên đôi tai cực thính, có thể cảm nhận tiếng lóc cóc lan truyền yếu ớt từ rất xa, lại còn đoán được những đặc điểm của con ngựa. Hẳn là con ngựa này thuộc giống ngựa bản địa, nó nhỏ con, tuy không hùng dũng nhưng nhanh nhẹn, quen trèo đèo dốc. Cùng với con ngựa, có một người khách đến Lũng Sỏi, họ đến rồi đi, chắc chắn thế và chuyện này chẳng liên quan gì đến bà lão. Bà lão nhãng đi, như cái đầu óc của tuổi già thường vẫn vậy...

Chợt có tiếng Nhím ở ngay trước mặt bà lão: "Bà ơi, có ông khách từ xa đến, ông ta dắt ngựa xuống ngồi cho ngựa uống nước. Cháu nhìn con ngựa, nghĩ thầm con ngựa này nếu được chăm sóc tốt sẽ được việc lắm đây. Ông ta nhìn cháu rồi bỗng nói, cháu biết chăm sóc ngựa à? Cứ y như ông ta đọc được ý nghĩ của cháu. Cháu im lặng còn ông ta thì cười cười, lấy lòng cháu. Ông ta rủ cháu theo về nhà ông ta, giúp chăn ngựa cho ông ta. Chăn ngựa cũng là một công việc chứ bà nhỉ? Cháu có nên đi không nhỉ?" Nhím hỏi nhưng không đợi bà lão trả lời, nó hấp tấp nói:

“Cháu phải đi, bà ạ. Cháu đến chào bà, cháu đi đây!”.

Bà lão mù ném thêm thanh củi vụn vào đống lửa sắp tàn, ngọn lửa bốc cao và bà lão hơi hai bàn tay, chà xát, khuôn mặt nhăn nheo của bà lão hơi ngửa lên. Ở này Nhím, cháu gái của ta, trước cuộc ra đi vừa nông nổi vừa quả quyết của cháu, ta còn biết nói gì? Ta tin cháu nhưng dù sao cũng gờn gợn trong lòng một chút bất an. Cháu mới mười sáu tuổi, lớn lên ở Lũng Sỏi là cái vùng heo hút, bị bỏ quên, cháu như một cây non hoang dại, may hay rủi chẳng thể nào nói trước được. Ta nghe thấy tiếng vó ngựa gõ lóc cóc trên nền đất sỏi, nó đi ngang qua chỗ ta và tai ta (chứ không phải mắt) còn nhận biết trên lưng ngựa có thò kiện hàng gì đó không nặng lắm, kiện hàng khế nẩy lên theo nhịp chân ngựa. Người chủ ngựa dắt ngựa đi cùng với cháu, ông ta tên Phờng, cháu có nói với ta thế. Cái ông Phờng này chân hơi tập tễnh, cứ nghe bước đi một bên nặng một bên nhẹ thì biết. Còn cháu Nhím của ta, bước đi của cháu thế nào, bà lão mù này đã quá quen thuộc. Ừ thôi, cháu cứ đi đi! Đi đến chỗ ông Phờng, chặn ngựa cho ông ta. Hoặc cũng có thể ông ta chỉ nói thế thôi, cháu không phải chặn ngựa. Chẳng biết thế nào... Duy chỉ có điều ta biết là ta vẫn ngồi đây canh đống lửa và nghĩ đến cháu mà thôi!

2

Chuyến đi của Phờng đến Lũng Sỏi, mang theo Nhím về chặn ngựa cho ông ta là chuyện hoàn toàn ngoài dự liệu. Ông ta không nghĩ đến ngựa và kiếm người chặn ngựa. Chẳng qua đang lúc bế tắc thì dắt ngựa đi, con ngựa là bạn đường bắt đắ dĩ để có cơ giải tỏa tâm trạng của riêng mình. Phờng từng có một thời hiển hách, con ngựa này là chứng tích còn lại đến hôm nay. Ai tặng ta con ngựa này nhỉ? Chính là hấn, là thằng cha Cao Thời bây giờ vênh vang trên phố Núi, chứ còn ai! Thời Phờng làm đội trưởng lâm trường, quyền uy bao quát cả khu rừng xanh um chân núi thì Cao Thời mới là tổ trưởng, chui rúc ở trong rừng. Tức là hấn ở dưới Phờng một cấp. Nhưng Cao Thời xảo, hấn thông lưng với đám lái gỗ, tuồn gỗ từ trong rừng ra, buôn gỗ lậu kiếm được khá tiền. Cao Thời đối với ông đội trưởng Phờng cứ nhưn như con chi chi, gọi dạ bảo vâng, giữ đúng thân phận, không chê vào đâu được. Hấn véo von ca ngợi ông đội trưởng sâu sát, ngày nào cũng lợi bộ kiểm tra rừng rồi nói thêm, vừa khâm phục vừa ái ngại: “Ông đội trưởng cứ lợi bộ hoài, khổ khổ quá!”. Cao Thời rình lúc Phờng vắng nhà, dắt đến buộc trước sân nhà ông ta con ngựa, sau này Phờng trách hấn thì hấn nói nhướ nhóa: “Người ta còn đi tàu bay, đi ô-tô, xe máy... đủ kiểu, ông đội trưởng cưỡi ngựa đi kiểm tra rừng cũng là phục vụ cả thôi!” Quả thực Phờng cũng hãnh diện mỗi khi ngồi trên lưng ngựa, dù nó là con ngựa còm nhom, kém mẽ nhưng vẫn cứ hơn lợi bộ xuyên rừng y như dân sơn tràng. Phờng ngồi cao hơn Cao Thời một bậc, bây giờ đã có con ngựa do chính thằng cha đem đến biếu tặng, chứng minh và Phờng hạ cổ nhìn xuống hấn lập tức thấy hấn cũng có chỗ đáng thương. Hấn cũng quyền biến ra trò, xoay tít như con thò lò sáu mặt nhưng mụn con trai để muộn và để khó của hấn lại mắc chứng động kinh, cứ tự nhiên lăn đùng ngã ngựa, mắt trợn ngược, bọt mép sùi ra. Thế là hỏng rồi!

Phờng đưa Nhím về nhà và cô bé quen ngay với công việc mới. Cơ ngơi nhà Phờng chiếm một khu đất rộng sườn đồi, vừa kiên cố vừa tạm bợ, tất cả đều có vẻ dở dang, có thể cứ thế này xây tiếp, cũng có thể phá bỏ. Mấy đứa con Phờng đều đã ra ở riêng, nhà chúng trấn giữ mấy ngã đường thông ra đường đá, còn quăng đường đá chạy dưới chân đồi gần như trở thành của riêng Phờng vì có cái bãi gỗ do đích thân ông ta cai quản. Phờng đi vắng suốt ngày, Nhím ở nhà chặn ngựa, dắt củi ngựa, làm các việc vặt, đến bữa thì ra ăn với đám thợ ngoài bãi gỗ. Con ngựa hồi phục nhanh chóng, da căng mượt, đôi mắt tinh nhanh, bộ lông bờm dài rậm rủ lòa xòa. Nó quen hơi Nhím, mỗi khi cô bé vỗ về nó là nó dụi đầu vào vai cô. Nhím ngủ ở gian nhà ngang, bên cạnh gian chuồng ngựa. Nửa đêm thức giấc, ôm cổ vút vào chuồng cho ngựa ăn rồi Nhím cứ đứng rì rầm trò chuyện với ngựa. Con ngựa thò cổ ra ngoài dón chuồng, phả hơi thở lên mặt Nhím, quên cả nhai cỏ, quên cả vẩy đuôi và đập móng xuống nền chuồng đuổi muỗi. Phờng cũng thường thức giấc lúc nửa đêm, đó là thói quen của ông ta. Hễ thức giấc là Phờng đi làm lúi trong bóng tối, một vòng quanh nhà, xuống bãi gỗ rồi lại quay lên. Chẳng phải để kiểm tra kiểm soát cái gì, việc ấy đã có đám giai nhân. Ông ta vừa đi vừa nghiền ngẫm quãng đường đã qua

của đời mình và cái tham vọng chập chờn ở phía trước. Ừ, ta đang làm đội trưởng loanh quanh thế nào ta lại bị văng ra khỏi lâm trường nhỉ? Vì cái lâm trường ấy đang cơn hấp hối, rùng ruy kiệt hết rồi, của cải bị phá tán rồi, không hấp hối sao được. Người ta bàn chuyện giao khoán đất rừng cho các hộ công nhân nhưng ý kiến khác nhau, phương án khác nhau, chỉ tranh cãi thôi đã mất cả năm trời. Phường sôi máu lên, ông ta hợm mình, quá tự tin vào tài cán của riêng mình, coi người khác chỉ là đồ ăn hại đái nát. Ta mặc xác các người, các người cứ ôm lấy cái vỏ rỗng lâm trường mà tranh cãi dài dài, còn ta xin về một cục. Ấy là tự ý ta, ta xung phong về một cục, rồi các người sẽ biết ta là người như thế nào... Sẵn có con ngựa và một ít lưng vốn, Phường thò muối và dầu hỏa lên các làng bản xa khuất trong mây mù, đổi lấy măng khô, nấm hương và các loại lâm sản quý. Ông ta bắt mối với đám thợ săn và các hào hán núi rừng, dần dần chuyển sang buôn bán các loại thú rừng quý hiếm, cả con sống lẫn con chết. Hùm beo, gấu chó, gấu ngựa cho đến hươu nai, tê tê, kỳ đà... Con sống cứ để nguyên, cũng có con đang sống bị biến thành con chết để lấy xương da, lấy sừng gạc, lấy nanh vuốt... chẳng bỏ đi thứ gì. Người đời rồ dại, thích tầm nã những thứ quý hiếm, những cửa độc và cuộc tầm nã biến thành một ma trận, thực giả nháo nhào, không dễ gì phân biệt. Nay ông khách, ông biết thế nào là xương hổ thật chứ? Hãy nhặt đoạn xương cẳng của nó lên mà xem, ở chỗ gần khớp nối có một lỗ nhỏ hình con mắt, dài và hẹp, con mắt đẹp, gọi là mắt phượng. Chỉ có xương cẳng chân hổ chính hiệu mới có con mắt phượng. Hà hà... Còn nấu cao xương hổ thì sao nhỉ? Cứ cho là có cả bộ xương hổ thứ thiệt, cùng với một ít quy bản (tức là cái yếm rùa, thứ này là vị phụ trợ, không thể thiếu) tự tay ông cho vào chảo nấu cao đi. Lúc chảo cao sắp được, có lớp váng nổi lên, sủi bọt ở trên mặt, nếu ông sơ ý để ai đó hớt mất lớp váng thì phần còn lại chỉ là sái thôi! Chỉ bảo cho nhau đến thế tức là phơi bày gan ruột chứ còn gì. Vậy mà thật giả vẫn lộn tung phèo, Phường vừa bán của thật vừa lừa của giả và chính ông ta cũng bị quân ma giáo lừa. Mấy năm trời lăn lóc trong cuộc chơi thật giả, tuy cũng có cay đắng, thua thiệt nhưng ông ta kiếm khá và trở thành một nhân vật có tiếng tăm trong vùng. Đã đến lúc Phường phải quay về phố Núi. Ừ, ta phải về phố Núi, về nơi trung tâm đô hội của cả vùng, để thi thố một phen. Không ngờ đụng ngay phải Cao Thời, thằng cha Cao Thời tổ trưởng từng biểu định Phường con ngựa ngày xưa, nay hẳn đã là một Cao Thời khác, án ngữ trước mặt Phường.

Ngọn đèn nhỏ treo trước chuồng ngựa thu hút sự chú ý của Phường. Nhím ôm cỏ rải vào máng chuồng cho ngựa ăn và trong vầng sáng vàng quạch của ngọn đèn dầu bị ám khói, cô bé mãi vỗ về con ngựa, miệng rì rầm... “Ta cứ tưởng khuya khoắt thế này chỉ mình ta còn thức, hóa ra còn có cháu cũng thức. Ta khen cháu...”. Phường định chỉ khen Nhím vài câu vu vơ để chứng tỏ ông ta quán xuyến, không có gì lọt khỏi mắt ông ta. Đột nhiên ông ta nói, hoàn toàn ngoài ý thức: “Này, ta kể cho cháu nghe chuyện này. Con ngựa mà cháu đang chăm bẵm nó đấy, là có người biểu ta từ lâu lắm. Ta có thích nó hay không nhỉ? Ta không biết! Gần đây có kẻ thấy ta cứ bỏ nó dài dài, liền gạ ta bán cho hắn. Để làm gì? Hắn bảo, để nấu cao ngựa, đang có ồi kẻ chuộng, có giá lắm. Ta không bán con ngựa, không phải vì ta chê giá rẻ hoặc quyến luyến gì nó. Chẳng qua là vì ta ghét thằng cha hỏi mua ngựa, hẳn đâu hót về những thứ cao dê cao chó cao ngựa với những gì gì trước ta, khác nào múa rìu qua mắt thợ. Này, chú mày ngu lắm, hãy im mồm đi, cuốn xéo đi! Không hiểu sao tự nhiên ta lại nổi đóa lên, ta với hắn có gì khác nhau nhỉ?” Phường chột im, phút im lặng kéo dài, ông ta cảm thấy mình đã quá đà, bộc lộ ra trước Nhím cái tâm trạng đang cần giấu kín. Nhưng Nhím đã quay sang Phường, vầng sáng đèn phản chiếu trong đôi mắt mở to của cô bé và cô nói: “Cháu không hiểu... ông không bán ngựa cho người ta giết thịt nó, ông cũng chẳng quyến luyến gì nó, thế là sao? Ông định làm gì với con ngựa?” Phường vẫn im lặng, con bé này hồn nhiên mà đáo để, nó ở bên cạnh ta là tốt hay là xấu nhỉ? Nhưng thôi, trước hết Phường cứ cười xòa và nói một câu nhẹ bồng: “Ta chẳng làm gì với con ngựa. Bây giờ đã có cháu chăn ngựa cho ta, thành thạo và tốt lắm, ta giao phó hoàn toàn con ngựa cho cháu. Cháu là người nhà của ta!”.

Thực ra Phường có nuôi một ý định về con ngựa, ý định liên quan đến Cao Thời, người trước đây là cấp dưới của Phường nhưng nay đã vượt qua đầu ông ta, cản đường ông ta. Phường không chịu khuất phục Cao Thời, ông ta phải thắng, chí ít thì cũng phải được ngang hàng. Đến lúc ấy, chính tay Phường sẽ giết thịt con ngựa (chớ có coi thường món thịt ngựa, ta biết cách chế biến, ngâm tẩm mắm muối và gia vị, lại gia giảm thêm mấy vị thuốc bắc tùy theo từng món, ngon miễn chê!) Phường sẽ mời Cao Thời đến bàn doanh mở bữa tiệc thịt ngựa linh đình, rượu vào lời ra bồ bã: "Này ông Cao Thời, ông còn nhớ con ngựa này chứ?" Hà hà, chỉ mới mơ màng thế đã thấy há hê rồi. Nhưng xem ra điều Phường mơ màng cứ ngày càng xa vời... Cao Thời bám dính vào lâm trường dai dẳng rồi chuyển từ lâm trường lên phố Núi, tức là thăng tiến lên trung tâm đô hội của cả vùng, hiện giữ chức Trưởng ban quản lý dự án. Một vùng đồi núi xa xôi và nghèo xơ xác, được cấp trên ưu tiên cho nhiều dự án nhằm tạo đà cho nó phát triển. Trồng rừng. Đào hồ chứa nước. Mở đường giao thông. Hỗ trợ các trang trại đang khởi nghiệp... Dự án nào cũng tiền tỷ. Tiền của nhà nước nhưng quyền nắm giữ lại ở trong tay Cao Thời. Những kẻ muốn giành phần dự án và những kẻ ăn theo, nhắm nhe chằm mút tiền dự án cứ vo ve như ruồi nhặng quanh Cao Thời. Cao Thời biết rằng cái ghế ông ta ngồi chông chênh lắm, bởi có ổi kẻ ghen, phải luôn ngó quanh, giữ gìn cẩn thận. Nhưng chỉ là giữ bề ngoài thôi. Những đường dây riêng lẻ hoặc là nối thông nhau, phải hoặc không phải đích thân ông ta tổ chức, cứ âm thầm sôi sục ở phía sau ông ta. Cao Thời cũng nổi máu tham nhưng chưa đến mức quá quắt bởi ông ta có nỗi phiền muộn riêng, như là quả báo, muốn vứt bỏ hoặc quên đi đều không được. Có một mụn con trai, lúc bé nó chỉ mới mắc chứng động kinh, bỗng dưng ngã lăn đùng, sùi bọt mép, lớn lên thành ngây dại rồi mắc chứng điên, những cơn điên cứ tự đến rồi tự đi, chẳng biết thế nào. Nhà cao cửa rộng, cửa nổi cửa chìm để làm gì khi có đứa con trai như thế, nó tên Cao Thì hỗn danh là Thì điên. Phường đụng với Cao Thời, chỉ mới gián tiếp thôi đã thấy Cao Thời ghê gớm. Cái bãi gỗ của Phường trước đây còn mua lậu được gỗ loại một loại hai, có cả loại tứ thiết (những loại này vừa dễ bán vừa lời to) nhưng bây giờ chỉ còn gỗ tạp, gỗ củi. Gỗ quý còn sót lại trong rừng vẫn bị chặt phá nhưng nó tuồn ra khỏi rừng bằng những nẻo khác, có nghĩa là Phường đã bị gạt ra rìa. Ông chủ bãi gỗ là Phường, tìm gặp các mối làm ăn cũ, trước đây họ "làm luật" với Phường trắng trợn, bây giờ Phường vừa rút tiền trong túi ra họ đã chặn lại và còn đe "lập biên bản về tội hối lộ nhà chức trách". Mẹ kiếp, bọn này làm ra vẻ chính nhân quân tử nhằm mục đích gì nhỉ? Chúng lập công với Cao Thời, hòng giành giật dự án, là cái quả đậm, ở chỗ Cao Thời, chúng trở mặt với mình vì mình chẳng vào dây nào hết. Chúng cũng đang chơi trò thật giả nhưng mượn danh nghĩa nhà nước để chơi nên biến hóa khôn lường. Phường cay đắng nhận ra rằng, cái trò thật giả một mình ông ta chơi trước đây té ra chỉ là trò kiếm chác cò con. Phải chơi trò thật giả như Cao Thời, dùng quyền ban phát để hưởng cống nạp mới là trò kiếm chác lớn. Phường tự giận mình ngu, ông ta đi sai nước cờ, rõ ràng là đang lâm vào thế bí trước Cao Thời và cái ảnh hưởng vô hình của vị trưởng ban.

Phường lảng tránh câu hỏi của Nhím trong đêm hôm nào ở trước chuồng ngựa nhưng chính cái câu hỏi vô tình mà như xoi mói ấy đã khiến Phường thay đổi ý định. Mình không thể cứ ngồi hóng suông. Mình buộc phải chấp nhận cái tình thế hiện tại, chịu khuất phục tạm thời trước Cao Thời, mọi chuyện khác sẽ tính sau. Phường nói với Nhím: "Hôm nay ta muốn cháu dắt ngựa theo ta lên phố Núi. Ta nói trước để cháu biết, chúng ta sẽ đến nhà ông Cao Thời, một nhân vật quan trọng, bạn cũ của ta. Ta viếng thăm người bạn cũ, chuyện trò thế nào là việc của ta. Còn cháu chỉ có việc đứng giữ ngựa, trông nom con ngựa, như công việc thường ngày cháu vẫn làm, đơn giản thế thôi...". Nhà ông Cao Thời ở hơi lạnh phía ngoại vi phố Núi, một ngôi nhà ba tầng ngất ngưỡng, hơi thô kệch, chung quanh có vườn cây, ao cá và dãy chuồng trại ở phía sau, theo đúng mô hình VAC. Cao Thời tiếp Phường ở phòng khách, ông ta không vờ vập cũng không hững hờ, đáp lại theo đúng phép xã giao những lời thăm hỏi của Phường. Phường nghĩ, ở vị trí của Cao Thời hiện thời, ông ta phải đề phòng khách không mời như Phường là đúng thôi, mặc ông ta, rồi mình sẽ hâm nóng cuộc trò chuyện này lên. Phường bắt đầu kể lể loanh quanh một hồi rồi đập cái dẫn đến chuyện con ngựa (qua cửa sổ phòng khách có thể nhìn thấy Nhím đứng nắm cương con ngựa, dưới bóng cây ở trước sân). Vẫn con ngựa ấy nhưng chuyện về nó thì hoàn toàn đảo

ngược, một công trình bịa đặt có tính toán, cả giọng kể cũng có tính toán. Mười năm trước, thưa ông Cao Thời, ông đã cho tôi con ngựa, món quà tình nghĩa, chắc chắn ông không thể tưởng tượng nó sâu nặng đối với tôi thế nào. Lúc ấy tôi đang khốn đốn, con ngựa của ông cho đã cứu nguy cho cả nhà tôi. Rồi tôi phải thôi việc lâm trường, mình quen được Nhà nước nuôi mình, bắt ngờ bị vắng ra, quả thật là hoang mang, tuyệt vọng. May nhờ có con ngựa ông cho, tôi thò mũi lên núi cao, mình phục vụ được bà con mà cả nhà mình cũng sống được. Thú thật với ông, thưa ông Cao Thời, bây giờ thì hoàn cảnh tôi đã khá khá, tôi vẫn giữ lại nuôi con ngựa ông cho, nó chỉ chơi nhởi thôi, để tôi luôn nhớ đến cái tình nghĩa... Phường cứ thế tuôn ra ào ào, như bữa vầy người chịu chuyện. Có thể Cao Thời biết tổng Phường đang dối trá, mặc ông ta, rồi chính ông ta sẽ tự nhận điều dối trá ấy là sự thật. Nào có mất gì khi Phường tự dẫn xác đến làm nhân chứng, khua môi múa mép bốc thơm cho ông ta... Nhưng trái với tính toán của Phường, ông Cao Thời vừa nghe Phường ca hát véo von vừa lơ đãng nhìn qua cửa sổ. Rồi Cao Thời bỗng quay sang Phường, mắt nhìn chăm chú, giọng nói gần như thì thầm: "Này ông Phường, cô bé giữ ngựa cho ông ở ngoài kia, tên gì?". Phường nói bừa: "Nó tên Nhím, là cháu họ xa tôi mang từ dưới quê lên". Cao Thời cười nhả nhổ: "Cháu họ ông thì tốt rồi. Tôi có điều này muốn bàn với ông..."

Câu chuyện đột ngột xoay chiều. Phường còn đang ngồi ngây thì Cao Thời đã xích ghé lại gần, khế đập đập tay lên vai Phường: "Cảm ơn ông bạn đã đến thăm tôi, nhắc lại chuyện tình nghĩa. Điều tôi muốn giúp ông cũng là chuyện tình nghĩa...". Hóa ra vị trưởng ban cũng có nỗi buồn riêng, vướng mắc riêng, là cậu con trai mắc chứng làm cho nó phải tàn đời. Suốt buổi chiều Phường lùng sục khắp các nơi Nhím thường chẵn ngựa rồi mò mẫm khắp các góc ngách trong vùng. Không thấy Nhím, đến một dấu vết nhỏ để nuôi hy vọng lần tìm cũng không. Mãi đến lúc chạng vạng tối mới thấy con ngựa đứng lẻ loi sau lùm cây rậm, bên con đường vắng gần chân dốc Bồng Bong. Phường vồ lấy con ngựa, tay quấn chặt dây cương, cơn giận dữ tích tụ trong ông ta lập tức trút ào ào lên đầu con ngựa. Ông ta bẻ cái roi tre, vụt tới tấp: "A, a... con Nhím đâu? Nó trốn đâu? Mày là quân phản chủ, tao sẽ không tha cho mày!". Con ngựa giằng co quyết liệt, bọt mép nó sùi ra, lúc chồm hai chân trước, lúc hất chân sau đá hậu và xoay tròn. Phường thở hồng hộc, ông ta rút ngắn dây cương, ghì con ngựa lại, túm lấy bờm rồi nhảy vọt lên lưng nó. Một sức mạnh hung bạo cực kỳ nổi lên trong người, hoàn toàn sai khiến ông ta: "Tao điên rồi đây! Tao điên! Mày phải chở tao đi tìm con Nhím. Đi! Không tìm thấy con Nhím thì tao sẽ giết mày!". Ngồi trên lưng ngựa Phường không cần biết con ngựa chạy xuống hay chạy lên dốc, đầu óc ông ta mụ mẫm, ông ta chỉ cần biết dưới ngọn roi ông ta quát vùn vụt, con ngựa phải chạy, thế thôi. Trời sập tối, con đường dốc gập ghềnh nhòa lẫn giữa lờ mờ đá núi và bóng cây rừng. Con ngựa chột hí một tiếng ngắn, hai chân trước chồm lên, hai chân sau hất tiếp, như muốn thoát ra khỏi Phường. Phường nổi điên đến cực điểm, ông ta cúi rạp người, ôm chặt cổ ngựa, hai chân thúc vào bụng nó: "A, a... mày vào bè với con Nhím, định chống lại tao. Mày phải nhớ tao là chủ mày!". Đúng lúc đó một mảng sườn dốc lở ụp, kéo theo cả Phường lẫn con ngựa đổ nhào xuống lòng vực sâu hun hút. Phường bị văng ra khỏi lưng ngựa, mắc vào một bụi cây ở lưng chừng lòng vực, còn con ngựa thì rơi thẳng xuống đáy vực, gần như bị vùi lấp dưới đồng đất đá âm âm lăn theo. Con ngựa chết, Phường chỉ hất chết, ông ta bị bầm dập khắp người, một bên chân bị gãy nát (chính bên chân hơi ngắn, làm cho bước đi của ông ta trước đây hơi tập tễnh). Ông ta dồn hết sức tàn, cố bám vào gờ đá, kéo lê tấm thân bầm dập và bên chân gãy nát mà nhích lên, leo lên... Phường nằm vật ra trên vật cỏ dẹt đường, ông ta nhận ra đây là con dốc Bồng Bong, nó còn ngoằn ngoèo lên cao, lên cao nữa, vượt sang bên kia Lũng Sỏi. Tức là cái hòn vĩa tán loạn đang dần dần tụ tập về trong con người Phường: "Ta chưa chết. Ta không thể chết. Rồi ta sẽ lê cái chân què đi khắp thế gian!"

5

Bà lão mù vẫn ngồi trước đồng lửa, giữa đêm Lũng Sỏi mênh mông. Bà lão không nhìn thấy gì, chỉ nghe và nghe rất rõ ngọn lửa reo, tiếng than củi nổ lách tách, làn hơi nóng chờn vờn trên da mặt đầy nếp nhăn như vỏ cây. Nghe rõ cả sự im lặng trùm lên các chòm xóm gần xa, thêm thiếp

ngủ trong khuya khoắt. Bà lão thức một mình, với cái thế giới riêng của mình được nhìn từ bên trong, cái thế giới mà người sáng mắt mãi nhìn ra ngoài nên không thấy... Ở này Nhím, cháu gái của ta, cháu đi xa chỉ mới đây thôi hay đã lâu rồi nhỉ? Quả thực là ta không thể nhớ rạch ròi ngày tháng, ta già lụ khụ rồi nhưng ta nhớ cháu, vẫn luôn tưởng tượng về cháu. Nhưng cũng không phải chỉ là tưởng tượng... Bà lão hơi cúi xuống, nghiêng một bên tai hướng vào mặt đất và bà lão nghe thấy tiếng bước chân quen thuộc từ rất xa, truyền lan mơ hồ trong đất. A Nhím, cháu gái của ta, cháu đang trở về!

Lúc ấy Nhím vừa vượt qua con đèo, về tới đất Lũng Sỏi nhưng cô bé còn đang loay hoay tìm phương hướng để có thể mở lối tắt mà đi cho nhanh. Nhím nôn nóng muốn đi nhanh, rũ bỏ nhanh tất cả những gì cô bé vừa trải qua trong ngày. Thoạt tiên là cuộc náo loạn của Thị-diên giữa phố Núi, Nhím chẳng biết Thị-diên là ai, thấy mọi người chạy thì cô bé cũng chạy. Nhím chạy và bị đám đông xô đẩy lạc mất con ngựa. Cô bé lại phải vất vả đi tìm ngựa, mãi đến chiều mới về đến gần bãi gỗ. Một người thợ bãi gỗ chứng kiến cảnh ông Cao Thời và Phường hạch hỏi và nguyên rủa nhau, anh ta thương Nhím đã giữ cô bé lại, nói cho cô bé biết cái tình cảnh tai hại cô bé đang lâm vào mà chẳng hay biết gì cả... Bây giờ thì Nhím đã biết rõ cả. Trên đường đi trốn, Nhím không nghĩ về Thị-diên (anh ta đáng thương, không đáng trách và hơn thế, chính anh ta còn tạo cơ may cho Nhím) chỉ nghĩ về những cơn điên của những kẻ vốn không mắc chứng điên. Nhím thôi là cô bé ngốc nghếch và trở thành cô gái trưởng thành...
“Bà ơi, cháu đã về!”.

Bà lão mù quờ tay sờ nắn hai cánh tay Nhím, ấn cô ngồi xuống bên bà, miệng “ờ,ờ” vẻ như không có gì ngạc nhiên về sự trở về của cô. Nhím nhặt đoạn củi cành, cời cời đám than hồng cho ngọn lửa bốc cao lên. “Cháu đã về với bà, Nhím nhắc lại. Cháu sẽ kể chuyện cháu cho bà nghe...”. Bà lão mù lại quờ tay, lần này thì bà sờ nắn khuôn mặt Nhím, vuốt tóc Nhím, vẻ như bà nghe hiểu những xúc động trong lòng cô gái: “Này Nhím, cháu gái của ta, cháu không cần kể gì hết. Thế gian này có nơi điên đảo, nơi bình yên. Cháu hãy nằm xuống đây, ngủ một giấc say cho lại sức. Đờn cháu còn dài...”.

Nhím nằm co bên chân bà lão mù, mặt hướng vào đống lửa. Bà lão mù ngồi im phắc nhưng bà lão vẫn thức, thỉnh thoảng lại quờ tay tìm khúc củi tiếp vào đống lửa, giữ cho ngọn lửa sáng thâu đêm.

Con của rừng

Khe Nước Đục thuộc Lũng Sỏi nhưng nhiều người Lũng Sỏi còn chưa nghe nói đến tên. Nó là vùng đất trũng nằm sâu trong chân núi, từ đó rỉ ra dòng nước đục, mùa mưa thì lênh láng còn mùa khô chỉ lổng bong trên lớp mùn lưa niên. Rừng ở đây chỉ còn gỗ tạp xen giữa những vạt lau sậy và cỏ tranh che phủ những bãi lầy. Chú Gôi cầm ở Khe Nước Đục, nương nấu trong rừng, sống nhờ rừng. Ngoại hình của chú hơi dị thường: đầu to, chân tay ngắn, vẻ mặt ngờ nghệch. Không thể đoán biết chú còn trẻ hay đã già. Chú đi hái măng, đào củ, kiếm cây thuốc nam và đủ thứ linh tinh khác. Ngày phiên chợ chú ra khỏi rừng, cưỡi trên chiếc xe đạp không chuông không phanh, không chắn bùn chắn xích (người ta gọi là xe đạp còi trường), phía sau thò hai sọt hàng kèn càng, ra chợ bán. Gặp ai chú cũng cười cười, tiếng ú ớ phát ra từ trong cuống họng kèm theo cử chỉ và đôi mắt nhấp nháy. Nếu có chuyện gì nghiêm trọng cần bày tỏ hoặc thề thốt, chú mở to mắt, đấm đấm vào ngực trái, dãn giọng “ôi, ôi”, có nghĩa là chú xưng tên chú lên. Có nhiều chuyện được thêu dệt quanh cuộc sống một mình tách biệt của Gôi. Rằng Gôi là con của thần linh, ai làm gì nghĩ gì Gôi cũng biết, chỉ có điều chú không nói ra được (hay là không được nói ra) mà thôi. Cũng có lời đồn ngược, rằng Gôi là đứa con hoang, bị bỏ rơi trong rừng sống như muông thú và chim chóc, mà lại là con chim con thú thật nguyên.

Người trong vùng thường đứng ngoài xa ngó mông lung vào. Khe Nước Đục, chỉ những ai bị tình thế xô đẩy mới đâm đầu vào. Chẳng hạn như Ngưỡng, người từng được mệnh danh là “nhân vật đang lên” nhưng ông ta tự tóm tóc mình định lôi mình lên thật nhanh, thành sa cơ lỡ bước. Ngưỡng bị vợ nợ, ông ta mang theo một khối đặng cay, trốn vào Khe Nước Đục. Cũng chẳng biết trốn vào đây thì giải quyết được gì nhưng ông ta cần một chỗ vắng lặng và ông ta cứ đi sâu mãi vào trong rừng. Rừng gỗ tạp, chỗ mau chỗ thưa với rất nhiều bụi rậm và gai góc. Ngưỡng như lạc vào cõi âm u, bị gai góc cào xé tơi bời, đầu óc ông ta bị tê dại dần đi. Rồi đột nhiên rừng mở ra một khoảng trống, cỏ mọc xanh um, bầu trời trên cao cũng mở ra, xanh như mê hoặc. Cứ tự nhiên Ngưỡng nhập vào cỏ, ông ta định băng qua vạt cỏ sang mé rừng bên kia. Nhưng cỏ lún dưới chân ông ta, càng lún càng lún, nghe có tiếng nước ùng ục đùn lên, bắn vọt lên. Ngưỡng đã ra khá xa. Ông ta hoảng, định quay lui nhưng vết đường cũ không còn dấu vết. Cỏ bị quần nát vì bước chân quần quanh của Ngưỡng, dập dềnh chìm xuống dưới lớp bùn ngàu đục. Ông ta sa vào đúng cái hút của bãi lầy. Lớp bùn phía dưới đặc quánh và trơn trượt, bùn ngập ngang gối rồi ngang bắp đùi, khẽ cựa quậy là chìm sâu mà đứng yên cũng từ từ chìm. Tình cảnh của Ngưỡng thật bi đát, ông ta đến đây không phải để chết, vậy mà phải chết vô tâm tích giữa bãi lầy này sao? Ngưỡng tuyệt vọng kêu lên: “Cứu... cứu tôi sa lầy!” Tiếng kêu của Ngưỡng tan vào mênh mông, chỉ có đàn chim gì nhỏ xíu kiếm ăn trên bãi cỏ bay tủa vào trong rừng.

Trời đã về chiều, trên những ngọn cây cao còn vệt nắng nhạt nhưng dưới thấp đã tối mờ. Chú Gôi cầm đang buổi đi rừng, lưng đeo sọt, tay cầm con dao phát vừa đi vừa phát cành lá loà xoà hai bên lối mòn. Chú cầm nên điếc (hoặc điếc nên cầm), để bù lại chú giao tiếp với thế giới bằng đôi mắt tinh tường. Chú dừng bước, nhìn về phía bìa rừng thấy đàn chim như những đốm đen nhỏ xíu vụt qua trong nắng chéch ngọn cây, biết ngay là đường bay của chúng không bình thường. Chú có linh cảm đàn chim gửi tới chú lời kêu gọi, rằng nơi bãi lầy được che phủ bằng thảm cỏ mượt ngoài bìa rừng kia có ai đó, hoặc con chim, con thú nào đó, đang cần đến chú. Chú Gôi cầm đã cứu Ngưỡng thoát khỏi cái chết sa lầy bằng cách chú ném cho ông ta một cành cây làm cái đòn trượt để ông ta nhoai lên rồi dẫn dắt ông ta bò lên bờ. Ngưỡng bị tán loạn hồn vía, mãi một lúc sau mới hồi tỉnh, ông ta thở dốc và níu chặt lấy Gôi, vái Gôi lia lịa: “Chú đã cứu mạng tôi, ơn này tôi sẽ nhớ suốt đời!”. Gôi phát ra những tiếng ú ớ trong cuống họng. Ngưỡng biết là Gôi cầm nhưng ông ta vẫn nói:

“Tôi không muốn chết. Chết vào đúng lúc tôi vỡ nợ, tức là tôi thất bại thì uổng quá, thiên hạ sẽ chê cười tôi. Tôi phải sống để làm lại, để đua tranh với đời, bây giờ thì cái ý chí tranh đua của tôi tăng gấp đôi. Nhờ chú cứu tôi, coi như cho tôi thêm một cuộc đời nữa. Chú tên gì, nói cho tôi biết để hàng ngày tôi nhớ đến chú, thăm gọi tên chú”.

Gôi nhìn thẳng vào Ngưỡng, đôi mắt chú sáng lấp lánh trên khuôn mặt ngờ ngờ, vẻ như chú hiểu và chẳng hiểu Ngưỡng nói gì. Nhưng khi Ngưỡng nhắc lại: “Chú tên gì?” thì chú hiểu, chú đặt tay lên ngực trái, dẫn giọng phát ra âm thanh trang trọng: “Ồi!Ồi!”. Mãi về sau này nhờ có người mách bảo Ngưỡng mới biết tên chú là Gôi.

Thời gian trôi qua dường như không để lại dấu vết gì trên khuôn mặt chú Gôi cầm. Chú vẫn ngờ ngờ, không trẻ cũng không già, thấp thoáng ẩn hiện trong Khe Nước Đục. Một phiên chợ Gôi đạp cái “xe đạp còi trường” thồ hàng ra chợ bán. Trên đường về gặp trời mưa chú phải trú lại ngang đường. Cơn mưa lai rai, vừa ngớt chốc lát lại đổ nước xuống ào ào. Tự nhiên Gôi cảm thấy sốt ruột, bụng dạ không yên. Chú có linh cảm tiếng mưa vừa ngăn cản lại vừa thúc giục chú phải mau về nhà. Gôi xông ra ngoài mưa đạp xe theo sự thúc giục mơ hồ đó... Nhà Gôi, đúng hơn là gian lều tuềnh toàng thêm một mái vẩy thành chái bếp, chênh vênh trên sườn dốc ở bìa rừng. Trời mới nhập nhoạng trong nhà đã tối thui. Hóa ra cái linh cảm về sự thúc giục trong lòng Gôi là đúng: Có người đang cần đến chú, người ấy đang ngồi co ro sau đồng củi. Chú giơ cao ngọn đèn, ú ớ trong cuống họng. Người ấy đứng lên, gầy gò, đầu trọc, lúng túng trong bộ quần áo cũ nát và lấm lem. Chú vẫn ú ớ trong cuống họng còn người ấy nói: “Chú làm phúc cho tôi trú nhờ ở

đây đêm nay. Chỉ đêm nay thôi... Chẳng giấu gì chú, tôi trốn tù...". Gôi vẫn ngơ ngơ như sự bộc bạch thật thà của người tù trốn khiến ánh mắt sẫm soi xét nét của chú dần dịu lại. Trong bếp sẵn có nồi sắn luộc, Gôi đang đói mà người tù trốn chắc còn đói hơn, chú nhón khúc sắn luộc đưa cho ông ta và nhón một khúc khác cho mình. Người tù trốn không ăn ngay, ông ta nói: "Trại tù cách đây không xa, đã có lần tôi ở trong nhóm tù đi chặt gỗ thông thấy chú ở trong rừng: Chú tên là Gôi...". Điều này thì Gôi hiểu ngay, chú gật gật đầu, một tay khẽ đấm đấm vào ngực trái của mình, cổ họng phát ra âm thanh trang trọng: "Ồi! Ồi!..." như là sự xác nhận. Người tù trốn vẫn nói lảm nhảm, với chính mình hơn là nói với Gôi: "Tôi là người tử tế, bởi mắc án oan nên phải đi tù. Tù lâu rồi. Mà vợ tôi lại không được thăm nom. Tôi thương cô ấy, nhớ cô ấy lắm. Tôi trốn tù chỉ cốt để vợ chồng trông thấy nhau một lần, rồi lại vào tù thôi. Chứ làm sao mà thoát ra, gỡ ra được!" Gôi vẫn ngơ ngơ, chỉ có điều chú biết rõ, qua cái nhìn chăm của chú, là người ngồi trước mặt chú đang đói, chú giơ khúc sắn lên ú ớ ra hiệu: "Hãy ăn đi, ăn đi!..." Rồi chú ăn trước, người tù trốn cũng ăn ngon lành. Bên ngoài, trời lại mưa. Gôi theo thói quen chỉ khép cánh cửa liếp chú không cài then nhưng người tù trốn được nằm chung giường với chú, ngủ một giấc thật say. Ít hôm sau, chú Gôi cầm bị bắt về đồn công an thị trấn. Hồi cung chú thật khó, chú chỉ ú ớ trong cuống họng và ra hiệu tay nhưng cuối cùng biên bản cũng được lập. Chú nhận chú có cho một người lạ mặt ngủ nhờ qua một đêm mưa, người ấy trọc đầu, đúng thế, còn người ấy có là tù hay không tù chú không rõ. Chỉ có điều chú biết rõ là người ấy đói, chú cho người ấy ăn. Sáng sớm hôm sau người ấy đi chú còn gói cho người ấy đùm sắn luộc... Chú khẽ đập tay lên ngực trái, phát ra từ cuống họng cái âm thanh nghiêm trang: "Ồi! Ồi..." và sẵn sàng kí vào biên bản chữ "Gôi" viết hoa to tướng. Hóa ra là chú Gôi cầm biết viết tên chú, mặc dầu chú không biết chữ. Người ta đâm ngờ chú giả câm, chú ngoan cố còn giấu giếm điều gì về người tù trốn. Chú bị tạm giam ở đồn công an và bị hỏi cung liên miên. Nhưng trước sau chú vẫn ngơ ngơ và chú chỉ biết lắc đầu, ra hiệu "không biết". Vốn là đứa con của rừng nay bị trói buộc trong phòng tạm giam nhỏ như cái hộp bằng xi măng, Gôi kêu ú ớ liên tục. Rồi chú không kêu nữa, chỉ giương mắt nhìn. Cái nhìn đờ đẫn. Cái nhìn câm.

Gôi được thả ra vào một buổi chiều. Chú gầy sọp, đôi mắt lơ lơ trên khuôn mặt ngơ ngơ ngơ gần như dần độn. Chú thất thểu đi dọc phố Núi, nắng xiên chênh chếch làm mắt chú loà đi, các cửa hàng cửa hiệu, người và xe... tất cả đều chập chờn. Rồi con phố lượn vòng. Gôi đi vào đoạn phố khuất nắng, chú dụi mắt và nhìn rõ ở phía trước một ngôi nhà lớn, cánh cửa mở rộng, có người đàn ông đang đứng chờ ai đó. Người đàn ông ăn mặc bảnh bao, bụng phệ, khuôn mặt đỏ mỡ màng nhưng dáng điệu và cử chỉ của ông ta nhắc Gôi nhớ đến kẻ vợ nợ, bị sa lầy trong Khe Nước Đục. Gôi vẫn ngơ ngơ nhưng đôi mắt chú mở to, nhấp nháy cười, vẻ như mừng cho ông ta. Ông ta hơi sững người, đôi mắt nheo nheo cũng cười cười. A chú Gôi câm... Trông thấy chú là tôi nhận ra ngay. Tôi là Ngưỡng, kẻ ngày nào được chú cứu thoát chết đây... Chợt một chiếc xe con bóng loáng lượn vào sát vỉa hè, đỗ lại, Ngưỡng chạy ra đón khách, nói với ông khách vài câu, dẫn khách vào tới cửa lại vội vã quay ra. Một chiếc xe con nữa còn bóng loáng hơn. Rồi những chiếc xe máy đủ kiểu... Ngưỡng tôi qua một phen bị vợ nợ, mang theo một bài học nhớ đời xông vào cuộc đua tranh, bây giờ đã là người có quyền và có tiền, cả phố Núi này phải vì nề. Nhưng sự đời phức tạp lắm chú Gôi câm ơi. Trước bàn dân thiên hạ tôi không thể dây với người vừa bị pháp luật sờ đến, hình dong lại cổ quái, lại câm như chú được. Biết giải thích với thiên hạ ra sao? Ngưỡng tất bật đón khách, ông ta quay lưng về phía Gôi, cứ như không trông thấy Gôi hay đúng hơn là Gôi không có mặt trên đời.

Chú Gôi câm đi ngang qua ngôi nhà lớn, mặt chú vẫn ngơ ngơ, đôi mắt mở to của chú vẫn cười cười. Cái cười câm.

Và Gôi đi, hướng về phía bóng núi xanh mờ ở phía xa...

Khá lâu về sau có người đàn bà dắt theo đứa con nhỏ về Khe Nước Đục tìm chú Gôi câm. Người đàn bà ấy là vợ kẻ trốn tù năm nào, được Gôi cứu mang qua một đêm mưa gió. Vợ chồng gặp nhau được vài hôm, ông ta bị bắt lại và đã chết vì sốt rét ở trong tù. Bà vợ đem đứa con nhỏ, là

kết quả của lần gặp lại ngăn ngừa giữa hai vợ chồng đến đây tìm Gôi theo lời dặn của chồng. Người trong vùng nói không biết chú Gôi cầm đi đâu, hiện ở phương nào (cứ như là chú chột hiện rồi chột biến mất)? Cả căn nhà nhỏ của chú nơi bìa rừng cũng không còn dấu tích. Nhưng cũng không sao, bà đã đem con lên đây thì sẽ ở lại đây. Đưa con mang tên Gôi, thế là thoả nguyện của cả bà lẫn người chồng đã khuất. Bà nói với Gôi: “Con ơi, bố con là người tử tế bị mắc tiếng oan, con phải thành người tử tế không chỉ cho riêng con mà còn sống thay cho cả cuộc đời của bố con”.

Bà mẹ Gôi nay đã già. Gôi trưởng thành, năng nổ và xốc vác. Anh nhận khoán đất rừng, trở thành người chủ vườn rừng đầu tiên ở Khe Nước Đục./.

Khách không mời

Những ngày đầu thử sức trong cuộc mưu sinh Đạt gần như chỉ chạy rong ngoài phố. Đạt đã ba mươi tuổi, đang yên ổn ở một cơ quan có cả đồng người nay cái cơ quan ấy bị thu hẹp lại. Nhiều người phải thôi việc phải về hưu non, Đạt thuộc số ít vẫn được giữ trong biên chế nhưng phải nghỉ không lương dài dài. Đạt vốn ở phòng nghiên cứu, được đào tạo bài bản, có chút ít từng trải nhưng công việc nghiên cứu của anh trước đây xem ra nhiều vu vơ. Một thời tem phiếu đã qua, Đạt không được chuẩn bị trước, đâm ra ngỡ ngàng trước tình thế chuyển đổi hàng ngày.

Đạt chạy rong ngoài phố với chiếc xe máy cá xanh, loại xe đồng nát thường được phong lên cấp cá ươn, lúc bấy giờ loại cá xanh hay cá ươn này vẫn còn thoi thóp chứ chưa tuyệt diệt như bây giờ. Chiếc xe chạy ậm ạch, cứ "pan" vật luôn luôn, phải dạt vào vệ đường loay hoay tự sửa rồi nhảy lên guồng đến vã mồ hôi máy xe mới chịu nổ lại. Đạt thường ghé một tòa báo quen, báo này đang muốn trở thành nơi gặp gỡ của mọi tầng lớp, từ trí thức đến bình dân, trụ sở báo dành hẳn một phòng gọi là phòng cộng tác viên, các cộng tác viên thật và giả đều có thể lui tới, tha hồ gẫu chuyện. Giữa đám đông ồn ào như họp chợ, Đạt chỉ ngồi nghe, xem ra cũng lý thú nhưng khó len vào cuộc. Đành lại lặng lẽ cưỡi chiếc cá xanh, hay là cá ươn chạy ậm ạch lòng vòng. Đến lúc thấm mệt, Đạt tấp xe vào ven đường, thói quen thường dẫn dắt anh tới quăng phố có cái chợ từ trong hẻm họp tràn ra và cứ tự nhiên anh tấp vào cái quán cà-phê vừa mặt phố vừa kề bên con hẻm. Ngồi nhâm nhi tách cà-phê đen, Đạt cố nghĩ đến một điều gì đó nhưng đầu óc anh bùng bùng, nghĩ không ra. Dòng người qua lại trên hè phố và ra vào con hẻm đan dệt ở bên ngoài quán, phản chiếu qua những tấm gương kính thành những hình ảnh mờ nhòe. Đạt lơ mơ, không phân biệt được những gì đang diễn ra chung quanh.

- Chào anh, mong anh thứ lỗi... anh có bán cái cá xanh hay là cá ươn của anh đang dựng ngoài kia?

Người đàn bà hỏi Đạt ồm ồm, cô ta không còn trẻ nhưng linh hoạt và có chút điệu dàng. Không biết cô ta vào quán và ngồi cùng bàn với Đạt từ lúc nào? Đạt hơi khó chịu:

- Cô muốn mua, hả? Để làm gì?

- Tôi mua để bán lại cho bảo tàng!

Cái cách đùa cợt sỗ sàng như thế chỉ có thể có giữa những người quen biết nhau. Đạt ngẩn mặt, cô ta là ai nhỉ? Mình đã gặp ở đâu nhỉ?

- Anh đừng có ngẩn mặt ra như thế... Tôi là khách không mời nhưng vẫn thường xuyên có mặt ở phòng cộng tác viên của tòa báo mà anh hay đến ấy. Tôi thích anh, cứ tự nhiên mà thích chứ chẳng có lý do gì cả!

Người đàn bà bỗng nhìn thẳng vào mắt Đạt, cái nhìn thô miên khiến Đạt càng muốn lảng tránh càng bị hút vào cô ta. Cô ta tên là Mánh, chẳng hiểu tên thật hay tên lợm nhưng qua câu chuyện dông dài của cô ta, Đạt cảm thấy cô ta quan tâm đến mình thực sự. Sau vài lần gặp gỡ, cũng ở quán cà-phê này, Mánh thay đổi cách xưng hô, gọi Đạt là mình xưng tôi, cứ như hai người lẫn

vào nhau, dù Đạt muốn hay không, mặc kệ!

- Này mình ơi, mình nhìn đám đông qua lại nhốn nháo ở ngoài đường kia, mình nghĩ ra được điều gì, thử nói tôi nghe?

Đạt chùng chảng:

- Tôi không nhìn và cũng chẳng nghĩ gì hết!

- Ồ, sao lại thế! Để tôi đổi chỗ cho mình và mình hãy giương to mắt lên. Cứ bình thản, đừng vướng vào những chi tiết ngoài mục đích... Chẳng hạn ta muốn biết thiên hạ bây giờ ăn mặc ra sao thì chỉ cần chú ý nhìn quần áo của họ, còn mặt mũi họ tạm gác sang một bên... Mình đừng tự ái cho là tôi dạy dỗ mình, chẳng qua là tôi có việc đang muốn bàn với mình. Nào, mình thấy gì và nghĩ ra được điều gì nào?

Đạt cảm thấy được xoa dịu nên giọng anh chùng xuống:

- Bây giờ trong thiên hạ có nhiều người mặc quần bò!

- Đúng thế. Quần bò. Quần bò đủ loại: - bò xăm, bò mài, bò hoa rồi bò ống con, ống đứng, ống loe, ống tướp nữa... Nhưng từ đó mình phải nghĩ ra được điều gì, đúng hơn là việc gì hay ho cho mình chứ. Việc gì nào?

Đạt còn ngờ nghệch, anh bị bất ngờ khi Mánh ngờ ý mời anh cùng với cô làm một cuộc điều tra xã hội học về chiếc quần bò. Sao lại không nhỉ? Cần phải lên được con số thống kê những người thích, hay không thích mặc quần bò, kèm theo những mục nhỏ về tuổi tác, giới tính, trình độ văn hóa, nghề nghiệp... làm cơ sở cho những phân tích khoa học. Đạt là người thông thạo những quy cách bảo đảm tính khoa học cho một công trình. Anh chỉ thắc mắc, bỗng dưng đi điều tra về chiếc quần bò để làm gì nhỉ?

- Tất nhiên không phải để chơi rồi, mình ơi! - Mánh cười khinh khỉnh - Có nơi đang cần một công trình đại loại như thế. Mình bán nó cho họ... Mua và bán, mình lạ lắm hả? Nhưng đấy là phần việc tôi lo, mình không phải dính vào!

Đạt sống ở một đường phố vắng, thời Pháp thuộc đây là phố của các gia đình công chức trung lưu, gồm những ngôi nhà xinh xắn, thảnh thơi có nhà còn có vườn bao quanh. Trải qua thời gian, cả dãy phố đã trở nên cũ kỹ, mỗi ngôi nhà được chia cho nhiều hộ, vườn bị phá đi, các hộ tùy ý coi nói, cả đến hành lang và lối đi chung cũng bị ngăn ra, che chắn lại. Đạt còn độc thân, chỉ có vên vện một gian phòng mười mét vuông (thế cũng đã đủ để thiên hạ cho là ở rộng!) vốn trước kia là gian kho chứa đồ tập tàng, khuất nỏ và ẩm mốc. May mà Đạt chưa tiết lộ với Mánh cái giang sơn riêng, nơi ẩn trốn của anh. Mỗi lần về tới nhà, đóng cửa lại, chỉ một mình với đống sách vở bát nháo và những đồ đạc tạp nham, Đạt không vui cũng không buồn nhưng nhẹ nhõm vì không còn vướng víu. Một tuần lễ Mánh cặp kè với Đạt để tiến hành vụ việc điều tra xã hội học về chiếc quần bò. Quả là có một môn khoa học gọi là xã hội học, được coi là thời thượng của thời hiện đại. Đạt có tìm đọc và thu lượm được chút ít về nó. Vào cuộc rồi tự nhiên anh đâm hăng, muốn thi thố trước Mánh. Chính anh là người lập phiếu điều tra, chọn vùng, phát phiếu tới những đối tượng ngẫu nhiên rồi thu phiếu về, lên số thống kê và tiến hành phân tích. Mánh đóng vai trợ lý, chạy việc vặt nhưng mồm miệng lúc nào cũng bô lô ba la để chứng tỏ mình là người chủ xướng. Ngồi giữa quán cà-phê (vẫn cái quán kê ngõ chợ nơi họ gặp nhau lần đầu) Mánh cứ huơ bản tổng kết lên, nói oang oang: "A, những con số mới đẹp làm sao! Hỡi những ai thích hay không thích quần bò, những con số này sẽ nói chuyện với các vị!". Rồi cô ta biến đi cùng với bản tổng kết. Đạt ngược chín người trước đám khách ngồi trong quán, anh không nói gì cả. Thôi, sự thể đã đến thế này đành phó mặc cho Mánh, anh hi hục nỏ máy chiếc cá xanh hay là cá sươn, lạng lẽ ra về... Bây giờ chỉ còn một mình Đạt trong cái thế giới riêng nhỏ bé, hiu quạnh nhưng thân thuộc, anh có thể nằm dài ra giường trong trạng thái lơ mơ nửa thức nửa ngủ. Gian phòng của Đạt có ô cửa sổ hẹp nhìn sang nhà hàng xóm. Chênh chênh phía trên cao, thuộc tầng hai của nhà bên ấy cũng có một ô cửa sổ, ô cửa sổ này rộng hơn nhưng luôn đóng kín, không hiểu phía trong là phòng gì. Đột nhiên hai cánh cửa sổ chưa bao giờ Đạt thấy mở ra ấy bỗng mở toang. Anh choàng dậy đứng sau cửa sổ phòng mình nhìn sang và trong khoảnh khắc vệt nắng chiếu tràn qua ô cửa sổ nhà bên vừa để ngỏ, ánh hời quang của nắng hừng lên như ánh lửa. Có

một cô gái đứng tỳ khuỷu tay trên thành cửa sổ, người cô hơi nhoai ra, mái tóc lòa xòa, đuôi tóc bắt nắng dường như hoe đỏ. Cô gái chăm chú nhìn sang nhà Đạt, vẻ như tìm kiếm cái gì đó và khi cô bắt gặp ánh mắt Đạt chăm chú dõi theo cô, cô hơi quay đi nhưng không phải là né tránh...

- Chào cô bé, cô mới từ đâu đến?

- Thế còn anh, anh từ đâu đến? Anh nên nhớ anh đến nơi này còn sau em kia!

Cô gái quay lại, hướng mặt về phía Đạt khiến anh phải hơi quay đi nhưng cũng không phải là né tránh. ánh mắt anh vẫn ngắm dõi theo cô:

- Lạ lùng nhỉ!

- Nào có gì lạ, em sinh ra và lớn lên ở ngôi nhà này, trong căn phòng này. Thuở ấy, ở bên nhà anh, căn phòng anh đang ở còn là cái kho. Anh chịu chưa?

Cô gái nheo mắt cười, nụ cười làm khuôn mặt cô bừng sáng. Đạt hấp tấp nói:

- Tôi xin chịu... Nhưng cô chưa trả lời, cô mới từ đâu đến?

- Rồi anh sẽ biết thôi, vội vàng gì!

Cô gái lui vào trong phòng, cửa sổ phòng vẫn mở rộng nhưng không thấy cô xuất hiện trở lại. Từ lúc đó đầu óc Đạt ngập tràn hình ảnh cô gái, cô ta nói "vội vàng gì!" nhưng anh đã trở nên vội vàng muốn gặp lại cô ta. Chập tối Đạt tuôn ra đường, anh đi qua lại dọc quăng phố trước cửa nhà, thỉnh thoảng nghe tiếng lá khô bị gió cuốn ràn rạt, anh lại giật mình, tưởng chừng cô gái từ trong ngôi nhà hàng xóm bước ra...

- Em biết là thế nào anh cũng ra đây tìm em. Em đã hỏi được tên anh. Còn em là Huyền Vi... Ta đi ngược lên phía đầu phố đi!

Huyền Vi đi sát bên Đạt những hè phố rợp bóng cây, đèn đường quăng này thừa thớt nên Đạt có cảm giác Huyền Vi chỉ là một hình bóng chập chờn. Huyền Vi nói rằng cô từ nơi xa trở về thăm lại nơi này, tiếc rằng đường phố đã thay đổi, ngôi nhà cũ của cô cũng thay đổi, chẳng còn ai biết cô. May có một bà cụ lưng còng, ăn trầu thuốc, cô ngồi già trầu trong cái cối đồng nhỏ xíu cho bà cụ, bà cụ giữ cô lại và mở khóa cửa căn phòng xép, nơi cô đã sống qua suốt thời thơ ấu cho cô thăm thú...

- Hóa ra căn phòng ấy bây giờ là phòng kho. Trái ngược với bên anh, cái phòng kho ngày xưa lại trở thành phòng ở của anh. Sự tình cờ mà nên quen biết... Huyền Vi bật tiếng cười nho nhỏ, tiếng cười trong veo, bay quán quýt - Em trở về đây cũng phải có ai nghe câu chuyện trẻ con của em chứ nhỉ!

Hai người đi tới gần đầu phố, nơi có ngã ba mở ra một đại lộ rộng thênh, ánh đèn cao áp sáng xanh, người và xe qua lại tấp nập. Huyền Vi khẽ chạm vào cánh tay Đạt, giữ anh lại:

- Thuở em còn trẻ con, em thường đứng ở đây, đứng dưới gốc cây này, cái cây xù xì, vỏ xanh rêu, trên chỗ trạc ba kia có cái hốc. Em đứng dưới gốc cây nhìn ra ngã ba và chờ đợi... Em chờ đợi niềm vui và cái niềm vui trẻ con ấy đến với em rất giản dị. Một người bán đồ chơi xuất hiện nơi ngã ba, ông ta đã đứng tuổi, vác trên vai một cây sào có những dóng ngang buộc đủ loại đồ chơi xanh đỏ. Cái cây đồ chơi ngát nghêu với những hình người và con vật bằng gỗ bắc hoặc giấy bồi, những lá cờ đuôi nheo nhỏ xíu, những chiếc chong chóng nhỏ xíu quay tít mù, tất cả cứ trôi dập dềnh trên đầu dòng người qua lại. Ông hàng rong vác cây đồ chơi thông thả đi về phía em và em lẳng nhặng đi theo cái cây đồ chơi ấy. Em đã từng nhin quà sáng, dành tiền mua của ông hàng rong thứ đồ chơi này khác nhưng đem nó về nhà, chỉ chơi một lúc là chán. Còn đi theo ông ta, trôi theo cái cây đồ chơi dập dềnh ở trên cao thì lại khác, như được hòa mình vào một thế giới khác, khiến mình mê mẩn... Bây giờ, đứng ở đây hướng về phía ngã ba, em vẫn thấy hiển hiện hình ảnh ông hàng rong vác cây đồ chơi và cảm giác mê mẩn kiểu trẻ con chọt sống lại - Huyền Vi quay về phía Đạt, khuôn mặt cô hơi ngửa lên, những đường nét thiếu nữ pha trộn với một vẻ gì đó, chân thật đến gần như ngây ngô và giọng nói của cô bỗng đổi khác, nhưng từ đâu xa vọng lại - Cảm ơn anh đã đi cùng em đến chỗ này để em có thể trò chuyện!

Đạt trở về nhà thức đến khuya. Câu chuyện của Huyền Vi chỉ đơn giản là chuyện trẻ con, không có gì lạ. Điều Đạt lạ lùng là sự hiện diện và cách kể chuyện của Huyền Vi, dường như cô muốn lôi cuốn anh cùng sống lại một thời trẻ con của riêng cô. Chập tối hôm sau Đạt ra đường đã thấy

Huyền Vi đứng chờ anh ở chỗ tối hôm qua anh đứng chờ cô. Hai người đi xuôi về phía cuối phố, quãng đường này vắng vẻ hơn, dẫn tới một bãi trống ngổn ngang những đồng vật liệu xây dựng. Huyền Vi có vẻ vội vàng, cô vượt lên trước và nói với Đạt:

- Đến đây thì anh phải theo em, em sẽ dẫn anh đi theo lối tắt ngày xưa, chỉ mình em biết. Là vì ngày xưa em bám theo ông hàng rong vác cây đồ chơi, cứ qua khỏi chỗ này là ông ấy biến mất. Em phải đi tìm... Nào, ta đi thôi!

Bên kia bãi trống, cạnh đồng cát sỏi cao lù lù có con hẻm càng vào sâu đường càng nhỏ dần, với vô số ngõ ngách. Trong hẻm không có đèn đường, tối tăm và bí hiểm như một mê hồn trận. Đạt không theo kịp Huyền Vi, đôi lúc anh đâm vào ngõ cụt và nghe tiếng cười của Huyền Vi khúc khích ở phía sau: "Rẽ lối này...". Tức là rẽ phải, rẽ phải nữa. Rồi rẽ trái... Hóa ra đã băng sang một đường phố khác, chắc là cách nơi Đạt ở không xa nhưng anh chưa tới bao giờ. Con phố này nhà cửa đứt nối, còn nhiều dấu vết của một phố nghèo, chỉ thấy lều quán và rác rưởi nhưng lại có một hồ nước sáng trắng lên trong đêm.

- Ông hàng rong vác cây đồ chơi thuở bé em đi tìm ấy, ông ta ở chỗ này. Một mái nhà lá trông ra hàng cây bạch đàn ven hồ, bây giờ thì chẳng còn gì nữa, nhưng mấy bậc đá dẫn xuống mặt nước hồ chắc chắn còn. Đây, mấy bậc đá vẫn nguyên ở đây...

Đạt đứng trên bờ cỏ, nắm lấy tay Huyền Vi giữ cho cô lần xuống theo từng bậc đá. Cô khỏa chân xuống nước rồi leo lên, nổi xúc động vì được trở lại đúng nơi cản trở lại khiến cô quên khuấy bàn tay mình vẫn nằm trong tay Đạt:

- Em tìm thấy nhà ông hàng rong, em nói rằng em chỉ tò mò muốn biết ông làm ra đồ chơi như thế nào? Ông đồ chơi cười, thì cháu cứ xem đi! Một lúc sau ông bỗng nói: "Đề ông làm cho cháu cái này, xem cháu có thích không...". Ông lấy một quả bóng nhựa, một đoạn ống giang, dán giấy màu, tô vẽ rồi gắn chúng vào nhau, thế là thành một cô bé có cái đầu tròn vo với cái mình dài thượt. Nhưng ông gắn cách nào đó, mỗi khi lắc nhẹ cái mình là cái đầu lắc theo, cả hai bím tóc cũng ngoe nguẩy. Ngộ vô cùng. Lúc ấy em nghĩ, đây là em mình, bạn mình mà cũng có thể là mình luôn. Em ôm con búp bê ngộ nghĩnh ấy, chạy ào ra ven hồ, đứng ở đầu bậc đá, giơ cao nó lên, lúc lắc, nó cười với em và em cười với nó...

Huyền Vi nói dồn dập, cô hơi lùi xa rồi lại xích đến gần Đạt, thân thiết tự nhiên như giữa hai đứa trẻ:

- Vẫn chỉ là một câu chuyện trẻ con phải không anh? Nhưng có một ông thợ ảnh, có lẽ phải gọi ông ta là nghệ sĩ thì đúng hơn, không biết ông ta đứng chỗ nào, bấm máy lúc nào, một bức ảnh có mây soi đáy nước, bậc đá xanh rêu với hai khuôn mặt trẻ con soi vào nhau, cùng cười hồn nhiên nhất trên đời. Bức ảnh ấy được in thành tám bưu ảnh "Tuổi thần tiên", phát hành khắp thành phố, nhiều người có lắm. Em cũng có một tấm giữ được lâu lắm. Rồi chiến tranh chống Mỹ, máy bay Mỹ ném bom vùng ngoại thành, đúng nơi em sợ tán - Em bị vùi trong đồng đồ nát, còn tám bưu ảnh của em bị cháy trong lửa bom... Biết làm thế nào! - Huyền Vi chột ngừng, giọng cô như thảng thốt - Em đã trở về, nhất định em phải tìm gặp lại ông hàng rong vác cây đồ chơi ngày xưa. Nghe nói ông vẫn ở trong thành phố... Nhưng còn tám bưu ảnh "Tuổi thần tiên", liệu có thể tìm đâu ra một bức còn sót lại không nhỉ?

Đạt im lặng. Bàn tay anh tìm được bàn tay Huyền Vi, nắm chặt và anh nói quả quyết:

- Anh hứa sẽ đi tìm tám bưu ảnh cho em. Chắc chắn ở một nơi nào đó trong thành phố phải còn lại một tấm chứ!

Đạt đi tìm tám bưu ảnh, anh đến các cửa hàng sách cũ, các cửa hàng này ở rải rác, có chỗ sách được xếp thành chồng, bày lên kệ, có chỗ chỉ là một đồng hồ lớn, đầy bụi và mạng nhện. Rồi đến những nơi thu mua giấy loại, ở đây có đủ loại báo chí mới và cũ, trong và ngoài nước với đủ loại giấy tờ. Thậm chí theo lời mách anh còn cất công đi tìm mấy tay sưu tập nổi tiếng, họ có cả kho đồ vừa giá trị, vừa chẳng có giá trị gì. Tức là anh đã sục sạo gần khắp thành phố nhưng chỉ là công cốc, chẳng tìm đâu ra tám bưu ảnh "Tuổi thần tiên". Một lời hứa không vụ lợi, nhằm đáp lại ước vọng ngây thơ của Huyền Vi và của chính lòng anh, là lời hứa thiêng liêng, anh không thể bỏ cuộc - Một hôm Đạt cưỡi chiếc cá xanh hay là cá ươn ậm ạch chạy qua trụ sở tòa báo quen, anh chợt nảy ra ý nghĩ nhờ báo đăng cho mấy dòng rao vặt. Đạt ghé vào tòa báo, vừa leo thang gác

đến tầng hai thì đụng phải Mánh. Có trời biết cô ta từ góc khuất nào nhảy ra, vồ lấy Đạt:

- Ồi mình ơi, suốt mấy ngày nay mình lĩnh đi đâu? Định ăn mảnh cái gì? Hãy khai ra!

Đạt vùng vằng:

- Thôi đi, tôi đến đây không phải để tìm cô!

- Mình không tìm tôi nhưng tôi cần tìm mình, đã sao nào. Mình đi theo tôi đến phòng cộng tác viên... - Mánh lôi Đạt đi được mấy bước, chợt cô ta dừng lại - Hay thôi, hôm nay tòa báo họp nội bộ, họ đóng khóa phòng ấy rồi - Ta xuống căng tin...

Phòng căng tin ở bên hông tầng trệt. Đang lúc vắng khách, cô hàng căng tin ngồi ngủ gật phía sau quầy. Mánh gọi cho Đạt lon bia, cho mình ly cam vắt rồi kiểm chiếc bàn kê bên cửa sổ.

- Nào, mình khai ra đi! - Mánh ngồi đối diện với Đạt, cô ta chờ đợi giây lát rồi khẽ cười gằn - Nếu mình không chịu khai thì tôi nói ra hộ mình vậy. Mình đang hóa rồ vì một tấm bưu ảnh xưa cũ được gọi là "Tuổi thần tiên" đúng không?

Đạt bật nói:

- Sao cô biết?

- Mình chạy rong khắp nơi, làm náo động cả thành phố vì cái đó, tất nhiên tôi phải biết chứ. Mình cần cái đó để làm gì tôi không quan tâm, nhưng tôi vì mình đã tìm được nó cho mình. Đây, nó đây...

Mánh rút từ trong túi xách ra tấm bưu ảnh dứ về phía Đạt nhưng chỉ vừa đủ để anh nhận ra nó đúng là "Tuổi thần tiên" thì cô đã thu nó về.

- Hãy thông thả, nghe tôi nói đã... Mình tài giỏi lắm, đã hoàn thành cái công trình điều tra xã hội học về chiếc quần bò vô cùng hoàn hảo. Nhưng cần một chút phù phép để biến nó thành mặt hàng có giá...

Thế là trong giây lát, mối ràng buộc giữa Mánh và Đạt được khôi phục trở lại. Dù muốn hay không Đạt cũng bị xô mũi để Mánh lôi đi. Cô ta tỏ ra sòng phẳng đến lạnh lùng: "Mình ơi, mình đang cần có cái "Tuổi thần tiên" còn tôi thì cần đến cái đầu óc của mình...". Hóa ra là công việc điều tra về chiếc quần bò Đạt đã quên khuấy, bây giờ lại quần lại với anh. Mánh nói rằng có một địa chỉ đáng tin cậy nhận mua bản điều tra của họ, nó được tiến hành rất đúng quy cách điều tra xã hội học, nhưng với một điều kiện là phải chế biến lại những con số. Thoạt nghe Đạt ngó người ra, chẳng hiểu gì cả. Mánh cười vào mũi anh, anh đâu đến nỗi thiếu thông minh nhưng đành phải chẻ hoe ra vậy. Trong thành phố có mấy ông sáng kiến ra một cái công ty, gọi là Công ty môi giới tri thức có nghĩa là nó bao gồm mọi thứ nhưng chỉ là môi giới thôi. Họ kiếm được một hợp đồng với Hội đồng tư vấn khoa học, Hợp đồng này đang triển khai một đề tài về phong tục. Đúng lúc quá, chuyện quần bò đúng là chuyện phong tục rồi. Hiềm một nỗi có mấy vị rất sâu sắc và tự tin, mấy vị ấy nhất định cho rằng quần bò không đáng gọi là cái quần. Vậy ta tính sao nhỉ? Hoặc là ta chế biến lại những con số để được nghiệm thu, hoặc là cứ việc nghĩ dài dài, đằng nào hơn nhỉ?

- Tôi không biết - Đạt cầu nhàu - chế biến những con số không phải việc của tôi!

- Ờ hay, thế mình định nhường nó cho ai nhỉ? - Mánh lấy từ trong túi xách ra tập tài liệu điều tra, đặt lên mặt bàn, vuốt thẳng - Thôi, đừng cù lần nữa, hãy linh hoạt lên. Ta bắt đầu rà soát từng mục, chế biến sao cho các con số của từng mục tương ứng nhau, khớp nhau, dẫn đến cái kết quả tổng hợp hoàn toàn hợp lý. Mình được học hành, có bằng cấp chuyên môn, mình nhúng tay vào chắc chắn chỉ loáng cái là xong... Sao, mình còn băn khoăn nỗi gì? - Mánh giơ tập tài liệu lên, làm như vô tình để rơi tấm bưu ảnh bị kẹp lẫn trong đó, cô đẩy tấm bưu ảnh về phía Đạt nhưng bàn tay vẫn chặn lên - Đây, cái "Tuổi thần tiên" này là của mình, chắc chắn thế, tôi với mình là một, chẳng qua tôi chỉ tạm giữ hộ mình thôi! - Mánh thu tấm bưu ảnh về và đẩy tập tài liệu sang cho Đạt - Nào, ta bắt đầu nhé...

Đạt đành tặc lưỡi:

- ừ thì bắt đầu!

Đạt không ngờ chỉ một cái tặc lưỡi, chấp nhận cho qua tình thế bị xô đẩy, đã xoay chuyển số phận anh. Chỉ trong một giờ anh ngồi chế biến những con số, thay đổi những phân tích tương

ứng, ký tên vào cái bảng gọi là điều tra xã hội học về chiếc quần bò, lập tức Mạnh trao cho anh tấm bưu ảnh mà anh đang cần. Ngay buổi tối hôm ấy Đạt gặp Huyền Vi ở nơi anh vẫn thường gặp, bên gốc cây xé cửa nhà và anh trao tấm bưu ảnh cho cô. Huyền Vi gần như nhảy cẫng lên, cô trở lại hồn nhiên như đứa trẻ: "A, đúng là cái "Tuổi thần tiên" của em đây rồi! Mà cũng không chỉ của riêng em. Ai chẳng có một thời ở "Tuổi thần tiên"... Anh xem, cái màu giấy ngả vàng này người ta gọi là gì nhỉ? à, màu thời gian... Huyền Vi giơ tấm bưu ảnh về phía quãng sáng ngọn đèn đường dọi qua tán lá cây và cái hình ảnh thần tiên trên nền giấy ngả vàng dường như khẽ rung rinh qua làn sương khói. "Em cảm ơn anh! Mai kia dù em có ở chân mây cuối trời, cứ nhìn tấm bưu ảnh cũ kỹ này, em sẽ lại nhớ về anh!". Lời nói của Huyền Vi thoảng bên tai Đạt và mãi về sau này nó vẫn còn là chỗ bầu vịu của anh.

Anh đã thực hiện lời hứa với Huyền Vi, lời hứa không vụ lợi và anh sẽ ghi nhớ mãi những giây phút bên cô, được nghe những chuyện trẻ con của cô.

Một buổi tối sau đó, Đạt chưa kịp ra khỏi nhà để đi gặp Huyền Vi thì Mạnh bất ngờ xuất hiện. Mạnh không gõ cửa, cứ tự nhiên đẩy cánh cửa ra, bước ào vào nhà và cô nói ngay, như chặn họng Đạt:

- Lại định hỏi vì sao tôi biết cái xó mình vẫn chui rúc và cố tình giấu tôi này, hả? Thôi đi, dẹp những câu hỏi đại loại như thế đi! Tôi là khách không mời nhưng đâu tôi cũng đến. Tôi đến để báo với mình một tin vui. Cái công trình điều tra xã hội học về chiếc quần bò, mà không... phải nói là cái trò chơi lấu cá của chúng mình đã được Hội đồng tư vấn khoa học nghiệm thu. Mình là chủ đề tài, tất nhiên lọt vào mắt xanh mấy vị ủy viên hội đồng. Nhưng cái gì cũng phải có thứ tự, mấy vị ủy viên đáng kính ấy chưa ra mặt đâu. Họ ủy cho cái Công ty môi giới tri thức làm môi giới, thử gặp mình trước đã. Ông giám đốc công ty muốn tỏ ra có biệt nhỡn, đã cho xe đến đón mình. Xe chò ở ngoài kia...

Đạt cảm thấy chưa sẵn sàng nhưng Mạnh cứ giục cuống quýt, cô gần như áp tải anh ra xe.

Chiếc ô-tô con màu xám, nước sơn đã bạc, chắc là ông giám đốc gạ mua thanh lý được của một cơ quan lớn nhân đợt thay lứa xe đời mới. Nhưng máy xe nổ còn êm. Đạt và Mạnh ngồi ở ghế sau, những lúc xe vào cua Mạnh lại ngả người cọ sát vào Đạt. Đạt không hưởng ứng cũng không né tránh. Mặc cô ta. Anh quay mặt gần như gí mũi vào tấm kính cửa xe, chăm chú nhìn ra ngoài. Con đường lớn, đèn cao áp sáng xanh. Rồi xe rẽ vào con phố đèn đường thưa thớt, rợp bóng cây, trên vỉa hè có đám trẻ con đang nô đùa. Đám trẻ đuổi nhau quanh các gốc cây rồi tụ cả lại, ngửa mặt lên, nhảy cẫng lên, những cánh tay giơ cao như với cái gì đó. Một cô gái đứng giữa đám trẻ, mái tóc và khuôn mặt cô tỏa sáng trên đầu đám trẻ, và cái gì đó cô cầm trong tay (một đồ chơi, một cành lá, hay một tấm bưu ảnh?) rung rinh ở trên cao hơn. Huyền Vi đấy chẳng và cô đang cầm trong tay tấm bưu ảnh tuổi thần tiên để cùng vui chơi với đám trẻ chẳng? Đạt thảng thốt kêu lên:

- Dừng xe lại!

Nhưng chiếc xe đã rẽ sang phố khác, cùng lúc Mạnh huých nhẹ khuỷu tay vào Đạt và cất giọng nói tron tuột với chú lái xe:

- Ông này là nhà thông thái nên hay đăng trí lằm. Chú cứ đi đi!

Con phố này không lớn nhưng ở gần trung tâm nên rất đông vui, đèn trong các cửa hàng, quày hàng hắt ra loang loáng. Xe dừng lại trước một ngôi nhà không có vẻ gì là trụ sở cơ quan nhưng Mạnh thì đã thì thầm giải thích: "Đây là chỗ làm việc ban đêm của ông giám đốc. Có thể nói công ty ông có công việc hai tư trên hai tư giờ!". Đạt tự nhiên muốn thoái lui, anh nói:

- Hay là thôi nhỉ? Gặp ông ta để làm gì nhỉ?

- Ồ, sao lại thế! - Mạnh nhìn vào mắt Đạt vẻ như vừa đe nẹt, vừa van lơn - mình nên nhớ tôi yêu mình, dù mình có yêu tôi hay không, đối với tôi không quan trọng. Tôi yêu mình! - Mạnh nhắc lại và đẩy nhẹ vai Đạt - Mình vào nhà đi!

Trong suốt cuộc tiếp xúc, ông giám đốc nói thao thao, còn Đạt chỉ trả lời chiếu lệ. Nhưng ông ta, cái ông giám đốc đáng kính ấy không lấy thế làm tự ái. Ông ta vẫn vồn vã, xởi lởi, lại còn đùa tếu nữa: "Ồ không sao, mình được trông thấy mặt cậu thế là vinh hạnh cho mình rồi. Cậu chỉ cần nghe thôi đã đủ quý hóa lằm. Hà hà...". Ông giám đốc tiễn Đạt ra ngoài cửa, bắt tay Đạt không

chặt cũng không lỏng và giọng nói của ông nhùng nhằng: "Cái công ty của bọn mình bảo nhỏ hay lớn đều được cả. Nó có mặt mọi lúc mọi nơi. Nó vô hình... Hẹn gặp lại, còn bây giờ thì cậu cứ việc đi đi!". Chiếc ô-tô con màu xám, nước sơn đã bạc vắn đồ lù lù bên đường nhưng không thấy chú lái xe. Không thấy Mạnh. Chỉ một mình Đạt đứng trơ. Anh đành cuộc bộ về nhà.

Thành phố này Đạt đã thông thuộc nhưng giữa đường trời bỗng đổ mưa khiến anh bị lạc. Cơn mưa lớn, bất ngờ xối nước xuống ào ào, nhiều quãng phố bị tắt mắt đèn đường, những vòm cây ướt sũng bị gió quạt toả tả, lại nghe đâu đó tiếng cành cây bị vặn gãy rãng rác. Đạt bị ướt sũng, dù có dừng lại trú mưa cũng chẳng ích gì, thà cứ liều xông đi. Phố xá quen mà lạ, nổi chìm trong mưa đêm. Có ai đó ở phía trước, lúc nhòa lúc tỏ. Đạt nhận ra hình bóng Huyền Vi đồng thời anh tự nhủ, chẳng qua anh tưởng tượng ra thế, nhưng đúng là hình bóng Huyền Vi đang dẫn dắt anh. Chợt đến lối rẽ, Đạt đang phân vân bỗng nghe bước chân ai đó ở phía sau, anh quay nhìn lại, tất cả đều tối thui, chẳng nhìn thấy gì nhưng cũng rõ ràng anh nhìn thấy Mạnh, chỉ là cái hình bóng chập chờn của Mạnh bám theo anh. Đạt chạy ào qua đường... cứ thế Đạt định đi theo đường tắt mà hóa ra đi đường vòng, mãi khuya mới đội mưa về đến nhà. Anh vội thay quần áo nằm vật ra giường, lên cơn sốt mê man.

... Bây giờ Đạt đã trên 50 tuổi là một chuyên gia trong lĩnh vực của anh, thường lên thuyết trình trong các cuộc họp của giới chuyên môn, thỉnh thoảng còn lên bục giảng cho sinh viên các trường, coi như "giáo sư" chờ. Anh đã chuyển nhà và có vợ con đàng hoàng. Nghĩa là anh sống như mọi người, ở giữa mọi người. Nhưng có đôi lúc chỉ mình với riêng mình thôi, Đạt lại tự hỏi: "Mình là người thế nào nhỉ?". Hiển nhiên mình là người tốt, chỉ có điều do những thúc ép thực dụng trong cuộc mưu sinh, mình đã làm những việc không nên làm, thậm chí cả việc xấu. Câu trả lời đến với Đạt khi anh nhớ lại trận mưa hơn hai mươi năm trước, với cái bóng mờ ở phía trước và phía sau anh, nó vẫn còn đó như một thách thức định mệnh của đời anh./.

Trái cam trong lòng tay

Trong đời riêng mỗi người, đôi khi có những sự việc chẳng ý nghĩa gì đối với người khác, nhưng với bản thân anh ta lại là một cái mốc quan trọng.

Tôi đã gặp một sự việc như thế: đó là cái tai nạn đồ xe bất ngờ xảy đến với tôi, trong một chuyến đi công tác vui vẻ chưa từng có. Chiếc xe bị bẹp mũi, tấm kính chắn gió bị vỡ tan. Cậu lái xe nằm bất tỉnh, máu me đầm đìa nhưng rốt cuộc cậu ta chẳng làm sao hết. Còn tôi, ngay lúc đó đã gượng ngồi dậy được, thân thể còn nguyên vẹn vậy mà phải nằm bệnh viện đúng ba tháng, chịu mổ xẻ, đau đớn, trong tình trạng gần như tuyệt vọng. Có những chấn thương bên trong thể nào đó, không thể nói cho thật rạch ròi. Nhưng dần dần chúng tự thu xếp và ổn định lại, chỉ còn giống xương đùi bên trái bị giập nát là phải mang cái nẹp kim loại, với những đinh ốc vặn chặt, cũng bằng kim loại. Tôi bắt đầu tập ngồi, tập đứng, tập đi chập chững từng bước một, như đứa trẻ nhỏ. Cho đến khi bệnh viện chuyển tôi đến trại an dưỡng X, thì tôi tin chắc thế là tôi đã sống lại, tâm trạng tôi vừa rụt rè vừa náo nức lạ thường.

Trại X rất nhỏ, nằm lọt thỏm giữa một vùng đồi vắng vẻ, số giường đã ít, số người đến nghỉ lại càng ít hơn. Tôi ở chung phòng với Vĩnh, một ông già gầy khô, khắc khổ nhưng không có vẻ ốm yếu. Mãi mấy ngày sau tôi mới biết bệnh trạng của Vĩnh và điều đó làm cho tôi bối rối. Vĩnh phải cắt một bên phổi, từ nhiều năm trước. Gần đây, bên phổi còn lại bỗng nổi một khối u ác tính, các bác sĩ đã mổ ra xem rồi buộc lòng phải đóng lại... Tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩ so sánh, mặc dầu hiển nhiên nhưng không thể chấp nhận, rằng mình và Vĩnh đang đi ngược chiều: mình vừa từ biên giới của cõi chết trở về, còn Vĩnh thì... Hình như Vĩnh cảm thấy nổi băn khoăn của tôi. Ông vui vẻ và chủ động săn sóc đến tôi, hỏi han tôi đủ điều. Tôi kể với ông rằng, tôi đi đây đi đó đã nhiều, thay đổi công tác cũng nhiều và có lẽ do thế, gần đây được chuyển sang làm cán bộ nghiên cứu. Nhân tiện, tôi khoe với ông, tôi cũng viết lách được đôi tý. Những bài viết không đến nỗi xoàng,

chỉ có thiếu sót nhỏ là chúng quá ít ý kiến mới mẻ và quá nhiều những chữ thừa! Vĩnh cười, vỗ nhẹ vai tôi:

- Cậu giỏi! Còn mình là anh cán bộ đốc chiến, suốt đời chỉ có làm, làm, làm. Nhưng dù sao mình cũng giống cậu được hai điểm: Mình đi đây đi đó cũng nhiều; hai nữa, thi thoảng phải ngồi viết báo cáo, mình cũng sản xuất ra kha khá những chữ thừa! - Vĩnh ngừng giây lát rồi ông bỗng nói, tỉnh táo đến lạnh lùng - Cậu thấy đấy, mình già rồi, bệnh tật sắp chết rồi! Nhưng trước khi chết, mình vẫn sống y như cậu vậy. Đừng băn khoăn vớ vẩn gì cho mình nghe chưa!

Ngày hai buổi đều đặn, tôi bắt buộc phải đi dạo, để tập luyện đôi chân. Tay chống chiếc gậy hèo nho nhỏ, tôi tập tễnh đi quanh sân trại. Rồi tiến dần lên, đi ra ngoài cổng trại, đến tận đầu mút mòm đồi hơi nhô ra - nơi đó có cây long não già, cao vút, tán lá xanh nõn nà, những phiến lá lẩn tẩn lúc nào cũng gợn sóng lên, như vẫy gọi. Đứng dưới gốc cây long não, có thể nhìn thấy con đường dốc lượn dưới chân đồi, những khe đất xanh rì cây dại và xa hơn, thấp thoáng một xóm nhỏ, lưa thưa rặng tre với vài chục nóc nhà. Có một cô gái từ nơi xóm nhỏ vẫn thường đến đây cắt cỏ. Lần đầu tiên trông thấy tôi, cô nói ngay: "Cháu chào chú. Chú vừa mới đến trại hẳn?". Giọng cô tỏ ra hết sức thân thuộc với nơi này. Dần dà, cô chú ý đến tôi hơn. Cho đến một hôm cô thấy tôi đi khập khiễng, tay chống gậy, mặt tái nhợt và luôn luôn nhăn nhó, cô ngạc nhiên hỏi tôi: "Chú đau chân à?". Tôi vỗ nhẹ lên bắp đùi bên trái, tiết lộ với cô rằng ở trong đó, giữa hai ống xương bị gãy, có cái nẹp và những đinh ốc bằng kim loại. Cô gái tròn xoe mắt, háp háp nói: "Tại sao lại như thế hả chú?". Tôi kể cho cô nghe những gì tôi đã trải qua. Cô rung mình, nhìn tôi chăm chú rồi bật kêu lên:

- Trời ơi, tai nạn như thế mà chú còn sống được thì tài quá!

- Nào tôi có tài giỏi gì đâu! Trước hết, tôi sống được là nhờ bệnh viện, nhờ các bác sĩ. Và sau hết, có lẽ là... là... vì tôi còn quá nhiều ràng buộc với cuộc đời này chẳng?

Ý nghĩ về sự ràng buộc đột nhiên lóe sáng trong đầu tôi, chính vì cái về tò mò không che giấu, sự hồi hộp, lo lắng pha chút trẻ thơ của cô gái cắt cỏ hoàn toàn xa lạ, thoát trở nên gần gũi đối với tôi. Cô ngồi dưới gốc cây, xé trước mặt tôi, chiếc liềm cắt cỏ để bên chân. Bàn chân cô thô nhám, với những ngón chân hơi ngắn và những vết nứt li ti quanh gót, hoàn toàn trái ngược với đôi bàn tay thon dài, khuôn mặt xinh xắn, vàng trăn cao vừa phải nhờ những sợi tóc che lòa xòa. Cô bé nhỏ, dịu dàng và nghiêm nghị, vừa trẻ lại vừa già so với lứa tuổi cô... Bỗng cô nói với tôi, vẻ như chẳng ăn nhập vào đâu hết:

- Chú ơi, giá như bố cháu còn sống, bố cháu gặp chú, trò chuyện với chú, chắc bố cháu vui lắm!

Tôi không hiểu điều cô gái nói, chỉ cảm nhận nó như một nỗi niềm, một lời an ủi. Nhưng cô gái không dừng lại ở đó, cô cầm cái liềm, bở nhẹ mũi liềm xuống nền đất sỏi, làm vài viên sỏi bị văng đi, tóe lửa và cứ thế, cô vừa bở nhẹ mũi liềm, vừa hăm hở nói:

- Chú có biết vùng đồi này trước đây là một vùng như thế nào không? Một vùng hoang vắng, khô cằn, chỉ có nắng và bụi. Và chú có biết muốn lập nên làng xóm, sinh sống được ở đây thì cần gì không? Cần có nước! Không phải cháu định giăng giãi cho chú đâu. Cháu chỉ muốn kể cho chú nghe về bố cháu... Nhưng trước hết, cháu hỏi chú, chú đã bị khát bao giờ chưa - khát cháy họng, rã rời chân tay, mắt mờ đi, ngạt thở? Hồi gia đình cháu, cùng với một số bà con từ dưới xuôi lên đây khai hoang, cháu còn bé tí, cháu đã bị khát như thế. Cháu sợ cái khát quá, ban đêm cháu ngủ, toàn mê hoảng. Cháu thấy một con quỷ, bụng nó to khủng khiếp và nó cứ lượn quanh cháu, cái bụng lắc lư, nước trong bụng nó kêu óc ách. Cháu kêu thét lên, ôm choàng lấy cổ bố cháu. Bố cháu hỏi: "Con làm sao thế?". Cháu nói quấy quác: "Không, con không làm sao..." nhưng rồi lại bật ra: "Con chỉ muốn uống nước thôi". Thế là bố cháu đi tìm nước. Thoạt đầu mò mẫm cứ thấy chỗ nào thấp, đất hơi mềm, lưa thưa cỏ mọc là bố cháu đào giếng. Đào cho cả xóm, cả làng. Bố cháu đã đào hàng trăm cái giếng. Hàng trăm cái, cháu nói không ngoa đâu. Bởi vì có vô số giếng bố cháu đào, cứ sang mùa khô là nước biến đi đâu hết sạch. Những cái giếng chết. Bố cháu đi lại quẩn quanh giữa những cái giếng chết ấy, vò đầu bứt tai, nhìn ngắm rồi lại đi tìm một sườn đồi khác và lại đào... Ban đầu, mỗi khi bố cháu đào giếng, cần có một người phụ, đứng trên cao kéo những sào đất từ dưới sâu lên. Về sau bố cháu đào một mình. Một mình cúi lom khom dưới cái đáy hang thăm thẳm, dùng cái xẻng ngắn cán hắt từng xẻng đất qua vai, đất bay lên rơi

lộp bộp trên nền cỏ... Lúc bấy giờ bọn trẻ con chúng cháu thường chơi quanh quần bên chỗ bố cháu đang đào giếng. Cái hình ảnh đất cứ tự động từ đâu đó bay lên, đã khắc sâu vào trí nhớ của cháu đến mức, cho đến bây giờ, mỗi khi đi cắt cỏ, cháu khát, cháu ngó quanh tìm nước là lại thấy nó hiển hiện. Mẹ cháu thỉnh thoảng cũng mơ thấy như thế. Và mỗi lần tỉnh dậy, mẹ cháu lại khóc. Cháu có biết vì sao không?

Tôi im lặng.

- Là vì, suốt thời gian bố cháu lẩn lóc với việc đào giếng, mẹ cháu là người rầy la bố cháu nhiều nhất. Cái xóm khai hoang của cháu chỉ có một nhóm gia đình, đã phải chuyển dịch loanh quanh qua bao nhiêu đời. Nhiều nhà bỏ về. Mẹ cháu, nghe mấy bà bạn rủ rê cũng muốn bỏ về. Nhưng mà vương bố cháu. Mát mẻ, hờn dỗi chán chê không được, cuối cùng mẹ cháu nổi đóa lên, la hét vào tận mặt bố cháu: "Ông không sinh ra ở cái đất chó ăn đá, gà ăn sỏi này, có cái gì ràng buộc ông mà ông cứ phải hì hục đào ngoáy quanh năm suốt tháng như thế?". Bố cháu không nín nhịn được, cũng la lên: "Mọi cái ràng buộc tôi, mà cũng chẳng có cái gì ràng buộc tôi! Bà đã lý sự với tôi thì tôi trả lời bà thế đấy! Nhưng thôi, tôi không lý sự, tôi van bà, bà hãy để cho tôi đào nốt cái giếng này, cái giếng mà tôi đoán chắc với bà nước mạch phải đầy ắp!". Bố cháu đã dùng mưu mẹo như thế đấy, để tiếp tục đào cho đến cái giếng thứ một trăm.

... Buổi sáng hôm ấy tôi về muộn. Trong phòng, Vĩnh đang đứng trước khung cửa sổ mở rộng tập thở theo phương pháp dưỡng sinh. Nghe tiếng động nhẹ nơi cửa ra vào. Vĩnh quay lại:

- Lại ra chỗ gốc cây long não, nói chuyện lẩn thẩn với cô bé cắt cỏ, hở?

Tôi bỗng trở nên bồng bột, khoe ngay với Vĩnh rằng, hôm nay tôi không chỉ hỏi cô bé những câu lẩn thẩn mà ngược lại, chính cô bé đã trò chuyện với tôi về gia đình cô, về người cha đã khuất của cô. Cô đã thành mối dây liên lạc giữa tôi với cuộc đời rộng lớn, khiến tôi có thể hòa nhập trở lại, vào cuộc đời ấy. Tôi còn khoe thêm với Vĩnh rằng, nhờ cô gái mà tôi biết, dưới xóm nhỏ của cô, có những nhà đã trồng được cả cam, giống cam rất quý, lần đầu tiên du nhập được vào vùng này. Tôi đã gửi tiền cô gái, nhờ cô mua cho ít trái cam.

- Cậu khá hơn mình đấy! Mình vốn là lính trinh sát, lại lên đây trước cậu, vậy mà mình chẳng hay biết gì cả! Vĩnh vừa tiếp tục bài tập dưỡng sinh vừa nói, vẻ băng quơ:

Tôi tưởng ông giấu cọt tôi, giấu cọt cái chú bé con đang sống trở lại dưới cái bờ bèo ngoài người lớn, là tôi. Nhưng những sự việc xảy ra sau đó đã cho tôi thấy là tôi lầm...

Sau đó, tôi không gặp cô gái cắt cỏ. Có thể là cô bận việc gì, cũng có thể do thời tiết xấu, cô không muốn đi xa. Mà thời tiết xấu thật: chẳng ra nắng cũng chẳng ra mưa, bầu không khí nặng nề, ẩm ướt, lúc thì oi bức, lúc ớn lạnh đến rùng mình. Vĩnh thở rất khó khăn, ông nằm gần như suốt buổi trên giường, nghiêng rặng chịu đựng những cơn đau và thiêm thiếp ngủ. Tôi cũng chỉ dám đi dạo loanh quanh, dọc theo hành lang mấy dãy nhà. Cuối cùng không sao chịu đựng nổi cơn nhức nhối từ bắp đùi bên trái lan ra khắp thân thể, tôi đành quay về phòng nằm ngủ thiếp đi... Lúc đó là buổi chiều. Một tia nắng xế, lọt qua khe cửa sổ, chiếu chéch vào mặt Vĩnh khiến ông tỉnh dậy. Ấy là sau này tôi nghe Vĩnh nói lại chứ lúc ông khẽ gọi tôi, tôi bừng mắt thì Vĩnh đã mở tung cửa sổ và mắt tôi bị chói lòa trước một khung trời đỏ rực.

- Mình vừa mơ một giấc mơ thật lạ lùng... - Vĩnh giữ tôi ngồi trên giường, còn ông kéo chiếc ghế nhỏ, ngồi sát đầu giường tôi, ông nói vội vã như có cái gì sợ bị quên - nhưng trước hết mình muốn biết, cậu có hay mơ không đã? Cậu thường mơ thấy gì?

- Tôi không hay mơ. Còn trong mơ, bên những cảnh và người hết sức thân quen, thường xen vào những chuyện xa lạ, kỳ quặc, không có đầu đuôi mạch lạc và nói chung là chẳng có nghĩa gì hết!

- Ừ, ừ... những giấc mơ, nói chung là chẳng có nghĩa gì hết! - Vĩnh nheo mắt nhìn tôi buông một câu lơ lửng, sau đó ông bỗng khoát tay, nói chậm rãi - Nhưng có điều gần đây, mình thường hay mơ thấy một cảnh tượng cứ lặp đi lặp lại. Mình mơ thấy lửa, ngọn lửa bốc cao như một đám cháy lớn và mình vùng vẫy ở trong đó. Không lần nào ngọn lửa thiêu cháy được mình. Nhưng lần

nào tỉnh dậy, mồ hôi cũng toát ra ướt đẫm lưng áo mình và ruột gan mình cứ bị nung nấu cồn cào lên. Mình chập chờn nghĩ, có lẽ trong suốt cuộc đời mình, mình đã cảm nhận được một điều gì đó, nó ẩn giấu quá sâu và bây giờ nó nung nấu ruột gan mình. Tuy nhiên, mình cũng không dám chắc. Thế rồi, bỗng dưng có một người khách đến thăm mình. Một cô bé. Cô bé xuất hiện trong phòng lúc nào, bằng cách nào mình không biết. Chỉ biết cô đứng sát bên đầu giường mình, im phắc, đôi mắt nhìn đăm đăm. Mình không nhận ra cô bé đó là ai. Đồng thời, có một ý nghĩ bướng bỉnh cứ khăng khăng cãi lại rằng, nhất định mình biết cô ta là ai. Mình đưa tay ra, chơi vơi, định nắm lấy tay cô bé, diu cô ta ngồi xuống chiếc ghế nhỏ vẫn kê ở gần đấy. Nhưng không nắm được. Hình ảnh cô bé gần gũi, rõ ràng đến như thế mà như mờ ảo, xa vời, chỉ có đôi mắt cô đăm đăm nhìn mình là không xa vời chút nào. Có vẻ cô hơi cúi xuống nhìn mình, khẽ nói câu gì đó rồi cô nhắc cái làn vải để bên chân, đặt lên mặt chiếc bàn nhỏ kê sát đầu giường mình những trái cây gì đó, giống như là những trái cam... Mình tỉnh dậy vì vệt nắng xuyên chéch qua khe cửa sổ, rọi thẳng vào mắt mình. "Hóa ra là mình mơ", mình lần ra mở cửa sổ, bụng nghĩ vậy nhưng đúng lúc căn phòng bừng sáng, mình quay lại nhìn thì thấy trên mặt chiếc bàn con kê sát đầu giường mình có cả chục trái cam. Thật lạ lùng. Cậu có tin câu chuyện lạ lùng này không?

Tôi không biết trả lời Vĩnh ra sao. Điều đó làm ông phật ý, ông nhích ghế, hơi né người để tôi nhìn cho rõ những trái cam bày trên đầu giường ông. Rồi ông vớ tay, lấy một trái cam, bàn tay ông xòe ngửa, dứ trái cam vào sát mặt tôi, như thách thức:

- Hãy xem, có đúng là cam không nào?

Đó là trái cam đích thực. Trái cam đầu mùa, vỏ mỏng và căng, múi mọng. Chưa chi tôi đã cảm thấy vị thơm ngon đích thực của múi cam thấm đậm nơi đầu lưỡi và tôi nghĩ, câu chuyện này thực ra cũng đơn giản: chắc chắn có một cô bé thực đã mang những trái cam tới đây và việc tìm ra cô bé ấy cũng không đến nỗi khó khăn gì. Nhưng tôi không dám nói ra, không dám tranh cãi với Vĩnh. Tôi linh cảm thấy rằng, đằng sau chuyện này có chứa đựng một câu chuyện khác...

Tôi ngáp ngừng giãy lạt rồi đánh bạo thăm dò bằng cách cố tình làm ra vẻ thờ ơ:

- Thôi hãy tạm gác chuyện giấc mơ của anh lại. Anh kể cho tôi nghe một chuyện gì đó không dính dáng đến mộng mị thì hơn. Chuyện gì cũng được!

- Biết chọn chuyện gì không dính đến mộng mị được nhỉ? Mình già rồi mà, thành ra nhiều chuyện lắm... - Vĩnh trầm ngâm, sau đó ông bỗng phẩy tay, nói quả quyết - Thôi được, để mình kể chuyện này. Chuyện một cô bé... Cách đây ba mươi sáu năm, năm ấy mình hai mươi mốt tuổi, là lính trinh sát thuộc một đơn vị hoạt động độc lập, thường phải vượt vành đai trắng, vào sâu trong lòng địch. Mình bị địch bắt trong đêm vượt vành đai, vấp phải ổ phục kích của chúng. Chúng giải mình về bốt, giam dưới hầm ngầm, tra tấn mình bằng đủ mọi ngón đòn hiểm ác, vẫn không moi được ở mình một lời khai nào. Thấy mình đã hoàn toàn kiệt sức, tên đồn trưởng đem thả mình xuống cái giếng hoang ở rìa bãi hoang, sát chân rào dây thép gai, phía sau bốt. Mình bị chìm ngụp dưới làn nước đen ngòm, hôi thối, đặc quánh những rong rêu và cỏ rác mục. Mực nước trong lòng giếng không sâu lắm; vả lại, do bản năng sinh tồn, mình giãy đạp, quờ quạng một lúc thì bấu được vào một khe lõm bên thành giếng, héch mũi lên thở. Mình hồi sức lại dần và thấy ô trời tròn xoe phía trên cao, cao vút, cái ô trời sao mà thăm thẳm, xanh trong, sạch sẽ và thuần khiết đến thế. Có thể mình nhìn thấy, cũng có thể mình chỉ mơ thấy chăng? Rồi đêm xuống, mình sực tỉnh và cảm thấy khát cháy họng, vội bấu vào thành giếng, leo lên. Nhưng cái thân xác mình lúc này nặng khủng khiếp, nó kéo mình rơi tòm xuống, chìm vào tối tăm và hôi thối, miêng sặc nước, chân ngộp trong bùn. Cứ mỗi lần cố leo lên lại thêm một lần chìm sâu hơn xuống đáy giếng. Xuống tới tận cùng. Mình quấy chân, chạm được vào một vật gì tròn cứng, vội tỳ lên nó. Nhưng nó cứ trượt đi. Chân mình lại sục tìm... Thế rồi, cậu có biết thế nào không, mình đã tìm thấy dưới lớp bùn sâu đáy giếng chông chắt những xương người; những xương sọ trơn nhẵn, những ống xương chân, xương tay còn rắn chắc hoặc đã mủn gãy. Xương của các đồng đội, đồng chí từng đi trước mình. Và bây giờ đến lượt mình... Không, mình không thể chết, mình phải leo lên, phải thoát khỏi cái lỗ huyệt lộ thiên không lấy gì làm sâu lắm này. Nhưng cũng rõ ràng là mình không thể nào leo lên, không thể nào thoát ra được. Nỗi tuyệt vọng và niềm ham

sống giằng co dữ dội trong con người mình và giây phút đó mình thấy từ ô trời đêm nghiêng xuống một khuôn mặt quỷ có sừng và vớ hai răng nanh thò dài ra, nhọn hoắt; con quỷ biến đi, thay vào đó là khuôn mặt tên đồn trưởng mắt sâu, râu rậm rồi tên đồn trưởng lại biến đi, thay vào đó là con quỷ... Nhưng dù biến đổi thế nào, cái khuôn mặt gớm guốc ấy vẫn chung một nụ cười giễu cợt khiến mình uất ức đến mức máu mũi mình trào ra. Mình còn đủ tỉnh táo quệt máu vào lòng bàn tay, thấy nó màu đen đặc quánh và mình áp bàn tay vào thành giếng, tưởng chừng như bàn tay mình dính chặt vào đó chính là nhờ máu... Có thể nói, mình đã sống, trong cái tư thế chết, không biết kéo dài bao lâu. Bỗng có cái gì động đậy, khê cọ sát vào mặt mình. Mình quờ tay, nắm lấy cái đó. Thế rồi đầu óc mình bừng tỉnh, mình nhận ra cái đó là một dây chảo lớn, dòng từ trên miệng giếng xuống. Nơi tận cùng sợi dây chảo buộc sẵn một vòng tròn nhỏ, mình lồng chân vào vòng chảo, cố dướn người lên, hai tay níu chặt. Sợi dây chảo nặng nhọc kéo mình lên, từng nấc một... Bấy giờ đêm đã khuya, mình đứng bàng hoàng trên mặt đất, thấy lờ mờ trong bóng tối một dáng người bé nhỏ và tiếng nói phào bên tai mình, như gió thổi: "Anh bộ đội, anh đi theo em!". Mình theo cái bóng bé nhỏ luồn qua hàng rào dây thép gai, bò len giữa những bụi gai rậm, đến một hõm đất được che phủ kín đáo bằng cành cây và rất nhiều cỏ khô. Mình ngồi tựa lưng vào vách sau hõm đất, hít thở hơi đất ẩm và mùi cỏ khô ngai ngái, đầu óc tỉnh táo dần trở lại và bấy giờ mình đã nhận ra người cứu mình là một cô bé gầy gò, yếu ớt, gần như mỏng manh. Cô bé ngồi ngoài cửa hõm đất, rõ rệt mà nhòe lẫn giữa đám cành cây và cỏ. Mình khê nói: "Này cô bé, em là ai, sao em lại cứu tôi?". Cô bé chống tay, hơi nhoài người về phía mình, tay kia sờ rẫm tìm khuôn mặt mình, áp lòng bàn tay lên trán mình - bàn tay cô bé lạnh giá, run bần bật và giọng cô cũng run như thế: "Anh bộ đội, chuyện của em dài lắm. Anh hãy cứ nghỉ cho lại sức hẳn đi!". Mình im. Vì mình hiểu rằng chính cô bé cũng đang cần nghỉ, cần bình tĩnh lại...

Vĩnh ngừng, khuôn mặt ông tái nhợt vì xúc động và vì cơn đau đột ngột nổi lên. Ông khê lúc lắc đầu, miệng hơi há ra, bàn tay xương xẩu của ông túm chặt lấy ngực áo, khê giật giật, vẻ không bình thường. Tôi vội vàng nói:

- Anh làm sao thế, anh Vĩnh?

- Không, không sao cả! Cái khối u quái ác trong ngực mình chưa làm gì nổi mình đâu. Mình sống dai lắm... - Vĩnh nín thở, rồi sau đó ông thở một hơi dài, như thổi một cái gì vướng mắc ở trong ngực ông cho nó bật ra - Suốt cuộc đời hoạt động của mình, mình đã từng chết đi sống lại nhiều lần, bắt đầu là lần bị thả xuống cái giếng hoang rồi được một cô bé cứu thoát, như cậu thấy đấy. Mà cô bé đó là thế nào, cậu biết không? Cô bé mồ côi, bị tên đồn trưởng bắt vào đồn, chặn bò cho nó. Tên đồn trưởng này vốn là quản lý đồn điền cho thằng chủ Tây. Cái đồn điền xưa kia chiếm cả một vùng đồi, rộng mênh mông, nay là vùng đai trắng. Ngôi biệt thự của thằng chủ Tây hoang phế đã lâu, nay được xây lại thành đồn bốt và tên đồn trưởng vừa chỉ huy lính đi càn vừa nuôi mộng ông chủ đồn điền tương lai, hẳn dựng lên phía sau bốt cả một dãy chuồng bò... Ở trong cái hõm đất được che phủ kín đáo bằng cành cây và cỏ khô mà cô bé chặn bò giấu tôi vào trong đó, cô kể cho tôi nghe rằng, trước tôi, đã có ba mươi tám người, trong đó có một phụ nữ, bị chết dưới đáy giếng hoang. Họ đã lần lượt chết, còn cô bé thì ngày càng bị ám ảnh, bị day dứt bởi cái ý nghĩ, cô rất có thể cứu được họ. Cô tính toán một kế hoạch, ngầm chuẩn bị mọi thứ: sợi dây chảo, cái khe hở nơi hàng rào, con đường rút chạy và hõm đất ẩn trốn... Nhưng những người bị ném xuống đáy giếng hoang vẫn cứ tiếp tục chết. Cho đến lượt tôi, người thứ ba mươi chín... Cô bé, lúc bấy giờ đã ngồi sát bên tôi, nơi tận cùng hõm đất an toàn. Cô kể về những người đã chết - hình ảnh cái chết dưới đáy giếng hoang dường như mách bảo cô, về cái chết của bố mẹ cô mà thực ra lúc đó cô còn quá nhỏ, cô không hay biết một tý gì. Cô khóc tím tím. Tôi phải giấu tiếng khóc của tôi, khe khê nói: "Em bé ơi, nhưng mà cuối cùng có một người đã sống lại được, nhờ em. Thôi, em đừng khóc nữa!". Cô bé có vẻ dịu đi được đôi chút nhưng chỉ giây lát sau, cô bỗng quay sang tôi, giọng đột ngột trở nên gay gắt: "Anh bảo em đừng khóc, sao anh khóc? Nào, anh hãy trả lời em đi?". Giọt nước mắt có bao nhiêu nghĩa. Nếu cậu ở vào địa vị mình lúc đó, cậu sẽ trả lời cô bé ra sao? Cậu hãy nói trước đi! Nói đi! Nào...

Vĩnh hồi và thúc giục nhưng không có vẻ gì chờ đợi nghe tôi trả lời. Ông sống trọn mình trong hồi tưởng và đã đến lúc ông không thể gắng gượng được nữa. Bàn tay ông run rẩy đưa lên, nắm chặt lấy ngực áo, đôi mắt dờ ra. Tôi vội dìu ông đứng dậy đưa ông về giường nằm.

Những ngày tiếp theo, Vĩnh bị đau luôn. Bác sĩ phụ trách khu an dưỡng phải cử người về tận bệnh viện chuyên khoa ở Hà Nội, đem thuốc lên, vừa tiêm cho Vĩnh, vừa bắt ông uống đủ loại thuốc bột, thuốc viên, đều đặn hàng giờ. Vĩnh không muốn phiền các thầy thuốc, ông thường tuyên bố rằng, cứ sau mỗi lần tiêm hoặc uống thuốc, ông đều thấy dễ chịu hơn chút ít. Chỉ có tôi là người chứng kiến đến tận cùng nỗi đau đớn âm thầm, dai dẳng của ông. Ông thường nhờ tôi xuống nhà bếp lấy nước sôi, thay nước trong túi chườm và ông nằm co quắp, luồn cái túi chườm vào tận bên trong ngực áo, khiến da ngực ông phồng rộp cả lên. Nhưng ông vẫn cố tỏ ra bình thản. Chỉ cần cơn đau dịu đi một chút là ông lại bảo tôi: "Mình sắp ngủ được rồi. Cứ để yên cho mình ngủ. Còn cậu, cậu hãy đi ra ngoài, tập luyện đôi chân của cậu đi!". Con người Vĩnh thật lạ, ở ông luôn luôn toát ra một uy thế tinh thần thế nào đó, buộc tôi không thể cưỡng lại ông.

Tôi đi ra ngoài nhưng chỉ quanh quẩn qua lại từ khu vườn hoa nhỏ trước sân tới cổng trại. Bầu trời xanh trong, con đường đôi, những sườn cỏ pha nắng chiều dịu dịu... tất cả vẫn hấp dẫn tôi như ngày nào mới tới nhưng cũng vì thế, tâm trí tôi càng không sao dứt ra khỏi những cơn đau của Vĩnh. Tôi đâm ra ngơ ngẩn, dường như vừa tỉnh lại vừa mơ thấy những cơn đau của chính mình. Bỗng nghe một tiếng gọi nhỏ: "Chú Đàm!". Tôi giật mình quay lại thì thấy cô gái cắt cỏ tôi thường gặp dưới gốc cây long não, đã theo sát sau tôi từ lúc nào. Hôm nay cô không đi cắt cỏ. Cô mặc đẹp và trang nhã, tay xách làn, úp ngoài cái làn là chiếc nón trắng tinh. Trông cô lớn hẳn lên, tươi trẻ, duyên dáng và nét mặt cô có vẻ ngượng ngùng, bối rối thật lạ lùng. Cô vừa vuốt tóc vừa líu ríu nói:

- Cháu vừa vào đến cổng thì trông thấy chú. May quá... chú có thể ngồi đây với cháu một lát được không?

Chúng tôi ngồi trên chiếc ghế dài, ken bằng thân gỗ đơn sơ, chân ghế chôn trong đất, dưới bóng mát hàng cây xé bên cổng trại. Cô gái đặt cái làn nơi đầu ghế, úp cái nón lên trên, đầu cô nghiêng nghiêng, chăm chú nhìn tôi:

- Chú khỏe không? Bên chân đau của chú thế nào?

Tôi dùng đầu gậy cời lên một viên đá rồi co chân, hất nó ra xa. Cô gái cười vui:

- Cháu mừng chú. Nhưng cháu vẫn không sao quên được cái nẹp với những đinh ốc bằng kim loại nằm trong xương thịt con người - cô chớp mắt rồi bỗng nói - chú nhận được những trái cam cháu gửi cho chú rồi chứ?

Tôi không biết trái cam nào nhưng vẫn cứ gật đầu:

- Cảm ơn. Tôi đã nhận được đủ cả.

- Hôm ấy cháu bạn, con em gái cháu nó đem cam lên đây thay cháu. Về nhà, nó kể lại rằng, nó hỏi thăm cô y tá trực, vào được đúng phòng chú. Nhưng trong phòng có hai chú, mà cả hai chú đều ngủ. Một chú quay mặt vào trong tường. Còn chú nằm giường bên, quay mặt trở ra. Chẳng biết chú nào là chú Đàm, nó đánh liều đến gần chú nằm quay mặt trở ra. Nó thấy chú ấy gầy khô, nét mặt nhăn nhó, thở nặng nhọc. Nó định gọi, nhưng lại sợ. Thế rồi chú ấy bỗng mở mắt ra, bàn tay quờ quạng về phía trước, miệng mấp má như định nói câu gì. Nó cúi xuống, nghe nhưng không thể nghe rõ câu gì. Hóa ra là chú ấy mê. Nó bối rối quá, vội để những trái cam nó mang theo lên mặt chiếc bàn con kê sát chỗ nó đứng rồi rón rén đi ra... Cháu nghe con em gái cháu kể lại như thế, cháu băn khoăn quá. Nhớ như nó lắm...

- Thì tôi chả vừa nói tôi đã nhận được đủ cả rồi là gì! - Tôi ngắt lời cô gái.

- Vâng! - Cô gái cúi đầu, vẻ ngoan ngoãn - Nhưng như thế cháu lại càng băn khoăn hơn. Băn khoăn cho sức khỏe của chú. Chú ngủ trong đau đớn và mê sảng... Bây giờ thì cháu mừng quá! Con người ta sống thật không dễ mà chết cũng không dễ một chút nào, có phải thế không chú?

Tôi im lặng thốt nhiên, cái hình ảnh tương phản của đôi bàn tay thon nhỏ, mềm mại và đôi bàn chân to bè, đầy vết nứt nẻ của cô gái lại đập vào mắt tôi. Nhưng cô không để ý đến điều đó, vẫn

chậm rãi nói:

- Cháu nghĩ như vậy vì mẹ cháu... Chú thử tưởng tượng đòi một người đàn bà góa bụa, bùi riu hai con nhỏ, ở một nơi hoàn toàn xa lạ... Mẹ cháu không có đủ sức lực và quyết tâm như bố cháu, đào hàng trăm cái giếng - hàng trăm cái và bỏ đi phần lớn, rút cục chỉ nhằm cắm cho bằng được cái xóm nhỏ hơn hai chục nóc nhà, cho nó tỏa rẫy ra một mảng sườn đồi. Nước có rồi. Nhưng cái ăn vẫn thiếu, tre pheo với bóng cây vườn lại càng thiếu hơn. Lúc bấy giờ cháu mới lên mười, tuy chưa hiểu gì nhưng đã biết thương mẹ cháu lắm. Đêm đêm rúc đầu vào nách mẹ, cháu tỉ tê: "Mẹ ơi, hay mẹ con ta về xuôi, ở dưới đó còn có bà ngoại với các dì...". Mẹ cháu nuốt nước mắt: "Về làm sao được hở con! Ít nhất thì mẹ con mình cũng phải chờ ba năm nữa, mẹ lo xong việc thay áo cho bố con...". Rồi thế nào, chú biết không? Những năm sau đó, ba mẹ con cháu vừa làm lụng tất bật, hết việc hợp tác đến việc nhà để cho có cái ăn, lại vừa hì hục xe đất màu từ dưới khe đồi lên, tôn mảnh vườn bên cạnh nhà. Cứ mỗi chiều một xe đất, đều đặn như thế, trừ những ngày mưa gió hoặc quá bận. Hai chị em cháu không đáng nói làm gì, chỉ lẳng nhẳng bám theo xe cho mẹ cháu khỏi lẻ loi. Chính mẹ cháu đã đào, xúc, cầm cày xe và gò lưng kéo, không phải hàng trăm, mà hàng ngàn xe đất... Bao nhiêu sợi chảo quàng qua vai mẹ, để kéo xe, đã phải thay đi vì chúng ngấm mồ hôi, ải mục dần và đứt. Đến bây giờ, vô số sợi chảo đứt vẫn còn vắt lòng thông trên gióng chuồng bò nhà cháu. Đôi khi con bò háo muối, nó lại rút từng mẩu chảo, nhai xào xạo. Thế là mẹ cháu lại la lớn: "A, con quá! Con quá!" vừa la vừa kéo vạt áo lên chấm mắt. Thấm thoát, vậy mà mẹ cháu đã già rồi, mắt kém rồi.

Những ngày trước đây, ngồi dưới gốc cây long não trên mòm đồi cao, tôi đã nhìn thấy cái xóm nhỏ của cô gái, phía xa xa. Bây giờ thì tôi nhìn thấy cả ngôi nhà nhỏ của cô, mảnh vườn và vuông sân đầy sỏi vụn. Tôi liền phác ra cái cảnh tượng quây quần đầm ấm giữa ba mẹ con cô, với những nụ cười, tiếng bò nhai cỏ, tiếng lợn kêu và đàn gà tranh ăn tít tít...

- Rồi sao nữa? - Cô gái nheo nheo đuôi mắt, hơi héch cái cằm thon nhỏ, vẻ như khiêu khích trí tưởng tượng của tôi.

- Rồi cô sẽ đi lấy chồng. Một anh chồng thật tốt nét, nhà ở ngay trong xóm, hoặc nhà anh ta xa thì anh ta sẽ đến ở rể. Còn cô chắc chắn là rất mắn con. Chẳng bao lâu, bà cụ sẽ có một đàn cháu ngoại...

Cô gái bỗng phá lên cười ngặt nghẽo. Tiếng cười làm tôi ngỡ ngác.

- Cháu buồn cười quá! Là vì, mẹ cháu cũng thường hay vẽ ra cái cảnh mai sau vui vẻ, y như chú ấy. Nhưng chú biết thế nào không? Một hôm, có một chiếc ô-tô đỗ lại ngoài đầu xóm, nhóm công nhân đi áp tải gỗ tìm vào nhà cháu, xin thổi cơm nhờ. Bọn họ cứ như giặc ấy, làm náo loạn cả lên. Một anh chàng trong bọn bảo cháu: "Này cô bé, vào trong chân núi trồng rừng với bọn anh đi. Bọn anh là một lũ chuyên phá rừng đang cần có người trồng rừng mà tìm mãi chưa ra!". Cháu ức quá, liền nói: "Cái mặt anh còn non choẹt, sao dám gọi tôi là cô bé? Mà anh với tôi có quen biết gì nhau!". Anh chàng đáp lửng lơ: "Thì thôi, tôi sẽ gọi cô là cô bạn vậy... Này cô bạn, cô có bao giờ để ý đến đàn kiến không? Kiến ở khắp nơi và cứ đi lại tất bật khắp nơi. Con người ta cũng như kiến ấy, người ở khắp nơi và cũng cứ đi lại tất bật khắp nơi, trên mặt đất này. Con người gặp nhau tuy không cụng đầu như kiến nhưng lại biết nhìn nhau. Chẳng hạn như tôi đang nhìn cô bạn, cô bạn thấy thế nào?". Anh chàng tán cứ như gió ấy... Nhưng thôi, cháu có chút việc bận, cháu phải đi ngay bây giờ...

Cô gái đột ngột nhắc cái làn cô vẫn giấu dưới chiếc nón úp nghiêng, lấy trong làn ra một cái túi ni-lông mỏng, trong đựng những trái cam. Cô giúi cái túi vào tay tôi. Tôi định nói một câu gì nhưng cô gái lập tức buộc tôi phải câm lặng, bằng cách nói thác ra rằng cô đã cầm tiền tôi gửi để mua cam, số tiền ấy cô mua chưa hết, vậy thì tôi bắt buộc phải nhận những trái cam cô đem đến cho tôi. Rồi cô đứng ngay dậy, chào tôi, đi rất nhanh theo con đường dốc lượn xuống chân đồi.

Trở về phòng, tôi đặt ngay túi cam lên mặt chiếc bàn con, bên phía giường Vĩnh. Việc làm đó xảy ra tự nhiên, ngoài ý thức của tôi, dường như nó nhất thiết phải là như vậy. Không ngờ lúc đó

Vĩnh nằm nhắm mắt nhưng vẫn tỉnh. Ông ngồi bật ngay dậy, khẽ hát hàm về phía tôi, giọng gay gắt:

- Cậu vừa làm cái trò gì thế, Đam?

Tôi định thanh minh nhưng Vĩnh xua tay, giọng càng gay gắt hơn:

- Hóa ra lần trước cũng chính là cậu hả? Cậu thông minh và đã thành công đấy. Nhưng lần này cậu lặp lại là cậu ngu ngốc. Ngu ngốc, cậu hiểu chứ.

Cơn nóng giận của Vĩnh thật bất thường, vô lý. Tuy nhiên, đã quá quen với sự trở chứng của một người bệnh như Vĩnh, tôi đành nín nhịn và nhận tất cả lỗi lầm về mình. Tôi thổ lộ với ông rằng, mấy trái cam chẳng đáng kể gì, cái chính là tôi muốn chia sẻ cùng ông niềm vui của tôi khi tôi nhận được chúng, từ tay cô gái không quen biết. Tôi vừa trò chuyện với cô và lần này, tiếp nối với những lần trước, cô đã lôi cuốn tôi vào giữa dòng đời tuôn chảy. Tôi đã hồi sinh và cảm thấy từ trong máu thịt tôi, rằng cái dòng chảy ấy là vô cùng, đầy ghèngh thác, nhan nhản ngẫu nhiên, những khúc êm đềm thật hiếm hoi và ngắn ngủi, đến mức ta chưa kịp thở cho khoan khoái thì những ghèngh thác mới đã lại hiện ra rồi. Cái giây phút cô gái vụt đứng lên, chào tôi rồi hấp tấp quay đi - tôi không rõ cô đi đâu, có việc gì, chỉ có thể đoán là việc ấy rất hệ trọng đối với cô - cái giây phút ấy khiến tôi bị ám ảnh. Nghe tôi nói, nét mặt Vĩnh dịu dần, ông mỉm cười độ lượng, hướng về phía tôi:

- Cậu thử nói rõ hơn, cậu bị ám ảnh về nỗi gì nào?

- Về sự biến đổi - tôi ngập ngừng - về những điều mình biết và chưa biết...

- Biết và chưa biết. Thì hiển nhiên phải vậy, nó mới là cuộc đời chứ! - Vĩnh khẽ đặt bàn tay lên ngực áo, xoa nhẹ nhẹ - Như mình đây, mình đã chai lì đi trước những cơn đau quần quại, với ý nghĩ đình ninh rằng nó không thể đứt, vậy mà nó vừa đột nhiên chấm dứt... Chà, mình thấy trong người cứ nhẹ lâng lâng. Để mình kể nốt cậu nghe chuyện ba mươi sáu năm về trước của mình. Mình cần phải kể, để xua tan cái cảm giác bị bứt ra, tan loãng đi khỏi mặt đất này... Cái đêm thoát tù ba mươi sáu năm về trước ấy, nói tóm tắt, mình đã cùng cô bé vượt qua vành đai trắng, tìm về được nhà bà mẹ cơ sở cũ của mình. Bà mẹ chỉ có một con trai, đã bị giặc giết, đem bêu đầu ngoài chợ. Vì thương con, bà khóc lòa cả hai mắt. Nghe tiếng tôi nói, bà nhận ra ngay. Còn cô bé, bà phải sờ đầu tóc, mặt mũi, nắn vuốt hai cánh tay, cho đến từng ngón tay - sau nhiều lần như thế, bà mới nói thông thả và rành rọt: "U tin con. Nếu con không chê u nghèo, con ở lại, u sẽ nuôi con, gầy dựng cho con!". Tôi nán ở lại nhà bà mẹ ít hôm, tưởng như thế là đã thu xếp được cho cô bé ổn thỏa. Không ngờ, buổi tối sắp lên đường tìm về đơn vị cũ, cô bé cứ níu chặt lấy tôi, khóc nức nở, đòi theo tôi. Cô nói với tôi rằng, cô có thể làm cấp dưỡng, liên lạc hoặc bất cứ việc gì. Tôi càng an ủi, dỗ dành, cô càng khóc, cuối cùng tôi phải hứa với cô, sau khi tìm thấy đơn vị, tôi sẽ trở lại đón cô. Cô bé nín khóc, nhìn tôi đăm đăm, vừa như van xin vừa như quả quyết:

"Không chỉ hứa mà phải thề với em đi!". Tôi mấp máy môi nhưng cô bé vội xua tay, nét mặt cô già hẳn đi, đánh sắt lại: "Anh hãy cắn vào đầu ngón tay trở của anh, cho tóe máu. Rồi anh nuốt những giọt máu của anh vào bụng anh đi. Nào... anh có dám thề với em theo cách như thế không nào?". Tôi vâng theo cô bé trong nỗi kinh hoàng, không phải vì tôi sợ đau đớn mà là vì cái ma lực mạnh mẽ đến dữ dằn ẩn trong giọng nói trẻ thơ, êm dịu của cô. Về sau này tôi mới dần dần hiểu ra rằng, cô bé khăng khăng níu giữ tôi, quyết không để mất tôi vì tôi, lúc đó, là biểu tượng của cả cuộc đời này, cuộc-đời-nói-chung, mà cô vừa tìm lại được... Đơn vị tôi đã chuyển địa bàn hoạt động, rồi những trận giặc càn, những chuyến đi trinh sát mới và những trận đánh mới... Mãi một năm sau tôi mới tìm về chốn cũ, gặp lại được cô bé của tôi. Cô không còn là cô bé con gầy gò, đen đui, rách tả tơi mà đã thành một cô gái tuy không xinh đẹp nhưng mặn mà, tươi tắn. Cô nói với tôi, ngay sau phút đầu gặp gỡ: "U chết rồi!". Tôi thấp ba nén nhang, cúi đầu trước bàn thờ bà mẹ. Rồi tôi rụt rè tin để cô biết, chuyện này cô có thể theo tôi về đơn vị, làm cứu thương hoặc sang công tác bên huyện hội phụ nữ - đoàn thể nhận đỡ đầu đơn vị tôi. Cô gái ngồi im lặng, xoắn vặn hai bàn tay rồi bỗng ngẩng lên, thẳng thốt nói: "U chết rồi... Anh thử tưởng tượng, một năm trời em sống với u, lúc đầu u phải sờ tận mặt em mới nhận ra được. Sau u chỉ cần nghe giọng nói. Sau cùng, em nín thở, rón rén đến bên u, u chỉ cần thoáng ngửi thấy mùi tóc em là u biết... Căn nhà xiêu vẹo này có bàn thờ u, hơn nữa, còn có những hầm bí mật do chính tay em đào và

chỉ mình em biết. Anh có biết vì sao em dám đào hầm bí mật không? Vì những giọt máu ứa ra nơi đầu ngón tay trở của anh đấy...". Thế là chúng tôi chia tay nhau. Cô gái ở lại. Và tôi đi. Tôi đi suốt thời trai trẻ, cho đến tận bây giờ... Trong trí nhớ của tôi, hình ảnh cô gái vừa cố định lại vừa chuyển dịch theo dòng thời gian. Tôi thường tưởng tượng cái giây phút mình hiện sống, thì ở nơi cô, cô đang sống thế nào? Chẳng hạn, lúc này đây, giá mình gặp lại cô ta, chắc cô ta đã thành bà mẹ và rất có thể một đứa con bà cũng sẽ đem cho mình những trái cam, như những trái cam này chẳng?

Vĩnh nhắc túi cam lên, nhìn ngắm rồi chậm chạp nhấc ra từng quả, bày chúng lên mặt bàn. Khuôn mặt ông đờ đẫn, vẻ như ông đã quên cơn nóng giận về việc tôi đã đặt túi cam "của tôi" lên bàn ông và ông đang chìm đắm vào một giấc mơ nào đó. Nhưng cũng không hoàn toàn như thế. Vĩnh chợt ngẩng lên, đôi mắt ông sáng lấp lánh, ông cầm một trái cam, đặt vào lòng bàn tay tôi, nói như ra lệnh:

- Trái gì đang trong tay cậu, cậu biết không? Trái hạnh phúc đấy. Hạnh phúc bình dị, vừa nuôi dưỡng tinh thần ta, lại vừa ăn được. Nhưng chớ vội ăn ngay. Trước khi ăn, hãy tự hỏi mình, thứ trái cây này sao nhỏ và hiếm hoi đến thế, hỏi mà không hờ hững, vô tình thì hãy ăn!

Giọng Vĩnh bỗng lạc đi, nghe khác lạ. Tôi cúi xuống tay mình. Đến khi ngẩng lên thì Vĩnh đã ngã xuống giường, môi mím chặt, đôi mắt nhìn mơ hồ tận đâu đâu...

Ngày tôi phải xa Vĩnh không ngờ đến quá nhanh. Thứ hai đầu tuần, trại an dưỡng gửi tôi về bệnh viện tỉnh để chiếu X quang và kiểm tra sức khỏe. Đường xá không lấy gì làm xa nhưng cầu phà trắc trở, mãi sáng hôm sau tôi mới trở về được. Xe chờ tôi vừa đỗ lại trước sân trại thì cô y tá từ phòng trực hấp tấp chạy ra, vẫy gọi tôi. Cô tin để tôi biết rằng, đêm qua Vĩnh đột ngột bị lên cơn đau quá nặng, trại phải đi mượn xe bộ đội, cấp tốc đưa Vĩnh về Hà Nội, gửi ông vào bệnh viện chuyên khoa vốn vẫn điều trị cho ông từ mấy năm nay. Cô đưa cho tôi một tờ giấy gấp tư vuông vắn. Tôi giờ ra, thấy chữ của Vĩnh viết rất to, nắn nót, ngòi bút như xiết lên mặt giấy: "Minh đi. Đàm ở lại mạnh khỏe. Đừng quên mình!". Trời ơi, làm sao tôi có thể quên Vĩnh được. Tôi cảm thấy ngột ngạt, liền quay ra cổng trại, nặng nhọc leo lên mòm đồi có cây long não. Trước mặt tôi, phong cảnh một vùng đồi quen thuộc dường như mờ đi, chỉ còn nổi rõ con đường dốc lượn dưới chân đồi. Tôi như nhìn thấy chập chờn đâu đó - hình bóng chiếc xe bộ đội sơn màu xanh rêu, mui bạt đã cũ, lao nhanh giữa đám bụi cuốn mù. Thế là Vĩnh đã ra đi, im lặng và nhẹ nhàng như ngọn gió... Chợt nghe một tiếng gọi thoảng bên tai tôi:

- Chú Đàm!

Tôi giật mình quay lại, thấy một cô bé tóc ngắn cũn cỡn, khuôn mặt bầu bĩnh, mắt rất to, tay cô bé cầm cái liềm hơi vung vẩy...

- Sao cháu biết tên chú?

Cô bé cười, để lộ một chiếc răng cửa mọc nghiêng.

- Lúc nãy, cháu nghe cô y tá gọi tên chú. Cháu cất cổ bên hàng rào mà. Gánh cỏ của cháu kia... Giá không có cô y tá thì cháu chẳng nhận ra chú đâu. Hôm chị cháu sai cháu đem cam lên cho chú, chú ngủ, cháu thấy chú già, gầy khô, râu ria mọc khiếp lên kia!

- Đạo ấy chú đang đau. Còn bây giờ chú hết đau rồi. Chú lại được gặp cháu nữa, vui quá!

Cô bé đứng im, để tôi nhặt những vụn cỏ vương trên mái tóc và vai áo cô.

- Chú biết không, chị cháu lấy chồng rồi! - Cô bé bỗng nói - Hôm chị cháu mang cam lên cho chú là hôm chị cháu lên phố huyện may áo cưới đấy... Chị cháu mặc bộ đồ cô dâu đẹp lắm, nhưng mà chị cháu ngượng, mặt cứ đỏ bừng bừng lên. Thế rồi đến lúc họ nhà giai xin đón dâu về, chị cháu đến bên mẹ cháu, nói lí nhí: "Con xin phép mẹ, con đi..." mắt chị cháu đỏ hoe, nước mắt vòng quanh, trông thật buồn cười. Chị cháu lấy anh cháu là do hai người yêu nhau đấy chứ. Anh cháu ở lâm trường, tit trong chân núi. Chắc chị cháu sợ lúc mới về trong ấy, lạ, chú nhỉ?

Tôi mỉm cười:

- Cái đó thì chú chịu, chú không biết. Bao giờ cháu lớn như chị cháu...

Cô bé rụt cổ, lười hơi thè ra:

- Eo ôi, cháu còn bé thế này, biết đến bao giờ cháu lớn bằng chị cháu mà chú đã vội nói! À, mà cháu quên, chị cháu có dặn cháu, nếu cháu lên đây cắt cỏ, tìm gặp được chú, thế nào cũng mời chú, dẫn chú về chơi nhà cháu một buổi. Chú về được không?

Tôi nắm chặt bàn tay nhỏ nhắn nhưng cứng cáp của cô bé. Lòng tôi đinh ninh, thế nào tôi cũng đi theo bước chân nhảy nhót của cô.